

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NÔNG NGHIỆP NAM BỘ**



BÁO CÁO
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG
TRÌNH ĐÀO TẠO NĂM 2023
NGHỀ: BẢO VỆ THỰC VẬT. TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

Tiền Giang, tháng 11 năm 2023

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
CÁC TỪ VIẾT TẮT	3
PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG, KHOA TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ BẢO VỆ THỰC VẬT TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG	4
1. Giới thiệu về Trường	4
1.1. Thông tin chung về Trường	4
1.2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển	4
1.3. Thành tích nổi bật	5
1.4. Cơ cấu tổ chức và nhân sự	6
1.4. Một số ngành nghề đào tạo của Khoa Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	8
1.5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính	8
2. Thông tin khái quát về Khoa Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	9
2.1. Đặc điểm, tình hình	9
2.2. Nhiệm vụ	11
2.3. Thành tích đạt được	12
3. Thông tin về Chương trình đào tạo	12
3.1. Thông tin chung	12
3.2. Mục tiêu đào tạo	12
3.2.1. Kiến thức nghề nghiệp	12
3.2.2. Kỹ năng nghề nghiệp:	13
3.2.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp	13
3.2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:	14
3.3. Nội dung chương trình:	14
PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	17
1 Tổng quan chung	17
1.1 Căn cứ tự đánh giá	17
1.2 Mục đích tự đánh giá	17
1.3 Yêu cầu tự đánh giá	17
1.4 Phương pháp tự đánh giá	17
1.5 Các bước tiến hành tự đánh giá	18
2 Tự đánh giá	18
2.1 Tổng hợp kết quả tự đánh giá	18

2.2	Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn	22
2.2.1.	Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính.....	22
2.2.2.	Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo	27
2.2.3.	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên	37
2.2.4.	Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình.....	47
2.2.5.	Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện.....	63
2.2.6.	Tiêu chí 6 - Dịch vụ cho người học.....	73
2.2.7.	Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng	81
PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO		89
PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ		91

CÁC TỪ VIẾT TẮT

CTĐT	Chương trình đào tạo
DMTB	Danh mục thiết bị
CBVC	Cán bộ viên chức
CBGV	Cán bộ giáo viên
GV	Giáo viên
BVTV	Bảo vệ thực vật
KHCT	Khoa học cây trồng
CBQL	Cán bộ quản lý
HSSV	Học sinh sinh viên
TT-BVTV	Trồng trọt-Bảo vệ thực vật
NV	Nhân viên
KHCN	Khoa học công nghệ
NN-PTNT	Nông nghiệp - Phát triển nông thôn
GDNN	Giáo dục nghề nghiệp

PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG, KHOA TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ BẢO VỆ THỰC VẬT TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

1. Giới thiệu về Trường

1.1. Thông tin chung về Trường

Tên trường: Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ

Tên tiếng Anh: Nam Bo Agriculture College

Cơ quan chủ quản: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Địa chỉ:

- Cơ sở chính: xã Tân Mỹ Chánh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

- Cơ sở phân hiệu: 511, An Dương Vương, phường An Lạc A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

Số điện thoại: 02733 850 136. Fax: 02733 850 247

Website: www.nbac.edu.vn. Email: info@nbac.edu.vn

Năm thành lập trường:

- Năm thành lập: 1976

- Năm hợp nhất thành trường Trường Trung học và Dạy nghề Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Nam Bộ: 1996

- Năm nâng cấp thành trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ: 2008

Loại hình trường: Công lập Tư thục

1.2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển

Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ được thành lập vào ngày 28/01/2008 theo Quyết định số 479/QĐ-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo trên cơ sở nâng cấp Trường Trung học và Dạy nghề Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Nam Bộ.

Trường Trung học và Dạy nghề Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Nam Bộ được thành lập theo Quyết định số 2360/QĐ-BNN-TCCB ngày 30/12/1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên cơ sở hợp nhất và tổ chức lại Trường Trung học Thủy lợi 3 và Trường Trung học Kỹ thuật Nông nghiệp Long Định.

Trong đó, Trường Trung học Thủy lợi 3 được thành lập và hoạt động từ ngày 29/6/1976, đặt tại xã Tân Mỹ Chánh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Trường Trung học Kỹ thuật Nông nghiệp Long Định có tiền thân là Trường Trung cấp Nông nghiệp được thành lập và hoạt động năm 1974 tại Chiến khu Lộc Ninh. Năm 1976, Trường được thành lập lại với tên Trường Trung học Kỹ thuật Nông nghiệp Long Định, tọa lạc tại xã Long Định, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Từ năm 2008, sau khi nâng cấp lên thành Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ, song song với nhiệm vụ đào tạo nghề, Nhà trường còn tăng cường công tác nghiên cứu

khoa học và chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực nông nghiệp nông thôn. Năm 2019, Trường được Bộ lao động - Thương binh và Xã hội quyết định cho sáp nhập Trường Trung cấp Thủy sản vào Trường (Quyết định số 1128/QĐ-LĐTBXH ngày 9/8/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

Tóm lại, lịch sử thành lập Trường có thể tóm tắt qua 4 thời kỳ chính:

- Thời kỳ thứ nhất (1976 - 1996): Trường Trung học Kỹ thuật Nông nghiệp Long Định và Trường Trung học Thủy lợi 3 là 2 cơ sở giáo dục đào tạo trung cấp chuyên nghiệp độc lập (bao gồm hai trường: Trường Trung học Kỹ thuật Nông nghiệp Long Định và Trường Trung học Thủy lợi 3).

- Thời kỳ thứ hai (1997 - 2007): Trường Trung học và Dạy nghề Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Nam Bộ (sáp nhập 2 Trường Trường Trung học Kỹ thuật Nông nghiệp Long Định và Trường Trung học Thủy lợi 3 thành Trường Trung học và Dạy nghề Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Nam Bộ).

- Thời kỳ thứ ba (2008 - 2018): Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ (nâng cấp từ Trường Trung học và Dạy nghề Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Nam Bộ).

- Thời kỳ thứ tư (2019 - 2022): Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ (có sáp nhập Trường Trung cấp Thủy sản và thành lập phân hiệu tại Thành phố Hồ Chí Minh).

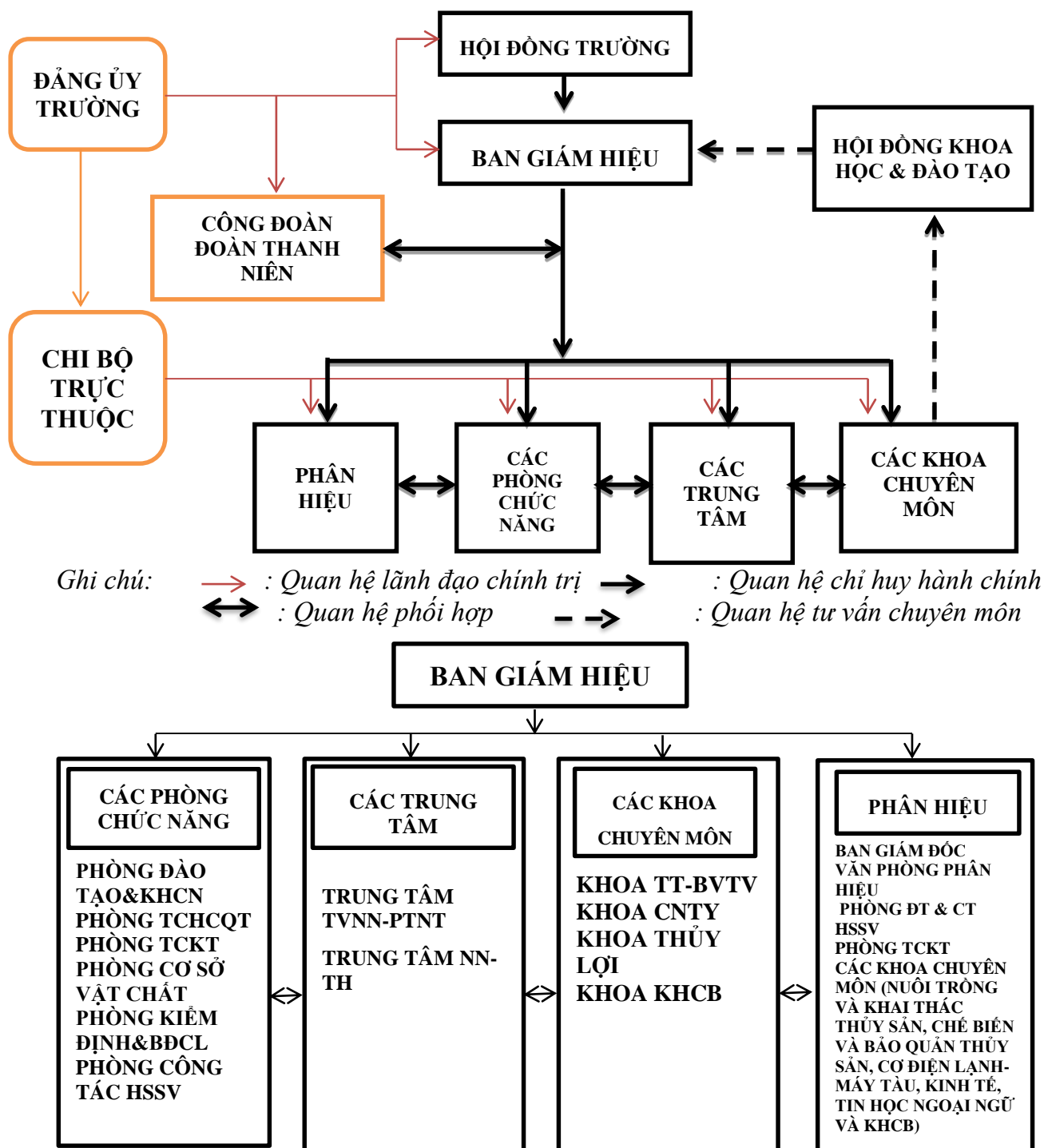
Trải qua hơn 47 năm hoạt động và trưởng thành, Nhà trường luôn giữ vững và phát huy vai trò tiên phong trong sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực thuộc lĩnh vực nông nghiệp phục vụ cho khu vực Nam Bộ nói riêng và cả nước nói chung. Nhà trường có 01 phân hiệu, 06 phòng chức năng, 04 khoa chuyên môn, 02 trung tâm với nhiệm vụ đào tạo 3 cấp trình độ cao đẳng, trung cấp và sơ cấp; bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động; nghiên cứu ứng dụng chuyển giao khoa học công nghệ; liên kết đào tạo.

1.3. Thành tích nổi bật

Năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020 tập thể Trường đều đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc và nhận được Bằng khen của UBND Tỉnh Tiền Giang. Năm học 2020 - 2021 tập thể Trường đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc nhận được Bằng khen của UBND Tỉnh Tiền Giang và vinh dự nhận được Cờ thi đua của Bộ Nông nghiệp & PTNT.

Ngoài ra, một số đơn vị trực thuộc Trường cũng đạt được nhiều thành tích trong công tác như: Phòng Tổ chức, Hành chính và Quản trị nhận Bằng khen Thủ tướng Chính phủ (2018 - 2019), Bằng khen Bộ trưởng (2019 – 2020); Phòng Kiểm định & Bảo đảm chất lượng, Trung tâm Tư vấn Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, Khoa Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Khoa Chăn nuôi, Thú y nhận Bằng khen Bộ trưởng (2020 – 2021).

1.4. Cơ cấu tổ chức và nhân sự



Theo Quyết định số 4717/QĐ-BNN-TCCB ngày 09 tháng 02 năm 2019 của Bộ được Bộ Nông nghiệp và PTNT về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ, cơ cấu tổ chức Trường như sau:

- Ban Giám hiệu: 04 người (01 Hiệu trưởng và 03 Phó hiệu trưởng)
- Đơn vị trực thuộc: 12 đơn vị (6 Phòng; 4 Khoa và 2 Trung tâm)
- Phân hiệu tại TP. Hồ Chí Minh:

+ 01 giám đốc và 02 phó giám đốc

+ 3 phòng và 5 khoa

Trường cơ bản đã xây dựng được bộ máy quản lý thống nhất sau khi sáp nhập trường Trung cấp Thủy sản và tổ chức thành Phân hiệu Trường tại TP. Hồ Chí Minh, Bộ máy hoạt động có hiệu quả từ Ban Giám hiệu đến các đơn vị trực thuộc, góp phần vào hoàn thành được chức năng, nhiệm vụ và đáp ứng yêu cầu phát triển của Nhà trường.

Tổng số cán bộ viên chức – người lao động trong nhà trường là: 117 người

Trong đó:

+ Cán bộ quản lý: 33 người.

+ Viên chức, Nhân viên hợp đồng: 27

+ Giảng viên dạy chuyên môn: 57

Trong đó:

Nam: 62 người,

Nữ: 55 người

Trình độ đào tạo	Tổng số
Tiến sĩ	5
Thạc sĩ	54
Đại học	50
Cao đẳng	2
Trung cấp	3
Công nhân bậc 5/7 trở lên	0
Trình độ khác	3
Tổng số	117

Có thể thấy rằng, số người làm việc cần thiết tập trung chủ yếu ở khối công việc hoạt động nghề nghiệp (giảng dạy), điều này cũng phản ánh đúng với thực trạng hoạt động của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ, công việc chủ yếu là giảng dạy và nghiên cứu khoa học chuyển giao công nghệ; đây cũng là những vị trí việc làm thường biến động theo ngành đào tạo và phụ thuộc nhiều vào kết quả tuyển sinh hàng năm; nếu ngành tuyển sinh được đông thì các vị trí việc làm trong ngành phải tăng cường hoạt động để bù lại những ngành có năm không tuyển sinh được; đồng thời các ngành tuyển sinh không được các vị trí việc làm tạm thời phải kiêm thêm công việc của các vị trí việc làm phục vụ hỗ trợ để đảm bảo không tăng biên chế và các vị trí cùng có đủ việc làm.

1.4. Một số ngành nghề đào tạo của Khoa Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

TT	Tên ngành/ nghề đào tạo	Mã ngành/ nghề	Quy mô tuyển sinh/ năm	Trình độ đào tạo
1	Bảo vệ thực vật	6620116	100	Cao đẳng
		5620116	30	Trung cấp
2	Khoa học cây trồng	6620109	40	Cao đẳng
3	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	5620111	60	Trung cấp
4	Trồng rau công nghệ cao		25	Sơ cấp
5	Trồng mai vàng, mai chiếu thủy		25	Sơ cấp
6	Trồng sấu riêng, măng cụt		25	Sơ cấp
7	Trồng rau hữu cơ		25	Sơ cấp
8	Tạo dáng và chăm sóc cây cảnh		25	Sơ cấp
9	Trồng ca cao xen dừa		25	Sơ cấp
10	Trồng thanh long		25	Sơ cấp
11	Trồng cây có múi		25	Sơ cấp
12	Trồng hoa lan		25	Sơ cấp
13	Vi nhân giống hoa		25	Sơ cấp
14	Trồng rau an toàn		25	Sơ cấp
15	Trồng lúa năng suất cao		25	Sơ cấp
16	Trồng hoa huệ, lay ơn, đồng tiền, hồng môn		25	Sơ cấp
17	Trồng dưa hấu, dưa bở		25	Sơ cấp
18	Nhân giống cây ăn quả		25	Sơ cấp
19	Quản lý dịch hại tổng hợp		25	Sơ cấp
20	Trồng xoài, ổi, chôm chôm		25	Sơ cấp
21	Trồng dứa (khóm, thơm)		25	Sơ cấp
22	Trồng bầu, bí, dưa chuột		25	Sơ cấp

1.5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

- Tổng diện tích đất đai toàn trường: 97.028 m², trong đó:
 - + Cơ sở chính: 79.633,3 m²
 - + Phân hiệu: 17.395 m²
- Diện tích xây dựng tại cơ sở chính: 18.008 m²

+ Diện tích cây xanh, sân, đường nội bộ, trại thực hành, ao thủy sản, sân thể thao ngoài trời : 66.892,3 m²

TT	Hạng mục, công trình	Sàn đã xây dựng (m²)	Đang xây dựng (m²)
1	Khu hiệu bộ	1.972	
2	Phòng học lý thuyết	2422	
3	Xưởng/Phòng thực hành	2533	
4	Khu phục vụ		
4.1	<i>Thư viện</i>	<i>104</i>	
4.2	<i>Ký túc xá</i>	<i>2.394</i>	
4.3	<i>Nhà ăn</i>	<i>300</i>	
4.4	<i>Phòng y tế</i>	<i>32</i>	
4.5	<i>Khu thể thao</i>	<i>3.290</i>	

Tổng số đầu sách trong thư viện của Nhà trường: 2.479 đầu sách với số lượng bản: 13.172 bản. Trong đó:

Sách tham khảo: 2.369 đầu sách

Giáo trình, bài giảng, sách giáo khoa: 110 đầu sách.

Tổng số đầu tạp chí, báo: 10 đầu được cập nhật thường xuyên.

Tổng số máy vi tính có nối mạng internet: 10 máy.

2. Thông tin khái quát về Khoa Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

2.1. Đặc điểm, tình hình

- Tên đơn vị: Khoa Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
- Địa chỉ: QL50, Xã Tân Mỹ Chánh - TP. Mỹ Tho - Tỉnh Tiền Giang.
- Điện thoại: 02733. 850.136 Fax: (02733) 850.247
- Quá trình thành lập và phát triển

Khoa Trồng trọt và Bảo vệ thực vật được thành lập từ khi Trường được nâng cấp lên thành trường cao đẳng từ năm 2008. Hiện nay Khoa có 4 bộ môn gồm: Bộ môn Bảo vệ thực vật, bộ môn Khoa học cây trồng, bộ môn Chế biến - Bảo quản nông sản, bộ môn Công nghệ sinh học với số lượng 7 giảng viên thuộc Khoa và 9 giảng viên kiêm nhiệm. Trình độ chuyên môn giảng viên trong khoa: 1 tiến sĩ, 14 thạc sĩ, 1 kỹ sư.

Về học sinh sinh viên của khoa: Hiện nay Khoa quản lý chuyên môn và giảng dạy số lượng sinh viên tổng cộng trên 360 học sinh, sinh viên với tổng số 18 lớp trong và ngoài trường, ở các ngành học cấp học khác nhau. Trong đó có 340 học sinh sinh viên (16 lớp) thuộc lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật.

- Về nhân sự:

+ Lãnh đạo khoa: 02 người.

+ Giáo viên cơ hữu: 05 người.

+ Giáo viên kiêm nhiệm: 09 người.

TT	Họ và Tên	Trình độ	Chức vụ	E. Mail
1	Nguyễn Văn Dũng	Thạc sĩ	Trưởng Khoa	nguyenvandung@nbac.edu.vn
2	Nguyễn Thanh Bình	Thạc sĩ	P.Trưởng Khoa	nguyenthanhbinh@nbac.edu.vn
3	Huỳnh Văn Cẩn	Thạc sĩ	Giảng viên	huynhvancan@nbac.edu.vn
4	Lâm Anh Nghiêm	Thạc sĩ	Giảng viên	lamanhnghiem@nbac.edu.vn
5	Nguyễn Thị Hạnh	Thạc sĩ	Giảng viên	nguyenthihanh@nbac.edu.vn
6	Võ Khoa Chi	Thạc sĩ	Giảng viên	vokhoachi@nbac.edu.vn
7	Nguyễn Thị Quyên	Thạc sĩ	Giảng viên	nguyenthiquyen@nbac.edu.vn
8	Nguyễn Tiến Huyền	Thạc sĩ	Giảng viên kiêm nhiệm	nguyentienhuyen@nbac.edu.vn
9	Hà Chí Trực	Thạc sĩ	Giảng viên kiêm nhiệm	hachitruc@nbac.edu.vn
10	Trần Phạm Thanh Giang	Thạc sĩ	Giảng viên kiêm nhiệm	thanhgiang@nbac.edu.vn
11	Hồ Phương Quyên	Thạc sĩ	Giảng viên kiêm nhiệm	hophuongquyen@nbac.edu.vn
12	Trần Thị Thu Tâm	Thạc sĩ	Giảng viên kiêm nhiệm	thutam@nbac.edu.vn
13	Nguyễn Trọng Trung	Thạc sĩ	Giảng viên kiêm nhiệm	nguyentrongtrung@nbac.edu.vn
14	Ung Minh Anh Thu	Thạc sĩ	Giảng viên kiêm nhiệm	anhthu@nbac.edu.vn
15	Nguyễn Thị Thuỳ Dương	Kỹ sư	Giảng viên kiêm nhiệm	thuyduong@nbac.edu.vn
16	Lê Thị Như Thảo	Tiến sĩ	Giảng viên kiêm nhiệm	nhuthao@nbac.edu.vn

2.2. Nhiệm vụ

Quản lý giảng viên, học viên và học sinh, sinh viên ngành Trồng trọt - Bảo vệ thực vật, ngành Công nghệ sinh học và ngành Công nghệ thực phẩm theo phân công của Hiệu trưởng;

Thực hiện kế hoạch giảng dạy, học tập và các hoạt động ngoại khóa khác theo chương trình, kế hoạch giảng dạy hằng năm của trường theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Xây dựng chương trình đào tạo của từng nghề thuộc lĩnh vực ngành Trồng trọt - Bảo vệ thực vật, theo từng trình độ đào tạo do Hiệu trưởng giao.

Tổ chức biên soạn đề cương chi tiết các môn học, mô-đun, tín chỉ liên quan bảo đảm tính thống nhất, tránh chồng chéo giữa các môn học, mô-đun, tín chỉ của chương trình đào tạo hoặc giữa các trình độ đào tạo.

Tổ chức phát triển chương trình đào tạo, xây dựng các đề án, biên soạn tài liệu, giáo trình đào tạo theo định hướng phát triển của nhà trường; phát triển chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu giảng dạy trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo thường xuyên theo quy định.

Tổ chức nghiên cứu cải tiến phương pháp giảng dạy, học tập nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

Tổ chức giảng dạy, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, bảo đảm chuẩn đầu ra của người học theo cam kết đã được công bố, đáp ứng nhu cầu sử dụng của thị trường lao động.

Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế; hợp tác với các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ liên quan đến ngành nghề thuộc lĩnh vực Trồng trọt - Bảo vệ thực vật; Công nghệ sinh học; Công nghệ thực phẩm và huy động sự tham gia của doanh nghiệp vào quá trình đào tạo của khoa;

Tham mưu Ban giám hiệu đề xuất kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên (đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ); tăng cường điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo; thực hiện các hoạt động thực nghiệm, nghiên cứu khoa học, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào quá trình đào tạo;

Tổ chức dự giờ, đánh giá giảng viên trong Khoa và tham gia đánh giá cán bộ quản lý trong trường theo quy định của Nhà trường;

Quản lý, sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo theo quy định của Hiệu trưởng; đề xuất, xây dựng các kế hoạch bổ sung, bảo trì thiết bị đào tạo của Khoa;

Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định và thực hiện các nhiệm vụ đột xuất được Ban giám hiệu giao.

2.3. Thành tích đạt được

Năm 2017 Khoa xuất sắc được nhận Bằng khen của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Ba năm học 2020 - 2021, 2021 – 2022, 2022 - 2023 Khoa đều đạt danh hiệu thi đua tập thể Lao động xuất sắc do Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ công nhận.

3. Thông tin về Chương trình đào tạo

3.1. Thông tin chung

Chương trình đào tạo ngành Bảo vệ thực vật trình độ cao đẳng được Nhà trường xây dựng và đưa vào giảng dạy từ khi Trường được nâng cấp lên thành trường Cao đẳng từ năm 2008. Từ năm học 2008 - 2009 đến năm học 2016 - 2017 Trường đã đào tạo được 9 khóa cao đẳng Bảo vệ thực vật theo chương trình đào tạo giáo dục đại học. Đến năm 2017, sau khi chuyển sang giáo dục nghề nghiệp, chương trình đào tạo nghề Bảo vệ thực vật trình độ cao đẳng được xây dựng lại theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và bắt đầu tuyển sinh đào tạo

Tên ngành, nghề: Bảo vệ thực vật

Mã ngành, nghề: 6620116

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

Thời gian đào tạo: 2.5 năm

3.2. Mục tiêu đào tạo

3.2.1. Kiến thức nghề nghiệp

Mô tả, nhận biết và phân tích được những đặc điểm cơ bản về sinh vật gây hại cây trồng;

Phân loại được các nhóm triệu chứng theo bệnh hại và côn trùng gây hại;

Trình bày được các phương pháp sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón an toàn hiệu quả và bảo vệ môi trường;

Trình bày được phương pháp điều tra, dự tính dự báo dịch hại cây trồng;

Phân tích được các nguyên tắc về quản lý dịch hại tổng hợp và đưa ra các biện pháp phòng trừ có hiệu quả;

Trình bày được các phương pháp khuyến nông, bảo vệ môi trường và hướng dẫn về sản xuất bền vững;

Trình bày được các kiến thức cơ bản về quản trị sản xuất trong nông nghiệp, kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng;

Trình bày được các phương pháp bố trí thí nghiệm, khảo nghiệm phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và giống cây trồng;

Trình bày được những nội dung cơ bản của các loại văn bản quy định nhà nước liên quan đến bảo vệ thực vật và kiểm dịch thực vật;

Trình bày được các kiến thức liên quan đến phân tích, giám định dịch hại trong phòng thí nghiệm và đảm bảo an toàn thí nghiệm;

Trình bày được các kiến thức về kiểm định thuốc và dư lượng thuốc bảo vệ thực vật - phân bón theo tiêu chuẩn quốc gia;

Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

3.2.2. Kỹ năng nghề nghiệp:

Nhận biết chính xác các loại dịch hại và đưa ra biện pháp phòng trừ hiệu quả;

Tổ chức điều tra phát hiện, dự tính dự báo dịch hại trên cây trồng;

Lập được kế hoạch phòng trừ sinh vật hại cây trồng định kỳ, đột xuất;

Tổ chức bố trí thí nghiệm và khảo nghiệm phân bón, thuốc bảo vệ thực vật;

Thực hiện được công tác khuyến nông liên quan đến bảo vệ thực vật;

Thực hiện sản xuất và kinh doanh và các hoạt động khác liên quan đến lĩnh vực bảo vệ thực vật theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật;

Quản lý hiệu quả hoạt động kinh doanh thuốc bảo vệ thực đảm bảo an toàn;

Thực hiện được quy trình phân tích, giám định dịch hại trong phòng thí nghiệm;

Thực hiện được quy trình kiểm định thuốc bảo vệ thực vật, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật và phân bón;

Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;

Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

3.2.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Điều tra sinh vật hại;

- Dự tính, dự báo sinh vật hại;
- Phòng trừ sinh vật hại;
- Khuyến nông bảo vệ thực vật;
- Kinh doanh phân bón và thuốc bảo vệ thực vật;
- Khảo nghiệm phân bón và thuốc bảo vệ thực vật;
- Kiểm dịch thực vật;
- Phân tích, giám định dịch hại;
- Kiểm định phân bón và dư lượng thuốc bảo vệ thực vật.

3.2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 29
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 2.430 giờ
- Khối lượng các môn học chung /đại cương: 435giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1.995 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 813 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1.617 giờ

3.3. Nội dung chương trình:

Mã MH, MD,HP	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ thảo luận/ bài tập	Kiểm tra
I	Các môn học chung	20	435	157	255	23
MH01	Chính trị	4	75	41	29	5
MH02	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH03	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	3	75	36	35	4
MH05	Tin học	3	75	15	58	2

MH06	Ngoại ngữ	6	120	42	72	6
II	Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc	81	1995	616	1316	63
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở bắt buộc	15	315	129	171	15
MH 07	Sinh lý thực vật	3	60	29	28	3
MH 08	Khí tượng nông nghiệp	2	45	14	29	2
MH 09	Đất trồng - Phân bón	3	60	29	28	3
MH 10	Vi sinh vật đại cương	2	45	14	29	2
MH 11	Phương pháp thí nghiệm	3	60	29	28	3
MH 12	Tin học ứng dụng	2	45	14	29	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề bắt buộc	61	1575	444	1088	43
MH 13	Côn trùng đại cương	4	75	43	28	4
MH14	Bệnh cây đại cương	4	75	43	28	4
MĐ 15	Quản lý cỏ dại và động vật hại cây trồng	4	90	28	58	4
MH 16	Thuốc bảo vệ thực vật	4	75	43	28	4
MĐ 17	Điều tra phát hiện dịch hại	2	45	14	29	2
MĐ 18	Ứng dụng công nghệ sinh học trong BVTV	2	45	14	29	2
MH 19	Pháp luật chuyên ngành	2	30	28	0	2
MĐ 20	Kỹ thuật canh tác cây lương thực và cây rau	3	60	29	28	3
MĐ 21	Kỹ thuật canh tác cây ăn quả và cây công nghiệp	3	60	29	28	3
MĐ 22	Quản lý dịch hại trên cây lương thực	4	90	28	58	4

MĐ 23	Quản lý dịch hại trên cây rau	6	120	58	58	4
MĐ 24	Quản lý dịch hại trên cây ăn quả	6	120	58	58	4
MĐ 25	Quản lý dịch hại trên cây công nghiệp	3	60	29	28	3
MĐ 26	Thực tập nghề nghiệp	4	180	0	180	
MĐ 27	Thực tập cuối khoá	10	450	0	450	
II.3	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề tự chọn	5	105	43	57	5
MĐ 28	Khởi nghiệp và kỹ năng bán hàng	3	60	29	28	3
MĐ 29	Quản lý dịch hại tổng hợp (IPM)	2	45	14	29	2
Tổng		101	2430	773	1571	86

PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1 Tổng quan chung

1.1 Căn cứ tự đánh giá

Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Thông tư 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, cao đẳng.

1.2 Mục đích tự đánh giá

Đánh giá, xác định mức độ thực hiện mục tiêu, chương trình, nội dung dạy nghề, cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hành, dịch vụ cho người học của Nhà trường và các điều kiện học tập của sinh viên, giảng dạy của giáo viên;

Xác định mức độ đạt được của Nhà trường thông qua việc đối chiếu, so sánh với các yêu cầu của bộ tiêu chí (bao gồm các tiêu chuẩn và chỉ số) kiểm định chất lượng chương trình đào tạo nghề Bảo vệ thực vật bậc Cao đẳng của Trường;

Phát hiện các điểm không phù hợp cần cải thiện, điều chỉnh trong thời gian tới, giúp Trường hoạch định Chiến lược phát triển trở thành trường đào tạo nghề trọng điểm, phát triển thương hiệu và nâng cao vị thế của nhà trường đối với xã hội;

Nhằm đảm bảo Nhà trường có trách nhiệm đối với chất lượng đào tạo và mang lại động lực cải tiến và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo cũng như chất lượng toàn diện.

1.3 Yêu cầu tự đánh giá

Công tác tự đánh giá được thực hiện khách quan và trung thực.

Quá trình thực hiện tự đánh giá được thực hiện công khai và minh bạch.

Thông tin minh chứng phải rõ ràng, chính xác, phản ánh đúng thực trạng của tiêu chuẩn.

Kế hoạch nâng cao chất lượng phải thiết thực, hiệu quả.

Thực hiện công tác tự đánh giá đúng tiến độ.

1.4 Phương pháp tự đánh giá

Thu thập thông tin, minh chứng.

Phân tích, đánh giá thực trạng của Nhà trường thông qua các minh chứng thu được.

Nhận xét điểm mạnh để phát huy và hạn chế để nêu ra kế hoạch để cải tiến.

Tổng hợp thành báo cáo kết quả tự kiểm định hằng năm.

1.5 Các bước tiến hành tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo thực hiện quy trình tự đánh giá theo đúng hướng dẫn của Tổng cục GDNN, gồm các bước:

Bước 1: Xác định mục đích, phạm vi tự kiểm định

Bước 2: Thành lập hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của Nhà trường

Bước 3: Xây dựng kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo

Bước 4: Thu thập thông tin và các chứng cứ để minh chứng

Bước 5: Phân tích, xử lý các thông tin, những minh chứng thu được để minh chứng

Bước 6: Đánh giá mức độ mà Trường đã đạt được theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng của cơ sở GDNN

Bước 7: Viết báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo

2 Tự đánh giá

2.1 Tổng hợp kết quả tự đánh giá

ST T	Tiêu chí, tiêu chuẩn,	Điểm chuẩn	Tự đánh giá
	ĐỀ XUẤT CẤP ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC		<i>Đạt</i>
	Tổng điểm	100	96
1	Tiêu chí 1 - Mục tiêu, quản lý và tài chính	6	4
	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.	2	0
2	Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo	14	14
	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.	2	2

	Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.	2	2
	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.	2	2
	Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.	2	2
3	Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên	16	14
	Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.	2	2
	Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.	2	2
	Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.	2	0
	Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
4	Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình	24	24
	Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.	2	2

	Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.	2	2
	Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.	2	2
	Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.	2	2
	Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	2	2
	Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	2	2
	Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
5	Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	16	16
	Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.	2	2

	Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	2	2
	Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.	2	2
6	Tiêu chí 6 - Dịch vụ cho người học	8	8
	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.	2	2
	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.	2	2
	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	2	2
	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.	2	2
7	Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng	16	16
	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
	Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.	2	2
	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.	2	2
	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.	2	2

	Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	2	2
	Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	2	2

2.2 Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn

2.2.1. Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính

Đánh giá tổng quát

Mở đầu

Mục tiêu của chương trình đào tạo nghề Bảo vệ thực vật bậc Cao đẳng phù hợp mục tiêu của Nhà trường và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định. Nhà trường có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa Trồng trọt và Bảo vệ thực vật là đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo bậc Cao đẳng nghề Bảo vệ thực vật; Khoa Trồng trọt và Bảo vệ thực vật hàng năm hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Những điểm mạnh

Nhà trường có quyết định ban hành chương trình đào tạo bậc Cao đẳng nghề Bảo vệ thực vật trong đó đầy đủ cả chương trình chi tiết, thể hiện đầy đủ mục tiêu chương trình đào tạo. Chương trình đào tạo được công bố công khai trên website, trên thư viện nhà trường. Mục tiêu chương trình đào tạo được rà soát, điều chỉnh theo quy định.

Nhà trường có quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong đó có khoa Trồng trọt và Bảo vệ thực vật. Các năm 2020 - 2021, 2021 – 2022, 2022 - 2023 Khoa đều có báo cáo tổng kết công tác năm. Tập thể và nhiều cá nhân trong khoa Trồng trọt và Bảo vệ thực vật được Nhà trường và các cấp khen thưởng trong công tác đào tạo.

Những tồn tại: Không có

Kế hoạch nâng cao chất lượng

Năm 2023 và các năm tiếp theo, Nhà trường tiếp tục rà soát điều chỉnh mục tiêu chương trình phù hợp với thực tế phát triển của xã hội và địa phương cho các ngành trồng trọt, bảo vệ thực vật.

Tiếp tục duy trì và phát huy các hoạt động đảm bảo chất lượng đào tạo trong các năm học tiếp theo.

Điểm đánh giá tiêu chí 1

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 1	4
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	0

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định

Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định cụ thể ngay phần đầu của chương trình đào tạo với đầy đủ các nội dung về giới thiệu ngành nghề, mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chịu trách nhiệm, vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp và khả năng học tập, nâng cao trình độ. Trong đó xác định nghề bảo vệ thực vật trình độ cao đẳng là ngành, nghề đào tạo các nội dung về: Đất, phân bón, môi trường sống, kỹ thuật trồng và chăm sóc cây trồng, nghiên cứu và thực nghiệm sâu về các kiến thức về sâu hại, bệnh hại cây trồng và các biện pháp quản lý phòng trừ sâu bệnh, dịch hại trên cây trồng và các công việc khác, đáp ứng yêu cầu bậc 5 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Các nhiệm vụ của nghề bao gồm từ việc bảo vệ cây trồng trên hiện trường đến công tác nghiên cứu, tổ chức sản xuất, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật. Người làm nghề bảo vệ thực vật có thể làm việc trong các nông hộ, trang trại, hợp tác xã, công ty sản xuất, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, trong các cơ quan, tổ chức liên quan đến bảo vệ thực vật (*1.1.01 - Quyết định số 679/QĐ-CDNB ngày 18/8/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành Chương trình đào tạo bậc cao đẳng: Bảo vệ thực vật; Thú y; Kế toán doanh nghiệp; Nuôi trồng thủy sản nước ngọt; Chế biến thực phẩm; Kỹ thuật xây dựng; Công nghệ Kỹ thuật tài nguyên nước; chương trình bậc trung cấp gồm: Bảo vệ thực vật; Thú y; Kế toán doanh nghiệp; Công nghệ thực phẩm; Chế biến và Bảo quản thủy sản; Cấp thoát nước*).

Mục tiêu đào tạo của chương trình được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định (*1.1.02 - Link công bố mục tiêu chương trình đào tạo: <https://nbac.edu.vn/wp-content/uploads/2019/11/CAO-%C4%90%E1%BA%B2NG-B%E1%BA%A2O-V%E1%BB%86-TH%E1%BB%B0C-V%E1%BA%ACT.pdf>*)

Mục tiêu của chương trình đào tạo bậc Cao đẳng nghề Bảo vệ thực vật được xác định hoàn toàn phù hợp với mục tiêu chung của Nhà trường. Mục tiêu tổng quát của Trường như sau: Đổi mới cơ bản về cấp, quy mô, chất lượng đào tạo và diện mạo của Nhà trường. Phần đầu là trường Cao đẳng đạt các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng, đào tạo đa cấp, đa ngành, hướng tới đào tạo các ngành nông nghiệp chất lượng cao. Đào tạo nguồn nhân lực phát triển ngành nông nghiệp góp phần phát triển kinh tế xã hội ở địa phương và khu vực

Nam Bộ trong bối cảnh biến đổi khí hậu và hội nhập với khu vực và quốc tế”. Mục tiêu của Nhà trường được xác định trong chiến lược phát triển trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ đến năm 2030 và công khai trên website của Trường (1.1.03 - QĐ số 1805/QĐ-BNN-TCCB, ngày 27 tháng 4 năm 2021, của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, phê duyệt chiến lược phát triển trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ đến năm 2030; 1.1.04 – Link đăng tải mục tiêu chất lượng của Trường: <http://nbac.edu.vn/read.php?m=2021328&g=2>).

Mục tiêu của chương trình đào tạo bậc Cao đẳng ngành Bảo vệ thực vật được xác định hoàn toàn phù hợp với nhu cầu thị trường lao động trong lĩnh vực Trồng trọt - Bảo vệ thực vật. Theo Quyết định 124/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2012 của Thủ tướng Chính Phủ Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030 của Thủ tướng Chính Phủ thì đến năm 2025 Việt Nam có 78,07 triệu người từ 15 tuổi trở lên, trong đó ở nông thôn là 46,56 triệu người, chiếm 59,64%. Lực lượng lao động làm việc trong nền kinh tế gần 63 triệu người, số lao động trong độ tuổi là 52,8 triệu người; nhân lực trong nông nghiệp chiếm 35 - 38% (năm 2020) và 28,3% (năm 2025). Trong tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế, số lao động giản đơn là khoảng 12,42 triệu người, chiếm 20,1%; số lao động có kỹ năng trong nông, lâm, ngư nghiệp là 9,21 triệu người, chiếm 14,9% (1.1.05 - Quyết định 124/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2012 của Thủ tướng Chính Phủ Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030). Theo Nghị quyết Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2015-2020: cơ cấu kinh tế đến năm 2025 khu vực nông, lâm, thủy sản chiếm 29,7%; tỉ lệ lao động qua đào tạo là 57% trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ là 25% (1.1.06 - Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025).

Qua kết quả khảo sát cán bộ quản lý, nhà giáo, người lao động Nhà trường cho thấy 98.55% người được khảo sát đồng ý ”Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu chung của Trường và nhu cầu thị trường lao động; được công bố công khai” (1.1.07 - Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2021, 2022, 2023; 1.1.08 - Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC, HSSV và doanh nghiệp phục vụ công tác tự đánh giá năm 2021, 2022, 2023).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 1: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định

Chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị trực thuộc Nhà trường được quy định Quyết định số 4717/QĐ-BNN-TCCB, ngày 9 tháng 12 năm 2019, của Bộ Nông nghiệp & PTNT

quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ (1.2.01 - Quyết định số 4717/QĐ-BNN-TCCB, ngày 9 tháng 12 năm 2019, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ). Trong quy chế tổ chức và hoạt động, Nhà trường quy định rất rõ về chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị trực thuộc trong đó có khoa Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (1.2.02 - Quyết định số 238/QĐ-CĐNB ngày 15/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường).

Ngoài ra trong quyết định ban hành chương trình đào tạo cao đẳng nghề Bảo vệ thực vật có thể hiện rõ khoa Trồng trọt và Bảo vệ thực vật và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành (1.1.01 - Quyết định số 679/QĐ-CĐNB ngày 18/8/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành Chương trình đào tạo bậc cao đẳng: Bảo vệ thực vật; Thú y; Kế toán doanh nghiệp; Nuôi trồng thủy sản nước ngọt; Chế biến thực phẩm; Kỹ thuật xây dựng; Công nghệ Kỹ thuật tài nguyên nước; chương trình bậc trung cấp gồm: Bảo vệ thực vật; Thú y; Kế toán doanh nghiệp; Công nghệ thực phẩm; Chế biến và Bảo quản thủy sản; Cấp thoát nước).

Hàng năm, khoa Trồng trọt và Bảo vệ thực vật đều có báo cáo tổng kết công tác, gửi về Tổ chức - Hành chính và Quản trị để tổng hợp vào báo cáo tổng kết hàng năm của Nhà trường (1.2.03 - Báo cáo tổng kết khoa Trồng trọt và Bảo vệ thực vật năm 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 - 2023).

Khoa Trồng trọt và Bảo vệ thực vật luôn đoàn kết, phát huy sức mạnh tập thể, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ công tác hàng năm trong đó có công tác đào tạo, được Nhà trường, Bộ chủ quản ghi nhận, khen thưởng cho tập thể và các cá nhân (1.2.04 - Quyết định số 654/QĐ-CĐNB-TĐ ngày 10/8/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ công nhận danh hiệu thi đua HK2 và năm học 2019 - 2020; 1.2.05 - Quyết định số 598/QĐ-CĐNB-TĐ ngày 20/7/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ công nhận danh hiệu thi đua HK2 và năm học 2020 - 2021; 1.2.06 - Quyết định số 649/QĐ-CĐNB-TĐ ngày 6/7/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ công nhận danh hiệu thi đua HK2 và năm học 2021 – 2022; 1.2.07 - Quyết định số 4253/QĐ-BNN-TCCB ngày 23/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT tặng Bằng khen cho Khoa Trồng trọt - BVTV; 1.2.08 - Quyết định số 641/QĐ-SLĐTBXH, ngày 04/7/2019 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Tiền Giang về việc trao giải khuyến khích Hội thi Thiết bị tự làm tỉnh Tiền Giang năm 2019; 1.2.09 - Quyết định số 1295/QĐ-LĐTBXH ngày 12/09/2019 của Bộ LĐTB và Xã hội về việc trao Bằng khen - Giải nhất tại hội thi Thiết bị đào tạo tự làm toàn quốc lần VI năm 2019” của nhóm tác giả).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 1: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định

Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ là đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động thường xuyên, nguồn thu của Nhà trường bao gồm: Ngân sách Nhà nước cấp và các nguồn thu hợp pháp khác của Nhà trường.

Nguồn tài chính từ ngân sách Nhà nước cấp hằng năm đảm bảo cho hoạt động thường xuyên của Nhà trường. Hằng năm, căn cứ vào quyết định giao dự toán của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Trường tiến hành lập dự toán chi tiết theo từng mục lục ngân sách (1.3.01 – *Quyết định giao Dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2021, 2022, 2023*; 1.3.02 - *Dự toán thu chi tài chính của Cơ sở chính năm 2021, 2022, 2023*).

Nhà trường được Bộ Nông nghiệp và PTNT cấp thêm kinh phí không thường xuyên, đồng thời trích từ nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn thu sự nghiệp khác của Nhà trường để nâng cấp xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học theo dự án và kế hoạch. Nguồn thu hợp pháp của Trường từ các hoạt động như: Thu học phí, lệ phí của HSSV, thu từ các hoạt động sản xuất, dịch vụ, chuyển giao đào tạo, liên kết đào tạo... Trong đó, thu từ học phí, lệ phí là chính.

Nhà trường tập trung phát triển trại thực nghiệm, khai thác cơ sở vật chất thiết bị sẵn có, phát huy tiềm năng của cán bộ giáo viên. Đây mạnh hoạt động của các trung tâm như: Trung tâm Tư vấn Nông nghiệp và PTNT, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học tăng cường khai thác các tiềm năng sẵn có, tìm kiếm đối tác bên ngoài để tăng nguồn thu cho Trung tâm cũng như Nhà trường. Phát triển quy mô đào tạo, đặc biệt là đào tạo liên thông, liên kết, đào tạo theo đơn đặt hàng của Nhà nước, tìm kiếm các đối tác nước ngoài để liên kết đào tạo để tăng thêm nguồn thu (1.3.03 – *Các hợp đồng liên kết đào tạo; khai thác căn tin, nhà xe năm 2021, 2022, 2023*; 1.3.04 – *Bảng giá cho thuê tài sản, mức thu ký túc xá*; 1.3.05 – *Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021, 2022, 2023*).

Cơ quan quản lý tài chính cấp trên đánh giá Trường quản lý và phân bổ chi tiêu các nguồn tài chính đúng mục đích, đúng quy định, không vi phạm và thực hiện đầy đủ các báo cáo tài chính hằng năm theo quy định (1.3.06 - *Báo cáo quyết toán của Cơ sở chính các năm 2020, 2021, 2022*).

Từ các nguồn thu tài chính hiện có của Trường, so với nhu cầu thực tế hiện nay, Trường có nguồn lực tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ cho các hoạt động giáo dục đào tạo của Nhà trường. Hằng năm, Trường đều có được khoản chênh lệch thu lớn hơn chi để trích lập các quỹ như quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ ổn định thu nhập để hỗ trợ thu nhập thêm cho viên chức, người lao động, tăng cường năng lực trong hoạt động phát triển trường (1.3.07 – *Báo cáo khoản chênh lệch thu chi trích lập quỹ hàng năm*).

Trường có đủ nguồn lực về tài chính để thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ, đã chủ động tạo được nguồn thu hợp pháp bổ sung cho kinh phí phục vụ các hoạt động của nhà

trường và có chênh lệch thu – chi, Trường đã trích quỹ bổ sung thu nhập nâng cao đời sống CBGVNV và các quỹ khác.

Tuy nhiên, Trường chưa ban hành định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng cho các ngành, nghề đang đào tạo. Hàng năm Trường chỉ căn cứ vào các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính về việc thu, quản lý học phí, Nhà trường ban hành quyết định mức thu học phí cho từng ngành nghề cụ thể (1.3.08 - Nghị định 81/2021/NĐ - BTC về cơ chế thu, quản lý học phí đối với học sinh; 1.3.09 - Quyết định về mức thu học phí hệ cao đẳng). Căn cứ vào quyết định thu học phí hàng năm, Phòng Tài chính - Kế toán phối hợp với phòng Công tác HSSV lập danh sách và thông báo thu học phí và tiến hành thu học phí theo từng học kỳ của năm học. Từ nguồn thu học phí kết hợp nguồn ngân sách nhà nước, Nhà trường tiến hành chi cho hoạt động đào tạo, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo (1.3.02 - Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020, 2021, 2022).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 1: 0 điểm

2.2.2. Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo

Đánh giá tổng quát

Mở đầu

Hàng năm, Trường thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.

Nhà trường có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.

Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.

Những điểm mạnh

Hồ sơ về tuyển sinh đã đảm bảo có đầy đủ các văn bản theo quy định, được ban hành theo đúng thẩm quyền và đảm bảo về thời gian.

Kế hoạch đào tạo của Nhà trường xây dựng đúng quy định, khoa học, chi tiết, phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo; tiến độ giảng dạy, kế hoạch giáo viên các khóa được xây dựng căn cứ kế hoạch đào tạo của nhà trường, chi tiết cho từng môn học, mô đun. Giáo viên lên lớp có đầy đủ sổ lên lớp, sổ tay giáo viên, giáo án. Hàng năm Khoa tự kiểm tra công tác đào tạo của giáo viên, Nhà trường kiểm tra công tác đào tạo của Khoa và giáo viên.

Những tồn tại: Không có

Kế hoạch nâng cao chất lượng

Năm học 2021 và các năm tiếp theo Nhà trường tiếp tục thực hiện đẩy mạnh công tác tuyển sinh đặc biệt nghề Bảo vệ thực vật đạt chỉ tiêu được giao, tiếp tục thực hiện các hoạt động nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo theo quy định.

Điểm đánh giá tiêu chí 2

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 2	14
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2

Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định

Căn cứ vào mục tiêu, nhu cầu và khả năng, Nhà trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và hướng dẫn thực hiện công tác tuyển sinh, quy định cụ thể hình thức, đối tượng, chính sách ưu tiên, trình tự, thủ tục tuyển sinh đối với từng trình độ, là cơ sở để nhà trường thực hiện công tác tuyển sinh theo đúng quy chế tuyển sinh của Bộ LĐTB&XH (2.1.01 – Công văn về việc đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023).

Sau khi xác định chỉ tiêu tuyển sinh và được cấp chỉ tiêu tuyển sinh (2.1.02 - Thông báo của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về giao Nhiệm vụ thực hiện chỉ tiêu tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp năm 2021, 2022, 2023), Nhà trường tiến hành triển khai công tác tuyển sinh bao gồm các bước như: thành lập Hội đồng tuyển sinh (do Hiệu trưởng làm chủ tịch hội đồng và các thành viên là Ban giám hiệu, đại diện các phòng chức năng và đại diện các khoa chuyên ngành), lập kế hoạch tuyển sinh chi tiết có các nội dung, địa điểm thực hiện, đơn vị phụ trách và dự trù kinh phí... soạn thông báo tuyển sinh, chuẩn bị tài liệu tư vấn tuyển sinh, hồ sơ đăng ký xét tuyển (2.1.03 - Quyết định Thành lập hội đồng tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023; 2.1.04 - Kế hoạch tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023; 2.1.05 – Hồ sơ đăng ký tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023 lưu tại Kho lưu trữ; 1.2.06 – Thông báo tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023; 2.1.07 – Tờ bướm tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023).

Sau khi thực hiện công tác tư vấn, hướng nghiệp và quảng bá tuyển sinh, Nhà trường tiến hành nhận và kiểm tra hồ sơ đăng ký của thí sinh, nhập dữ liệu xét tuyển, dự kiến phương án xét tuyển trình Hội đồng tuyển sinh. Hội đồng tuyển sinh sẽ tổ chức họp bàn và kết luận phương án tuyển sinh cho từng năm cụ thể (2.1.08 - *Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh 2021, 2022, 2023*). Căn cứ vào kết luận của Hội đồng, Ban thư ký sẽ thảo quyết định công nhận thí sinh trúng tuyển và trình Hội đồng ký duyệt (2.1.09 – *Bộ Quyết định công nhận thí sinh trúng tuyển trung cấp, cao đẳng năm 2021, 2022, 2023*). Sau đó bộ phận tuyển sinh sẽ thông báo kết quả tuyển sinh đến thí sinh đăng ký thông qua Giấy báo nhập học (2.1.10 – *Giấy báo nhập học năm 2021, 2022, 2023*).

Phòng Công tác HSSV có nhiệm vụ nhận hồ sơ nhập học của thí sinh trúng tuyển, tiến hành phân lớp và thảo quyết định thành lập lớp trình Ban Giám hiệu ký duyệt (2.1.11 - *Quyết định phân lớp và danh sách kèm theo năm 2021, 2022, 2023*).

Kết quả công tác tuyển sinh của Trường được tổng hợp trong báo cáo tuyển sinh hàng năm, qua báo cáo cho thấy Trường, năm 2021 và 2022 do chỉ tiêu được Bộ giao tăng đột biến (từ 750 HSSV năm 2020 lên 1.035 HSSV năm 2021 và 1.273 HSSV năm 2022), vì vậy mặc dù số lượng HSSV nhập học có tăng nhưng vẫn không đảm bảo 80% chỉ tiêu theo quy định (năm 2020 đạt: 101%; năm 2021 đạt: 78,26%; năm 2022 đạt: 77,9%).

Riêng ngành Bảo vệ thực vật trình độ cao đẳng quy mô tuyển sinh theo giấy phép hàng năm là 100 HSSV. Số lượng tuyển sinh trên chỉ tiêu Trường xác định trong 3 năm qua lần lượt là: năm 2020: 68/50 (136%); năm 2021: 49/50 (98%) và năm 2022: 56/50 (112%). Như vậy, trong 3 năm liên tục nghề Bảo vệ thực vật trình độ cao đẳng tuyển sinh đạt trên 80% so với chỉ tiêu Nhà trường xác định nhưng không vượt quy mô tuyển sinh theo giấy phép đào tạo (100 SV/ năm).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Khi bắt đầu khóa học, Trường căn cứ vào Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo và quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp. Căn cứ quyết định công nhận trúng tuyển các nghề đào tạo, Trường thành lập các lớp đào tạo theo có danh sách HSSV kèm theo. Phòng Đào tạo và KHCN xây dựng kế hoạch đào tạo cho tất cả các lớp mới vào trường theo quyết định thành lập lớp – Kèm theo danh sách của các lớp được đính kèm. Kế hoạch đào tạo thể hiện toàn bộ thời gian, hoạt động của chương trình đào tạo; xác định thời điểm bắt đầu và kết thúc của mỗi học kỳ, năm học, khóa học; thời gian, thời lượng đào tạo các môn học, mô đun phù hợp với chương trình đào tạo; thời gian đào tạo lý thuyết, thực hành, thực tập; kế hoạch và tổ chức các hoạt động thi, khóa luận tốt nghiệp; thời gian thi hết môn học, mô đun, thi tốt nghiệp; thời gian nghỉ hè, lễ tết, khai giảng, bế giảng; thời gian học tập ngoại khóa và một số nội dung khác tùy theo từng ngành, nghề của Trường

(2.2.01 - *Quyết định Phân công khối lượng công tác giáo viên năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023*; 2.2.02 - *Kế hoạch đào tạo toàn khóa năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023*; 2.2.03 - *Kế hoạch giáo viên năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023*; 2.2.04 - *Tiến độ đào tạo nhà trường năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023*; 2.2.05 – *Lịch học toàn khóa năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023*).

Căn cứ vào chương trình đào tạo đã được phê duyệt (1.1.01 – *Quyết định số 679/QĐ-ĐNB ngày 18/8/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành Chương trình đào tạo bậc cao đẳng: Bảo vệ thực vật; Thú y; Kế toán doanh nghiệp; Nuôi trồng thủy sản nước ngọt; Chế biến thực phẩm; Kỹ thuật xây dựng; Công nghệ Kỹ thuật tài nguyên nước; chương trình bậc trung cấp gồm: Bảo vệ thực vật; Thú y; Kế toán doanh nghiệp; Công nghệ thực phẩm; Chế biến và Bảo quản thủy sản; Cấp thoát nước*) và kết quả xét tiến độ học tập của phòng Đào tạo & KHCN (2.2.06 – *Các quyết công nhận tiến độ học tập cho sinh viên, học sinh cao đẳng Bảo vệ thực vật năm 2021, 2022, 2023*), đầu mỗi năm học các Khoa thực hiện phân bổ môn học/ mô đun và phân công giáo viên giảng dạy từng học kỳ cho từng năm học năm. Nội dung các kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập, phù hợp với các chương trình đào tạo và phương thức tổ chức đào tạo của Trường.

Để người học được biết rõ thông tin về khoá học, lớp học của mình, nhà trường công khai tiến độ đào tạo, kế hoạch đào tạo và thời khóa biểu bằng các hình thức như đăng trên Website của trường, gửi vào nhóm zalo của lớp (2.2.07 – *Link đăng tải thời khoá biểu: <https://www.nbac.edu.vn/item.php?g=7>*)

Hàng tháng, các phòng khoa có liên quan trong Nhà trường đều phối hợp tổ chức kiểm tra các hoạt động dạy và học của giảng viên, giáo viên và HSSV. Nội dung kiểm tra gồm có kiểm tra hồ sơ quản lý, việc thực hiện ghi chép, cập nhật sổ sách của giáo viên, kiểm tra tiến độ đào tạo, công tác tổ chức dạy và học bù theo đăng ký, kiểm tra kế hoạch nhà giáo, kế hoạch môn học, sổ sách quản lý, lên lớp của nhà giáo. Kiểm tra số liệu HSSV, vắng học, bỏ học, hiện diện... (2.2.08 – *Kế hoạch kiểm tra công tác đào tạo năm 2021, 2022, 2023*; 2.2.09 – *Biên bản kiểm tra công tác đào tạo năm 2021, 2022, 2023*), có sơ tổng kết đầy đủ báo cáo đến Ban Giám hiệu, qua báo cáo kết quả cho thấy Giáo viên các khoa lên lớp đúng kế hoạch nhà giáo, đúng tiến độ đào tạo các lớp, giáo án, bài giảng của giáo viên theo đúng chương trình đào tạo, giáo viên thực hiện việc ghi chép cập nhật sổ sách quản lý đầy đủ, kịp thời. (2.2.10 – *Báo cáo sơ kết hoạt động dạy và học học kỳ 1 năm học 2020-2021, 2021 – 2022, 2022-2023*; 2.1.11 – *Báo cáo tổng kết hoạt động dạy và học năm học 2020-2021, 2021 – 2022, 2022-2023*). Từng học kỳ, Trường đều có các văn bản báo cáo kết quả hoạt động của Trường về công tác đào tạo gửi đến Bộ chủ quản, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội địa phương.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường đã thực hiện đúng kế hoạch đào tạo, thời lượng chương trình thực hành, thực tập của người học đảm bảo kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn theo quy định được thể hiện trong sổ lên lớp, giáo án của nhà giáo khi đối chiếu với các chương trình chi tiết của các chương trình đào tạo. Các giáo án giảng dạy của các giảng viên-giáo viên trong từng ngành nghề, từng mô đun, môn học đã sử dụng nhiều phương pháp dạy học phát huy được tính tích cực, tính tự giác, sự năng động, khả năng làm việc độc lập và khả năng làm việc nhóm của người học (2.3.01 – *Sổ lên lớp các lớp cao đẳng BVTV năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023*; 2.3.02 – *Sổ tay và giáo án nhà giáo Khoa Trồng trọt và Bảo vệ thực vật năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023*).

Trường có mạng Internet và website để thực hiện phổ biến nội dung các hoạt động của Trường như: tuyển sinh, quản lý, công khai chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra, vị trí việc làm,... Từ tháng 1/2022, Nhà trường đưa vào sử dụng phần mềm “Hệ thống tích hợp thông tin Quản lý đào tạo” của Trung tâm Công nghệ phần mềm trường Đại học Cần Thơ theo Hợp đồng số 95/2022/HĐ-CĐNB-CUSC để thống nhất việc tổ chức, quản lý đào tạo trong toàn trường. Việc hoàn thiện cơ sở dữ liệu của trường được thực hiện thường xuyên theo hướng dẫn của các chuyên viên kỹ thuật đến từ Trung tâm Công nghệ phần mềm trường Đại học Cần Thơ (2.3.03 – *Hợp đồng dịch vụ số về việc xây dựng phần mềm quản lý đào tạo với trường ĐH Cần Thơ*).

Công nghệ thông tin được ứng dụng rộng rãi trong các hoạt động dạy và học tại Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ. Hầu hết các giảng viên-giáo viên lên lớp đều xây dựng bài giảng điện tử và sử dụng thông thạo các phương tiện trình chiếu hiện đại, ứng dụng CNTT trong giảng dạy. Ngoài ra trong mỗi ngành nghề đào tạo đều có các mô đun/môn học chuyên ngành sử dụng các phần mềm mô phỏng chuyên dụng tạo điều kiện cho người học dễ dàng hình dung, tiếp cận nội dung bài giảng. 100% học sinh sinh viên đều sử dụng các phần mềm xử lý số liệu trong quá trình báo cáo thực tập, làm báo cáo thực tập cuối khóa và bảo vệ báo cáo thực tập cuối khóa (2.3.04 - *Thống kê trang thiết bị ở lớp học, giảng đường*; 2.3.05 - *Giáo án, giáo án điện tử của giáo viên*).

Chương trình đào tạo nghề Bảo vệ thực vật có nhiều mô đun môn học chuyên ngành sử dụng các phần mềm mô phỏng, ứng dụng CNTT trong giảng dạy (2.3.06 – *Bảng thống kê các mô đun/ môn học chuyên ngành của chương trình đào tạo sử dụng phần mềm mô phỏng*).

Qua khảo sát ý kiến của người học, đa số HSSV đánh giá là Nhà trường thực hiện đúng thời lượng về giờ học thực hành và lý thuyết theo chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy phát huy được tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học. Riêng năm 2023, Nhà trường tiến hành lấy ý kiến riêng SV cao đẳng của nghề Bảo vệ thực vật và cho kết quả 89.71% SV lựa chọn mức đồng ý và hoàn toàn đồng ý.

Năm 2022: Khảo sát 551 HSSV kết quả 535 HSSV đồng ý (chiếm 97,5%), 6 HSSV không có ý kiến (chiếm 2,5%).

Năm 2021: Khảo sát 415 HSSV kết quả 410 HSSV đồng ý (chiếm 98,8%), 5 HSSV không có ý kiến (chiếm 1,2%).

(2.3.07 - *Phiếu khảo sát HSSV năm 2021, 2022, 2023*; 1.1.08 - *Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC, HSSV và doanh nghiệp phục vụ công tác tự đánh giá năm 2021, 2022, 2023*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Người học đến thực hành, thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động là nội dung được quy định trong mỗi chương trình đào tạo. Các hoạt động đều có kế hoạch và thể hiện trong quyết định phân công khối lượng công tác giáo viên hàng năm (2.2.01 – *Quyết định Phân công khối lượng công tác giáo viên năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023*). Chương trình đào tạo Bảo vệ thực vật trình độ cao đẳng có 630 giờ thực tập trong đó có 180 giờ là thực tập nghề nghiệp và 450 giờ là thực tập tốt nghiệp. Các đợt thực tập này HSSV có thể được thực tập tại doanh nghiệp hoặc cơ sở sản xuất hoặc sản xuất tại trại thực nghiệm của Trường (1.1.01 - *Quyết định số 679/QĐ-CDNB ngày 18/8/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành Chương trình đào tạo bậc cao đẳng: Bảo vệ thực vật; Thú y; Kế toán doanh nghiệp; Nuôi trồng thủy sản nước ngọt; Chế biến thực phẩm; Kỹ thuật xây dựng; Công nghệ Kỹ thuật tài nguyên nước; chương trình bậc trung cấp gồm: Bảo vệ thực vật; Thú y; Kế toán doanh nghiệp; Công nghệ thực phẩm; Chế biến và Bảo quản thủy sản; Cấp thoát nước*). Mỗi đợt thực tập, Khoa chuyên môn phối hợp với Phòng Đào tạo & KHCN thực hiện đầy đủ hồ sơ theo quy trình BĐCL số 11 – HSSV thực tập tốt nghiệp/ cuối khoá bao gồm: Kế hoạch thực tập, Đề cương thực tập, Quyết định cử HSSV và GV hướng dẫn thực tập (2.4.01 – *Hồ sơ thực tập các lớp cao đẳng BVTV năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 – 2023*).

Trước khi triển khai cho HSSV đi thực tập tại các doanh nghiệp, Khoa chuyên môn phổ biến nội dung thực hành, thực tập và các yêu cầu cho HSSV. Theo quy định chung của Nhà trường, sau mỗi đợt thực tập tại đơn vị sản xuất, HSSV đều phải viết báo cáo về quá

trình thực tập và kết quả đạt được sau khi đi thực tập, những báo cáo này được các khoa chuyên môn kiểm duyệt và đánh giá. Kết hợp với ý kiến đánh giá của đơn vị nhận thực tập để đánh giá học phần thực tập doanh nghiệp của HSSV. Nhận xét đánh giá của các cơ sở thực hành, thực tập cho thấy các học sinh sinh viên của trường có chuyên môn khá và tốt, đạo đức ý thức kỷ luật tốt... Ngoài ra sau mỗi đợt thực tập người học đều thực hiện báo cáo kết quả thực hành, thực tập tại cơ sở bằng các báo cáo/đề án thực tập cuối khóa nộp về khoa, tổ bộ môn chuyên môn có liên quan. (2.4.02 – *Đề cương thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp các lớp cao đẳng BVTV năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 – 2023*; 2.4.03 – *Báo cáo thực tập của HSSV năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 – 2023*; 2.4.04 - *Văn bản nhận xét của đơn vị sử dụng lao động về HSSV thực tập năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 – 2023*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường đã xây dựng và ban hành đầy đủ các văn bản quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp phát văn bằng chứng chỉ đúng theo quy định của Bộ LĐTBXH. Các quy định về tổ chức thi và xét công nhận tốt nghiệp được thể hiện trong hướng dẫn thực hiện trong quy chế đào tạo GDNN theo niên chế của nhà trường (2.5.01 - *Quyết định số 1046/QĐ-CDNB ngày 05/09/2017 ban hành Hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo GDNN theo niên chế và Quyết định số 1306/QĐ-CDNB Bổ sung một số Điều của Quyết định 1046/QĐ-CDNB*; 2.5.02 - *Quyết định số 825/QĐ-CDNB ngày 12/10/2020 về việc hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo GDNN theo niên chế*; 2.5.03 - *Quyết định số 433/QĐ-CDNB ngày 13/05/2022 ban hành Hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng hệ GDNN theo niên chế*). Ngoài ra, Trường còn xây dựng “Quy chế quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến” dựa theo công văn số 1673/LĐTBXH-TCGDNN ngày 15/5/2029 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH về việc tổ chức giảng dạy, học tập bằng hình thức trực tuyến. Xây dựng và ban hành Quy chế công tác học sinh sinh viên theo hướng dẫn của thông tư 17/2017/TT-BLĐTBXH.

Về cấp phát văn bằng, chứng chỉ, thực hiện theo thông tư số 10/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Nhà trường có đầy đủ sổ sách quản lý và cấp phát văn bằng theo quy định (2.5.04 - *Sổ cấp phát văn bằng năm 2021, 2022, 2023*; 2.5.05 – *Quy trình cấp phát và quản lý văn bằng chứng chỉ của trường*).

Trong những năm qua, Trường thực hiện đúng các quy chế của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập của người học. Căn cứ vào quy chế và tình hình thực tế, Trường đã ban hành một số quy định nhằm cụ thể hóa

một số nội dung trong quy chế đề công tác ra đề thi, tổ chức thi và đánh giá kết quả đảm bảo thống nhất, đồng bộ, khách quan, công bằng, chính xác. Nhìn chung, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả người học được đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo (2.5.06 - *Quyết định 601/QĐ-CDNB ngày 20/6/2022 ban hành quy định thi kết thúc môn học, mô đun*).

Việc thực hiện tổ chức thi kết thúc môn học/ mô đun, thực hiện theo đúng quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan và có hồ sơ lưu đầy đủ theo quy định (2.5.07 – *Hồ sơ tổ chức thi kết thúc môn học năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 – 2023 lưu tại Phòng Kiểm định & BDCL*).

Quy trình tổ chức thi, xét công nhận tốt nghiệp được thực hiện một cách nghiêm túc đúng theo quy định trong hướng dẫn thực hiện đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ từ bước đầu ra kế hoạch thi tốt nghiệp, quyết định thành lập hội đồng thi tốt nghiệp, họp xét điều kiện thi đến tổ chức coi thi, chấm thi và họp xét công nhận tốt nghiệp. Đề thi luôn được bảo mật và niêm phong cẩn thận trước giờ thi. Mỗi môn thi viết luôn có 2 giáo viên chấm thi độc lập trên các phiếu chấm thi sau khi bài thi đã được rọc phách. Quy trình tổ chức cụ thể như sau:

- Nhận hồ sơ thi lại của HSSV khóa cũ
- Xét tư cách dự thi tốt nghiệp – Hội đồng thi
- Sinh hoạt Quy chế thi, Thi lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp, thi chính trị, thi thực hành
- Chấm thi Chính trị và lý thuyết nghề nghiệp
- Công bố kết quả thi TN
- Nhận đơn phúc khảo
- Chấm phúc khảo và công bố kết quả phúc khảo
- Xét công nhận tốt nghiệp, Quyết định Công nhận tốt nghiệp.
- Quyết định khen thưởng sinh viên tốt nghiệp khá, giỏi.
- Lễ tốt nghiệp.

Trong các kỳ thi tốt nghiệp đều có công tác thanh, kiểm tra toàn diện kỳ thi từ công tác chuẩn bị thi (công tác tổ chức, chỉ đạo, việc đảm bảo an toàn cho kỳ thi và việc chuẩn bị CSVN, kinh phí), thanh kiểm tra công tác coi thi, chấm thi, chấm lại phúc khảo và giải quyết khiếu nại tố cáo liên quan nếu có. Kết thúc thanh kiểm tra có báo cáo chi tiết từng nội dung công việc. Báo cáo kết quả hàng năm cho thấy công tác tổ chức thi thực hiện đúng quy chế, cán bộ coi thi thực hiện đúng quy định, các kỳ thi an toàn tuyệt đối (2.5.08 – *Hồ sơ tổ chức thi tốt nghiệp 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 – 2023 lưu tại Phòng Kiểm*

định&BDCL; 2.5.09 – Hồ sơ xét công nhận tốt nghiệp 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 – 2023 lưu tại Phòng Đào tạo&KHCN).

Trong quá trình học, HSSV luôn được đánh giá hạnh kiểm thông qua bảng điểm đánh giá rèn luyện từng tháng, từng học kỳ do cán sự lớp và giáo viên chủ nhiệm thực hiện. Sau đó tổng hợp kết quả lên nhà trường thông qua. Các bước đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV của trường:

Xây dựng Kế hoạch đánh giá kết quả rèn luyện HSSV

Hướng dẫn đánh giá kết quả rèn luyện HSSV

Họp GVCN với ban cán sự lớp đánh giá kết quả rèn luyện HSSV

Họp lớp đánh giá kết quả rèn luyện HSSV

Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện HSSV

Họp Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện HSSV

Quyết định về việc công nhận kết quả rèn luyện HSSV (2.5.10 – Hồ sơ xét kết quả rèn luyện 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021 – 2022 lưu tại Phòng Công tác HSSV).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm căn cứ kế hoạch, tiến độ đào tạo vào thời khóa biểu, phòng Đào tạo và KHCN tham mưu cho Lãnh đạo trường xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo; kiểm tra công tác quản lý, thực hiện kế hoạch đào tạo và thi kết tốt nghiệp... (2.2.08 – Kế hoạch kiểm tra công tác đào tạo năm 2021, 2022, 2023; 2.2.09 – Biên bản kiểm tra công tác đào tạo năm 2021, 2022, 2023). Sau khi kết thúc đợt kiểm tra đoàn kiểm tra lập báo cáo kết quả tổng kết quả thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo; kiểm tra công tác quản lý, thực hiện kế hoạch đào tạo đến tất cả các đơn vị trong toàn trường. Kết quả cho thấy các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, đúng nội dung chương trình, kế hoạch đào tạo đã được phê duyệt. Các khoa chuyên môn đã thực hiện kế hoạch đào tạo theo đúng nội dung chương trình, thời khóa biểu đáp ứng được yêu cầu tiến độ, ghi hồ sơ sổ sách đầy đủ, đánh giá kết quả học tập của HSSV đúng quy định...” (2.6.01 - Báo cáo tổng kết kiểm tra công tác đào tạo năm 2021, 2022, 2023).

Ngoài ra việc kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học được tổ chức thường xuyên và liên tục theo từng buổi học và được thực hiện ở tất cả các địa bàn đào tạo thông qua Phòng Đào tạo & KHCN. Đây là nhiệm vụ thường xuyên của Phòng và được đưa vào chương trình công tác hàng tháng của đơn vị. Phòng Tổ chức, Hành chính và Quản trị theo

đổi chấm công CBGV của trường. Phòng Đào tạo & KHCN thực hiện kiểm tra giờ giảng dạy của giáo viên, kiểm tra hồ sơ giảng dạy, sổ sách của giáo viên theo kế hoạch đào tạo đã ban hành từ đầu năm học và theo thời khóa biểu lên lớp. Nghiệm thu kết thúc học kỳ, năm học và khối lượng khoa học của các giáo viên, các khoa chuyên ngành. Theo dõi, giám sát các hoạt động tổ chức dạy và học bù vì những lý do bất khả kháng của giáo viên (bị bệnh, đi công tác, tập huấn...), theo dõi giám sát tình hình ghi sổ đầu bài, kiểm tra theo dõi ý thức học tập của HSSV... và lưu lại kết quả kiểm tra trong sổ nhật ký kiểm tra. Cuối mỗi tháng căn cứ vào sổ nhật ký kiểm tra, Phòng Đào tạo & KHCN tiến hành tổng kết, đánh giá và báo cáo lên Ban Giám hiệu Nhà trường thông qua cuộc họp giao ban đầu tháng. (2.6.02 – Chương trình công tác các tháng trong năm 2021, 2022, 2023 của Trường; 2.6.03 – Báo cáo tình hình dạy bù của giảng viên, giáo viên năm 2021, 2022, 2023; 2.6.04 – Thống kê tình hình ghi sổ lên lớp năm 2021, 2022, 2023; 2.6.05 - Biên bản họp giao ban trong năm 2021, 2022, 2023).

Trên cơ sở kết quả các hoạt động kiểm tra, giám sát việc dạy và học, Phòng Đào tạo và KHCN với vai trò là đơn vị phụ trách về công tác đào tạo của Trường báo cáo và có những kiến nghị kịp thời đến Ban Giám hiệu Nhà trường, đồng thời thông báo về các khoa và tổ bộ môn chuyên môn có liên quan, để điều chỉnh các hoạt động dạy và học nếu thấy cần thiết thông qua cuộc họp giao ban hàng tháng (2.6.06 – Biên bản kiểm tra công tác đào tạo năm 2021, 2022, 2023; 2.6.07 - Báo cáo tổng kết kiểm tra công tác đào tạo năm 2021, 2022, 2023).

Căn cứ vào kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học, hàng tháng các Khoa chuyên môn tổ chức họp đơn vị “Đánh giá thực hiện kế hoạch và xếp loại tháng” để giáo viên của khoa và lãnh đạo Khoa thảo luận và đề xuất những biện pháp để điều chỉnh hoạt động giảng dạy các chương trình đào tạo do đơn vị triển khai (2.6.08 – Biên bản họp định kỳ của Khoa Trồng trọt-BVTV). Qua báo cáo kết quả kiểm tra các hoạt động đào tạo, Phòng Đào tạo và KHCN tham mưu với nhà trường các biện pháp điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng dạy và học đáp ứng tiến độ và kế hoạch đào tạo.

Qua khảo sát ý kiến của CBVC, hầu hết đều cho rằng việc thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học là rất cần thiết, từ những kết quả kiểm tra đã giúp cho giáo viên có được những thông tin để làm căn cứ điều chỉnh lại hoạt động dạy của bản thân theo hướng cải tiến chất lượng dạy và học, đáp ứng yêu cầu và tiến độ đào tạo (1.1.07 - Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2021, 2022, 2023; 1.1.08 - Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC, HSSV và doanh nghiệp phục vụ công tác tự đánh giá năm 2021, 2022, 2023).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để thực hiện việc tổ chức đào tạo liên thông, Trường đã tiến hành xây dựng hướng dẫn thực hiện công tác này dựa trên nội dung thông tư hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2.7.01 - *Quyết định số 738/QĐ-CDNB ngày 08/8/2018 của Hiệu trưởng về hướng dẫn đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp được cụ thể hóa từ nội dung của Thông tư số 27/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội*).

Nghề Bảo vệ thực vật trình độ cao đẳng Nhà trường đang đào tạo có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng vì vậy đủ điều kiện để đào tạo liên thông (2.7.02 - *Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 56/2022/GCNĐKHD-TCGDNN ngày 14/7/2022*).

Phòng Đào tạo và KHCN có trách nhiệm xem xét việc chuyển đổi kết quả học tập và các khối lượng kiến thức, kỹ năng được miễn trừ khi học chương trình đào tạo liên thông đối với từng người học và trình Ban Giám hiệu quyết định khối lượng kiến thức được miễn giảm cho nghề, từng người học (2.7.03 - *Quy định về công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng đã tích lũy của người học được miễn trừ khi học chương trình đào tạo liên thông*). Năm 2021 trường tuyển sinh được 1 lớp liên thông từ trung cấp lên cao đẳng ngành Bảo vệ thực vật (với 15 SV) (2.7.04 - *Quyết định thành lập lớp liên thông và Danh sách lớp liên thông cao đẳng bảo vệ thực vật*). Các lớp này được xây dựng kế hoạch đào tạo toàn khóa từ đầu khóa học và thực hiện đào tạo theo thời khóa biểu cụ thể (2.7.05 - *Thời khóa biểu lớp liên thông cao đẳng bảo vệ thực vật*).

Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, Trường đã xây dựng và ban hành chương trình đào tạo ban hành đúng quy định (2.7.06 - *Quyết định số 767/QĐ-CDNB ngày 1/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành Chương trình đào tạo bậc cao đẳng liên thông ngành Bảo vệ thực vật*).

Qua khảo sát ý kiến của CBVC và HSSV, hầu hết đều cho rằng Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định (1.1.07 - *Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2021, 2022, 2023 lưu google form*; 2.3.07 - *Phiếu khảo sát HSSV năm 2021, 2022, 2023*; 1.1.08 - *Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC, HSSV và doanh nghiệp phục vụ công tác tự đánh giá năm 2021, 2022, 2023*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 2: 2 điểm

2.2.3. Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên

Đánh giá tổng quát

Mở đầu

Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ hiện có 124 CBVC (65 nam và 59 nữ), là trường có đội ngũ CBVC với trình độ chuyên môn cao. Hầu hết cán bộ làm công tác giảng

dạy đều có trình độ thạc sĩ trở lên, cụ thể hiện nay trường có 90 giảng viên, trong đó có: 05 tiến sĩ (5,6%); 56 thạc sĩ (62,2%) và 29 cử nhân đại học (32,2%).

Nhà trường đã áp dụng và có kế hoạch ban hành một số chính sách khuyến khích đội ngũ giảng viên đăng ký thi chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, trau dồi khả năng ngoại ngữ, tin học nhằm hướng đến mục tiêu trường chất lượng cao. Hiện tại, trường có 36 giảng viên đạt kỹ năng nghề quốc gia bậc 3. Trong thời gian tới, dự kiến cử thêm nhiều lượt giáo viên, đặc biệt là giáo viên các ngành nghề trọng điểm, tham gia sát hạch kỹ năng nghề quốc gia bậc 3.

Để có thể quản lý CBVC, người lao động toàn trường, nhà trường đã ban hành và tổ chức thực hiện đầy đủ, công khai, minh bạch, khách quan các quy định về tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động. Nhà trường thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, tạo điều kiện cho CBVC, người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn.

Hàng năm, toàn thể cán bộ quản lý, viên chức, người lao động của Trường được đánh giá, phân loại viên chức, từ đó chỉ ra các mặt mạnh để phát huy, mặt yếu kém để khắc phục, đồng thời có chính sách khen thưởng, động viên những viên chức có thành tích trong công việc.

Trong đó nhà giáo tham gia giảng dạy thuộc chuyên ngành Bảo vệ thực vật là 12 người và tất cả đều có trình độ thạc sĩ. Đội ngũ giáo viên, giảng viên giàu kinh nghiệm, nhiệt huyết với công việc, đảm bảo nhiệm vụ đào tạo; đội ngũ CBQL đạt chuẩn về trình độ và phẩm chất đạo đức, có ý thức trách nhiệm cao trong nhiệm vụ lãnh đạo; đội ngũ nhân viên phục vụ nhiệt tình góp phần đưa Nhà trường ngày càng đi lên.

Những điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ quy định, hướng dẫn về thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định; Có chế độ khuyến khích nhà giáo học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ.

Tập thể cán bộ công chức viên chức của Nhà trường am hiểu về pháp luật; nói và làm theo chủ trương chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước. Tập thể đoàn kết, tất cả vì sự nghiệp chung, tâm huyết với sự phát triển của Nhà trường.

Số lượng CBVC của Nhà trường đủ về số lượng và chất lượng đảm bảo thực hiện tốt mục tiêu và sứ mạng của Trường.

Số lượng giáo viên tham gia giảng dạy chuyên ngành Bảo vệ thực vật đủ về số lượng và chất lượng đảm bảo thực hiện tốt mục tiêu đào tạo của ngành.

Đội ngũ CBQL có ý thức trách nhiệm cao trong nhiệm vụ lãnh đạo.

Những tồn tại: Không có

Kế hoạch nâng cao chất lượng

Khuyến khích giáo viên tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi các thiết bị tự làm.

Điểm đánh giá tiêu chí 3

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 3	14
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	0
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2

Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hiện nay, Nhà trường có 12 giáo viên tham gia giảng dạy lý thuyết, thực hành nghề Bảo vệ thực vật, ngoài ra còn có các nhà giáo giảng dạy các môn học chung, môn cơ bản. Hồ sơ giáo viên được quản lý chặt chẽ bởi Phòng Tổ chức – Hành chính và Quản trị (3.1.01 - Danh sách trích ngang nhà giáo giảng dạy nghề Bảo vệ thực vật trình độ cao đẳng năm 2021, 2022, 2023).

Về trình độ chuyên môn, 100% giáo viên tham gia giảng dạy cả chuyên môn và các môn chung đều có trình độ từ đại học trở lên đảm bảo đạt yêu cầu theo quy định. Về trình độ ngoại ngữ và tin học 100% giáo viên tham gia giảng dạy đều có trình độ ngoại ngữ bậc 2 trở lên, trình độ tin học cơ bản trở lên. Về nghiệp vụ sư phạm, 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đều có chứng chỉ sư phạm dạy nghề.

Về trình độ kỹ năng nghề đối với nhà giáo tham gia dạy tích hợp và thực hành, hiện Khoa có 06/12 nhà giáo dạy chuyên môn có chứng chỉ kỹ năng nghề bậc 3; 06/12 nhà giáo có chứng chỉ kỹ năng thực hành nghề cho nhà giáo dạy trình độ cao đẳng, đảm bảo đủ giáo viên đảm nhận dạy thực hành.

(3.1.02 - Danh sách trích ngang nhà giáo giảng dạy các môn học chung, môn học cơ bản cơ sở năm 2021, 2022, 2023; 3.1.03 - Hồ sơ CBGV)

Đề nâng cao chất lượng đào tạo và nghiệp vụ của giáo viên. Hàng năm, Nhà trường lấy ý kiến cán bộ quản lý, giáo viên về việc giảng dạy đúng chuyên môn, nghiệp vụ (1.1.07 - Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2021, 2022, 2023; 1.1.08 - Báo cáo tổng hợp phiếu khảo sát CBVC, HSSV và doanh nghiệp năm 2021, 2022, 2023).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào công văn số 182/TCĐNCCN- ĐKT, ngày 27 tháng 4 năm 2017 về việc thực hiện đánh giá xếp loại phân loại cán bộ quản lý, viên chức và người lao động của Trường hàng năm được khách quan và chính xác hàng tháng, hàng quý, Ban Giám hiệu Nhà trường có chỉ đạo các phòng chức năng, khoa chuyên môn thực hiện xếp loại đánh giá cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động theo biểu mẫu và được xem xét quyết định thông qua kỳ họp bình xét thi đua của Nhà trường. Giáo viên trong Khoa luôn phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao. Theo đó, trong 3 năm liền tất cả cán bộ, nhà giáo tham gia giảng dạy nghề Bảo vệ thực vật đều hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao (1.2.04 – Quyết định số 654/QĐ-CDNB-TĐ ngày 10/8/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ công nhận danh hiệu thi đua HK2 và năm học 2019 - 2020; 1.2.05 - Quyết định số 598/QĐ-CDNB-TĐ ngày 20/7/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ công nhận danh hiệu thi đua HK2 và năm học 2020 – 2021; 1.2.06 - Quyết định số 649/QĐ-CDNB-TĐ ngày 6/7/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ công nhận danh hiệu thi đua HK2 và năm học 2021 – 2022).

Về khối lượng công tác giảng dạy: Giảng viên đã đủ và vượt khối lượng theo định mức giáo viên (3.2.01 – Bảng nghiệm thu khối lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học của giáo viên năm 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 – 2023).

Về nghiệp vụ sư phạm và trao đổi phương pháp giảng dạy: Khoa đã hoàn thành hội giảng cấp khoa để chọn giáo viên tham gia Hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp cấp trường. Khoa thường xuyên cử giáo viên tham dự các lớp bồi dưỡng sư phạm do tỉnh và các bộ ngành tổ chức. Tất cả các giảng viên trong khoa áp dụng nghiêm túc quy chế giáo dục nghề nghiệp vào giảng dạy.

Công tác chủ nhiệm lớp và hướng dẫn sinh viên thực tập cuối khóa: hầu hết các giáo viên trong khoa đều tham gia công tác chủ nhiệm lớp. Hướng dẫn 2 - 3 lớp với khoảng 100 lượt học sinh, sinh viên thực tập cuối khóa trong và ngoài trường ở các huyện trong tỉnh Tiền Giang.

Khoa Trồng trọt-Bảo vệ thực vật luôn thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về thực hiện nhiệm vụ chính trị của cấp trên giao

luôn chăm lo đời sống cán bộ, nhân viên và thực hiện đúng, đầy đủ các mức khoán với nhà trường và nghĩa vụ thuế với Nhà nước, có tham gia ủng hộ phong trào khác của trường như thăm hỏi cán bộ nghỉ hưu, việc thăm hỏi của thân nhân cán bộ nhân viên nhà trường. Giáo viên luôn chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, quy định của cơ quan và nơi cư trú không mắc sai phạm nào (3.2.02 – Hồ sơ đánh giá viên chức 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 – 2023).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định

Nhà trường đã xây dựng và ban hành quy định giờ giảng tiêu chuẩn của cán bộ, giáo viên phù hợp với quy định và thực tế đào tạo của nhà trường. Chế độ làm việc của nhà giáo được quy định cụ thể trong quy chế hoạt động của Trường được ban hành theo từng năm (3.3.01 - Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường CĐNNNB năm 2021, 2022 và 2023).

Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp thông qua kế hoạch đào tạo, kế hoạch giáo viên, phân công khối lượng giảng dạy hàng năm (2.2.01 - Quyết định Phân công khối lượng công tác giáo viên năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.2.02 - Kế hoạch đào tạo toàn khóa năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.2.03 - Kế hoạch giáo viên năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023)

Quy mô lớp học trong giảng dạy của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp được quy định tại Khoản 4 Điều 2 Thông tư 07/2017/TT-BLĐTĐBXH quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành như sau: Quy mô lớp học: Lớp học lý thuyết **không quá 35** học viên, học sinh, sinh viên. Lớp học thực hành, tích hợp không quá 18 học viên, học sinh, sinh viên đối với nghề bình thường; không quá 10 học viên, học sinh, sinh viên đối với ngành, nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo Danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

Theo thống kê số lượng lớp và sĩ số SV trên từng lớp của nghề Bảo vệ thực vật trình độ cao đẳng trong 3 năm qua cho thấy tỉ lệ số người học/lớp hoàn toàn đảm bảo đáp ứng đúng theo yêu cầu.

TT	Năm học	Tên lớp tuyển mới	Sĩ số
1	2021-2022	14CĐVa	35
		14CĐVb	14
2	2022-2023	15CĐ-Va	25
		15CĐ-Vb	17
3	2023-2024	16CĐ-Va	20
		16CĐ-Vb	25

Tổng số SV là 136, số GV cơ hữu phụ trách giảng dạy chuyên môn của Khoa là 12, căn cứ các số liệu trên đối chiếu tại Điểm d Khoản 2 Điều 14 Mục I Chương III Nghị định 143/2016/NĐ-CP, ngày 14/10/2016 về tỷ lệ GV trên HSSV, hiện tại tỷ lệ này ở Trường đạt 1/11.3, theo quy định thì tỷ lệ này hoàn toàn đảm bảo (tỷ lệ theo quy định $\leq 1/25$).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.

Mô tả, phân tích, nhận định

Tính đến thời điểm năm 2023, tổng số giáo viên giảng dạy chuyên môn nghề Bảo vệ thực vật là 12 giáo viên. Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, hàng năm Nhà trường đều tổ chức Hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp. Theo đó, tất cả giáo viên sẽ tham gia giảng trước Khoa để lựa chọn ra bài giảng hay tham gia hội giảng cấp trường. Hàng năm, Khoa có lựa chọn từ 2 - 3 giáo viên và giáo viên kiêm nhiệm tham gia hội giảng giáo viên dạy giỏi cấp trường, đề xuất cử 1 - 2 giáo viên tham dự hội thi giáo viên dạy giỏi cấp Tỉnh, cấp Bộ (3.4.01 - *Danh sách giáo viên tham gia hội giảng cấp Khoa*; 3.4.02 – *Danh sách giáo viên tham gia Hội giảng cấp Trường*). Từ kết quả Hội giảng cấp Trường, Nhà trường sẽ chọn ra những giáo viên có bài giảng tốt tham gia các Hội giảng cấp tỉnh và cấp Bộ (3.4.03 - *Danh sách giáo viên tham gia hội giảng cấp Tỉnh*; 3.4.04 – *Danh sách giáo viên tham gia Hội giảng cấp Bộ*). Tuy nhiên, năm 2021, 2022 do dịch bệnh Covid-19 cấp tỉnh và cấp Bộ không tổ chức thi nên giáo viên chưa có cơ hội để tham gia. Năm 2023, Trường cử 06 GV tham gia Hội giảng GV dạy giỏi cấp Tỉnh, trong đó có 01 GV thuộc Khoa Trồng trọt-BVTV đạt giải 3 (3.4.05 – *Kết quả Hội thi GV dạy giỏi cấp Tỉnh*).

Về công tác nghiên cứu khoa học:

Hoạt động nghiên cứu khoa học của Khoa chủ yếu là các hoạt động nghiên cứu khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật và giống cây trồng. Hàng năm, Khoa thực hiện rất nhiều các nghiên cứu khảo nghiệm từ Trung tâm Khảo nghiệm và kiểm thuốc BVTV Phía Nam: năm 2021 là 163, năm 2022 là 77, năm 2023 là 16. Khảo nghiệm thuốc với các công ty: 2021: 5 công ty, 2022: 7 công ty và 2023: 1 công ty (3.4.06 – *Hợp đồng Khảo nghiệm thuốc BVTV trong năm 2021, 2022, 2023*). Giảng viên tất cả đều đạt khối lượng nghiên cứu khoa học trên 30 giờ/năm. Ngoài ra, giảng viên trong khoa còn là thành viên các hội đồng báo cáo kết quả đề tài cấp trường và phản biện các bài báo đăng trên tập san Khoa học giáo dục nông nghiệp của Nhà trường.

Ngoài hoạt động trên, hàng năm giảng viên trong khoa còn thực hiện các phần việc liên quan đến công tác nghiên cứu khoa học như tham gia viết bài đăng tập san khoa học của Trường, tạp chí chuyên ngành (3.4.07 - *Danh sách bài báo của GV Khoa được đăng trên các tạp chí năm 2021, 2022, 2023*). Giảng viên trong khoa còn là thành viên các hội đồng báo cáo kết quả đề tài cấp trường và phản biện các bài báo đăng trên tập san nhà trường.

Ngoài ra, trong năm Nhà trường cũng tổ chức nhiều hoạt động như: Xây dựng và cải tiến các thiết bị tự làm phục vụ giảng dạy, phát động thi đua khuyến khích giáo viên tham gia viết sáng kiến cải tiến, tham gia nghiên cứu khoa học

Năm	Quyết định	Giáo viên	Tên sáng kiến – cải tiến
2021	566/QĐ-CĐNB ngày 1/7/2021	Hà Chí Trực	Nghiên cứu ảnh hưởng của giá thể, giống và tỷ lệ chất giữ ẩm đất đến sinh trưởng, năng suất cây xà lách trồng trong chậu xốp
		Lâm Anh Nghiêm	Đánh giá hiệu lực của 3 loại thuốc sinh học trừ bọ nhảy hại cây cải bẹ trắng vụ Xuân hè 2020 tại xã Tân Mỹ Chánh, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.
		Trần Thị Thu Tâm	Kết quả đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển, năng suất của một số giống đậu phộng trên nền đất xám tại Đức Hòa – Long An.
			Giáo trình trồng dưa lưới và rau trong nhà màng Giáo trình phương pháp thí nghiệm
2022	623/QĐ-CĐNB ngày 27/6/2022	Nguyễn Văn Dũng	Đánh giá hiệu lực một số thuốc trừ bệnh thán thư hại xoài tại Cái Bè – Tiền Giang
			Giáo trình Quản lý dịch hại trên cây ăn Quả
		Nguyễn Thanh Bình	Đánh giá hiệu lực của một số loại thuốc đối với bệnh đạo ôn cổ bông hại lúa vụ thu đông 2021 tại Châu Thành, Tiền Giang
			Giáo trình Quản lý dịch hại trên cây rau
		Võ Khoa Chi	Giáo trình Thuốc Bảo vệ thực vật
		Huỳnh Văn Cẩn	Giáo trình Quản lý dịch hại trên cây lương thực
		Lâm Anh Nghiêm	Giáo trình Quản lý dịch hại trên cây công nghiệp
		Trần Thị Thu Tâm	Đặc điểm sinh trưởng, phát triển của một số giống thanh long tại Chợ Gạo – Tiền Giang
Trần Phạm Thanh Giang	Đánh giá hiệu lực của một số loại thuốc đối với rệp muội hại ngô vụ Xuân hè năm 2021 tại Mỹ Tho – Tiền Giang		
Hà Chí Trực	Xác định ảnh hưởng của NAA kết hợp phân bón lá Seaweed rong biển đến khả năng giữ quả, năng suất và chất lượng quả của giống nhãn IDO 5 năm tuổi tại Cai Lậy – Tiền Giang.		
2023	580/QĐ-CĐNB ngày 30/6/2023	Nguyễn Thị Hạnh	Giáo trình Quản lý cỏ dại và động vật hại cây trồng
		Nguyễn Văn Dũng	Đánh giá hiệu lực sinh học của thuốc velvet 2sl đối với bệnh héo xanh (pseudomonas solanasearum) hại cây dưa hấu tại Cai Lậy-Tiền Giang

	Nguyễn Thanh Bình	Đánh giá hiệu lực của một số loại thuốc đối với bệnh đốm nâu (<i>neoscytalidium dimidiatum</i>) hại thanh long tại Chợ Gạo-Tiền Giang
	Võ Khoa Chi	Đánh giá hiệu lực của một số loại thuốc phòng trừ bọ trĩ (<i>thrips palmi</i>) hại dưa lưới vụ xuân hè 2023 tại trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ, Mỹ Tho, Tiền Giang
	Lâm Anh Nghiêm	Đánh giá hiệu lực của một số loại thuốc đối với bệnh xì mũ trên cây cam tại Vũng Liêm, Vĩnh Long
	Trần Phạm Thanh Giang	Đánh giá hiệu lực của một số loại thuốc trừ nhện đỏ hại cây cam vụ hè năm 2022 tại Mỹ Tho, Tiền Giang

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Nhà trường đều có kế hoạch cử một số nhà giáo và CBVC tham gia học tập, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ (3.5.01 - Các kế hoạch đào tạo bồi dưỡng CBVC từ năm 2021 đến năm 2023).

Nhà trường rất quan tâm đến việc bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ một mặt nhằm đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn của nhà giáo mặt khác khi trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng nghề và phương pháp giảng dạy của nhà giáo được nâng lên sẽ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Trong những năm qua, Nhà trường đã tạo điều kiện và có chế độ chính sách ưu đãi về thời gian, khen thưởng đối với nhà giáo, CBVC đi học tập, bồi dưỡng; qua đó đội ngũ nhà giáo ngày càng đổi mới phương pháp sư phạm, hướng dẫn các em HSSV học tập tốt, rèn luyện tốt (3.5.02 - Danh sách nhà giáo, CBVC được cử đi học tập bồi dưỡng về chuyên môn, kỹ năng nghề, phương pháp giảng dạy năm 2021, 2022, 2023).

Hầu hết giảng viên được cử tham gia các khóa bồi dưỡng, tập huấn đều được đơn vị tập huấn cấp chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận sau khi hoàn thành khóa học (3.5.03 – Bằng cấp, chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận hoàn thành khóa học của giảng viên tham gia các khóa tập huấn năm 2021, 2022, 2023).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ Thông tư 07/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 của Bộ LĐTB&XH quy định chế độ làm việc của nhà giáo GDNN, Nhà trường đã ban hành Quy định chế độ làm việc của giảng viên trong đó có nêu hoạt động thực tập tại doanh nghiệp và cơ quan, đơn vị sử dụng lao động là một trong những nhiệm vụ bắt buộc của nhà giáo (3.3.01 - Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường CĐNNNB năm 2021, 2022 và 2023).

Căn cứ Chương III: Bồi dưỡng đối với nhà giáo; Điều 6. Các loại hình bồi dưỡng; Khoản 3. Thực tập tại doanh nghiệp hoặc cơ quan chuyên môn đối với nhà giáo là loại hình bồi dưỡng để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất và rèn luyện kỹ năng trong thực tiễn, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; Điều 15: Trách nhiệm của cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Khoản 2. Hướng dẫn các nhà giáo được cử đi bồi dưỡng xây dựng kế hoạch, đề cương, báo cáo kết quả thực hiện. Đảm bảo nhà giáo được luân phiên bồi dưỡng theo chu kỳ ít nhất 05 năm một lần; thực tập tại doanh nghiệp hoặc cơ quan chuyên môn: 04 tuần trong 01 năm đối với nhà giáo dạy trình độ cao đẳng, trung cấp và 02 tuần trong 1 năm đối với nhà giáo dạy trình độ sơ cấp (3.6.01 - Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021, 2022, 2023).

Nhà trường đã bố trí nhà giáo học tập, thực hành tại các cơ sở sản xuất, các đơn vị sử dụng lao động nhằm cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất mới áp dụng vào công tác giảng dạy của mình (3.6.02 - Báo cáo, nhật ký thực tập doanh nghiệp của giáo viên khoa Trồng trọt-BVTV; 3.6.03 - Bảng thống kê nhà giáo thực tập tại Doanh nghiệp các năm 2021, 2022, 2023).

Mặc dù có triển khai thực hiện công tác này nhưng đến nay 100% giáo viên cơ hữu của Khoa vẫn chưa đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 3: 0 điểm

Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Đội ngũ cán bộ quản lý của Trường có phẩm chất đạo đức tốt, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đảm bảo đúng theo quy định, thực hiện đúng quyền hạn, nhiệm vụ được giao. Trường đã bổ nhiệm cán bộ quản lý, đảm bảo 100% CBQL có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đạt chuẩn theo quy định. Tổng số cán bộ quản lý đến thời điểm báo cáo gồm có 36 người, trong đó số cán bộ quản lý đạt trình độ tiến sĩ là 3 người, thạc sĩ là 25 người, trình độ đại học là 08 người; các trình độ về ngoại ngữ, tin học, chính trị, đảm bảo theo qui định (3.7.01 – Danh sách trích ngang cán bộ quản lý cấp Phòng, Khoa, Trung tâm).

Tất cả cán bộ quản lý (100%) tham gia công tác giảng dạy có nghiệp vụ sư phạm, chứng chỉ sư phạm dạy nghề, chứng chỉ tin học, chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định; giảng viên là cán bộ quản lý dạy thực hành và tích hợp có chứng chỉ kỹ năng nghề bậc 3 theo qui định (3.7.02 - Hồ sơ quản lý đội ngũ cán bộ quản lý cấp Phòng, Khoa, Trung tâm).

Kế toán trưởng của nhà Trường đảm bảo quy định Thông tư số 04/2018/TT-BTC, ngày 15/11/2013 (3.7.03 - *Quyết định số 256/QĐ-CDNB ngày 29/3/2018 Về việc bổ nhiệm kế toán trưởng*). Kế toán trưởng có trình độ phù hợp, có chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng và đảm bảo thời gian công tác thực tế về nghiệp vụ kế toán (3.7.04 - *Hồ sơ Kế toán trưởng*).

Tính đến thời điểm hiện tại, Đội ngũ viên chức, người lao động của trường 23 người trong đó trình độ Đại học: 16 (69,57%); Cao đẳng: 4 (17,39 %); Trình độ khác: 3 (13,04,%). Với quy mô đào tạo theo mục tiêu và sứ mạng của Trường thì hiện tại số lượng viên chức, người lao động phục vụ đảm bảo đủ số lượng (3.7.05 - *Danh sách trích ngang viên chức, người lao động của trường*).

Hàng năm, đội ngũ viên chức, người lao động được Nhà trường rà soát, lập kế hoạch cho bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, chuẩn hóa về văn bằng, chứng chỉ chuyên môn để đáp ứng nhu cầu công việc (3.7.06 - *Danh sách viên chức, người lao động được cử đi học tập bồi dưỡng về chuyên môn, kỹ năng nghề, phương pháp giảng dạy năm 2021, 2022, 2023*; 3.7.07 - *Các kế hoạch đào tạo bồi dưỡng CBVC từ năm 2021 đến năm 2023*). Tất cả kết quả học tập của viên chức, người lao động đều được lưu trong hồ sơ viên chức, người lao động; hồ sơ viên chức, người lao động được lưu giữ tại phòng Tổ chức, Hành chính và Quản trị.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.

Mô tả, phân tích, nhận định

Hàng năm, với các tiêu chí đánh giá, phân loại và được sự bình xét của tập thể, đội ngũ CBQL của Trường đều hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, nhiều CBQL lý đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở được cấp trên công nhận...(3.8.01 – *Phiếu phân loại các bộ quản lý*; 1.2.04 - *Quyết định số 654/QĐ-CDNB-TĐ ngày 10/8/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ công nhận danh hiệu thi đua HK2 và năm học 2019 - 2020*; 1.2.05 - *Quyết định số 598/QĐ-CDNB-TĐ ngày 20/7/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ công nhận danh hiệu thi đua HK2 và năm học 2020 – 2021*; 1.2.06 - *Quyết định số 649/QĐ-CDNB-TĐ ngày 6/7/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ công nhận danh hiệu thi đua HK2 và năm học 2021 – 2022*; 3.8.02 - *Các quyết định khen thưởng CSTĐ cơ sở năm 2021, 2022, 2023*).

Đội ngũ viên chức thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, góp phần làm cho đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ, kết quả được đánh giá theo đúng qui định

Qua kết quả phân tích và số liệu nêu trên cho thấy: đội ngũ viên chức của Trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, định kỳ được bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ với tỉ lệ 23/23 đạt 100%.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 3: 2 điểm

2.2.4. Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình

Đánh giá tổng quát

Mở đầu

Hàng năm, Nhà trường thường xuyên xây dựng, rà soát, chỉnh sửa chương trình và giáo trình đào tạo, trong đó các chương trình đào tạo ngành Bảo vệ thực vật đều được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định, thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp. Sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp và thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo. Phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo cũng được xác định rất rõ ràng ngay trong chương trình đào tạo. Các chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ và đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo, giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định. Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực. Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Những điểm mạnh

Có chương trình đào tạo được xây dựng đúng theo quy định. Chương trình đào tạo ngành Bảo vệ thực vật bậc cao đẳng của Trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động.

Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động. Bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.

Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của từng chương trình đào tạo, 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.

Những tồn tại

Giáo trình của Trường chủ yếu là lựa chọn giáo trình từ các đơn vị khác hoặc giáo trình của các trường đại học, cao đẳng nên giáo trình một số môn học/ mô đun chưa cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo trường đã ban hành.

Kế hoạch nâng cao chất lượng

Tổ chức biên soạn giáo trình đủ cho các môn học/ mô đun trong chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu cụ thể hóa về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học.

Điểm đánh giá tiêu chí 4

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 4	24
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2
Tiêu chuẩn 9	2
Tiêu chuẩn 10	2
Tiêu chuẩn 11	2
Tiêu chuẩn 12	2

Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định

Trường đã thực hiện xây dựng, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo cho nghề Bảo vệ thực vật trình độ Cao đẳng theo đúng hướng dẫn tại thông tư số 03/2017/TT-BLĐT BXH ngày 01/03/2017 Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; Thông tư số 12/2017/TT-BLĐT BXH quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp; Thông tư số 42/2015/TT-BLĐT BXH ngày 20/10/2015 của Bộ LĐT BXH Quy định về đào tạo trình độ sơ cấp.

Trường đã thực hiện đầy đủ theo các bước trong Điều 6, Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/9/2017 của Bộ LĐTBXH:

- Lập kế hoạch biên soạn, cập nhật chương trình đào tạo (4.1.01 - Kế hoạch số 87/KH-CĐNB-ĐT ngày 10/02/2017 Kế hoạch biên soạn chương trình năm 2017; 4.1.02 - Kế hoạch số 433/KH-CĐNB-ĐT ngày 17/6/2019 Kế hoạch rà soát cập nhật chương trình năm 2019; 4.1.03 - Kế hoạch số 377/KH-CĐNB-ĐT ngày 01/6/2020 Kế hoạch rà soát cập nhật chương trình năm 2020)

- Thành lập các Ban chủ nhiệm/ Tổ biên soạn chương trình theo Quyết định số 94/QĐ-CĐNB ngày 13/02/2017 về việc thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo năm 2017 (4.1.04 - QĐ 94/QĐ-CĐNB ngày 13/2/2017 về việc thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo; 4.1.05 - Danh sách Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo cao đẳng Bảo vệ thực vật)

- Hoàn thiện CTĐT: Ban chủ nhiệm/ Tổ biên soạn chương trình có biên bản phân công nhiệm vụ các thành viên trong tổ và tổ chức hội thảo lấy ý kiến hoàn thiện chương trình hội đồng thẩm định được ghi biên bản và lưu trữ hồ sơ theo quy định.

- Thẩm định chương trình đào tạo: thành lập các hội đồng thẩm định, các thành phần và số lượng thành viên theo quy định (4.1.06 - Quyết định 385/QĐ-CĐNB ngày 04/6/2020 thành lập Hội đồng rà soát, cập nhật, thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng; 4.1.07 - Danh sách thành viên hội đồng thẩm định chương trình đào tạo cao đẳng Bảo vệ thực vật; 4.1.08 - Biên bản rà soát, cập nhật chương trình được lưu tại phòng Đào tạo-KHCN).

- Chương trình đào tạo Bảo vệ thực vật trình độ cao đẳng được ban hành sau khi hoàn thành tất cả hồ sơ theo qui định (4.1.09 - QĐ 382/QĐ-CĐNB ngày 27/4/2017 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng Bảo vệ thực vật; 1.1.01 - Quyết định số 679/QĐ-CĐNB ngày 18/8/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành Chương trình đào tạo bậc cao đẳng: Bảo vệ thực vật; Thú y; Kế toán doanh nghiệp; Nuôi trồng thủy sản nước ngọt; Chế biến thực phẩm; Kỹ thuật xây dựng; Công nghệ Kỹ thuật tài nguyên nước; chương trình bậc trung cấp gồm: Bảo vệ thực vật; Thú y; Kế toán doanh nghiệp; Công nghệ thực phẩm; Chế biến và Bảo quản thủy sản; Cấp thoát nước).

Trường cũng đã căn cứ Các Thông tư của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội như: Thông tư 10/2018/TT-BLĐTBXH, 11/2018/TT-BLĐTBXH, 12/2018/TT-BLĐTBXH, 13/2018/TT-BLĐTBXH, 24/2018/TT-BLĐTBXH, 03/2019/TT-BLĐTBXH quy định về các môn học chung trong chương trình Trình độ Cao đẳng, trình độ Trung cấp để cập nhật và đưa vào chương trình đào tạo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định

Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng/tổ biên soạn chương trình đào tạo, hội đồng thẩm định, cập nhật, rà soát chương trình đào tạo Bảo vệ thực vật trình độ cao đẳng luôn có kèm theo danh sách thành viên tham gia Hội đồng (4.1.01 – Quyết định 385/QĐ-CDNB ngày 4/6/2020 thành lập Hội đồng rà soát, cập nhật, thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng). Cụ thể:

Ban chủ nhiệm/ tổ biên soạn:

+ Số lượng thành viên trong Ban chủ nhiệm/Tổ biên soạn: 3 -7 người

+ Thành phần tham gia Ban chủ nhiệm/Tổ biên soạn: là những người có bằng tốt nghiệp đại học trở lên, có kinh nghiệm trong giảng dạy và quản lý trong lĩnh vực của ngành, cán bộ kỹ thuật doanh nghiệp.

Hội đồng thẩm định, rà soát, cập nhật:

+ Số lượng thành viên trong Hội đồng thẩm định: 07 – 09 người (tuỳ năm)

+ Thành phần tham gia Hội đồng thẩm định: gồm các nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp (ủy viên phản biện), cán bộ khoa học kỹ thuật của doanh nghiệp, nhà giáo của cơ sở GDNN khác (ủy viên phản biện) và không bao gồm thành viên của Ban chủ nhiệm/Tổ biên soạn chương trình. Tất cả các thành viên hội đồng đạt chuẩn về năng lực, kinh nghiệm, đúng quy định theo Thông tư 03/2017/TT-BLĐTĐBXH. Cụ thể:

Danh sách hội đồng thẩm định chương trình năm 2017

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	ĐƠN VỊ CÔNG TÁC	GHI CHÚ
1	ThS. Nguyễn Tiến Huyền	Chủ tịch Hội đồng	Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ	
2	ThS. Nguyễn Văn Cồn	Phó Chủ tịch Hội đồng	Phó Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ	
3	ThS. Nguyễn Trọng Trung	Thư ký	Phó Trưởng phòng Đào tạo-Quản lý NCKH trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ.	
4	ThS. Nguyễn Thị Kim Ngân	Ủy viên	Giảng viên Khoa Trồng trọt-bảo vệ thực vật, trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ	

5	TS. Kiều Thị Ngọc	Phản biện 1	Giảng viên khoa Nông nghiệp trường Cao đẳng Cơ điện và Nông nghiệp Nam Bộ	
6	ThS Nguyễn Trường Giang	Phản biện 2	Chuyên viên phòng dạy nghề	
7	KS. Nguyễn Quốc Cường	Ủy viên	Công ty TNHH SXTMDV công nghệ sinh học Abio Việt Nam	

Danh sách hội đồng rà soát, thẩm định Chương trình đào tạo năm 2019

CBQL trường	GV Trường	GV của cơ sở GDNN ngoài trường	Đại diện doanh nghiệp	Đại diện cơ quan QLNN
ThS. Nguyễn Văn Dũng	ThS. Huỳnh Văn Cẩn		KS. Trần Văn Hiệp	ThS. Nguyễn Thanh Tân
ThS. Nguyễn Thanh Bình	KS. Trần Thị Thu Tâm			
	ThS. Lâm Anh Nghiêm			
	ThS. Nguyễn Thị Hạnh			
	ThS. Võ Khoa Chi			

Danh sách hội đồng rà soát, thẩm định Chương trình đào tạo năm 2020

CBQL trường	GV Trường	GV của cơ sở GDNN ngoài trường	Đại diện doanh nghiệp	Đại diện cơ quan QLNN
ThS. Nguyễn Văn Dũng	ThS. Huỳnh Văn Cẩn		KS. Trần Văn Hiệp	ThS. Nguyễn Thanh Tân
ThS. Nguyễn Thanh Bình	KS. Trần Thị Thu Tâm			
	ThS. Lâm Anh Nghiêm			

	ThS. Nguyễn Thị Hạnh			
	ThS. Võ Khoa Chi			

Qua thống kê danh sách Ban chủ nhiệm, Hội đồng thẩm định chứng minh được rằng trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo Nhà trường đảm bảo có ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động tham gia trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.

Kết quả nhà trường khảo sát ý kiến của cán bộ viên chức, giáo viên về việc chương trình, giáo trình có sự tham gia xây dựng của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động.

- Năm 2021 trường khảo sát 132 người, có phản hồi thông tin là 127 người, có 126 đồng ý chiếm 99,2% tỷ lệ, 02 người trả lời “không” chiếm 2,4% tỷ lệ.

- Năm 2022 trường khảo sát 124 người, có phản hồi thông tin là 114 người, trong đó tỷ lệ 46,5% đồng ý, 50,9% hoàn toàn đồng ý và 2,6% không đồng ý.

- Năm 2023 trường khảo sát 70 người, có phản hồi thông tin là 69 người, có tỷ lệ 60.87% đồng ý, 37.68% hoàn toàn đồng ý và 1.45% phân vân không có ý kiến không đồng ý.

(1.1.07 - Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2021, 2022, 2023; 1.1.08 - Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC, HSSV và doanh nghiệp phục vụ công tác tự đánh giá năm 2021, 2022, 2023).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định

Chương trình chi tiết kèm theo các quyết định ban hành thể hiện đầy đủ về các khối kiến thức theo quy định như kiến thức các môn học chung, kiến thức các môn học/mô đun cơ sở, kiến thức các môn học/mô đun chuyên môn cần đạt được của người học khi tốt nghiệp (1.1.01 - Quyết định số 679/QĐ-CDNB ngày 18/8/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành Chương trình đào tạo bậc cao đẳng: Bảo vệ thực vật; Thú y; Kế toán doanh nghiệp; Nuôi trồng thủy sản nước ngọt; Chế biến thực phẩm; Kỹ thuật xây dựng; Công nghệ Kỹ thuật tài nguyên nước; chương trình bậc trung cấp gồm: Bảo vệ thực vật; Thú y; Kế toán doanh nghiệp; Công nghệ thực phẩm; Chế biến và Bảo quản thủy sản; Cấp thoát nước).

Thực hiện theo Công văn số 775/TCGDNN-ĐTCQ ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Tổng cục GDNN về hướng dẫn sử dụng chuẩn đầu ra trong việc phát triển chương trình đào tạo, đầu năm 2020 Nhà trường quyết định ban hành Quy định khối lượng kiến thức tối

thiếu, yêu cầu về năng lực người học đạt được sau tốt nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng các ngành của Trường (4.3.01 - Quyết định số 27/QĐ-CDNB ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Hiệu trưởng về áp dụng Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực người học đạt được sau tốt nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng các ngành của trường). Từ đó, để đảm bảo chương trình đào tạo phù hợp với quy định mới Nhà trường tiến hành cập nhật, điều chỉnh lại các chương trình đào tạo theo quy định hiện hành để triển khai đào tạo từ năm học 2020-2021. Năm 2022, sau khi có sự điều chỉnh một số chương trình đào tạo, Nhà trường ban hành lại chuẩn đầu ra các ngành áp dụng cho năm học 2022-2023 về sau trong có ngành Bảo vệ thực vật trình độ cao đẳng (4.3.02 - Quyết định số 1119/QĐ-CDNB ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành chuẩn đầu ra các ngành đào tạo áp dụng từ năm học 2022 – 2023).

Đối chiếu chương trình đào tạo của Nhà trường đã ban hành và Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng các ngành nghề thuộc lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản và thú y kèm theo Thông tư số 52/2018/TT-BLĐTĐ của Bộ LĐTB&XH, Nhà trường đảm bảo chương trình đào tạo Bảo vệ thực vật trình độ cao đẳng của trường có nêu rất rõ về yêu cầu khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được hoàn toàn phù hợp với quy định, cụ thể:

- Số lượng môn học, mô đun: 29
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 2430 giờ
- Khối lượng các môn học chung /đại cương: 435 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1995 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 813 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1617 giờ
- Thời gian khóa học: 2,5 năm

Trong chương trình đào tạo, phần yêu cầu về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được thể hiện rất rõ ngay phần mục tiêu của chương trình:

+ Về kiến thức

- Mô tả, nhận biết và phân tích được những đặc điểm cơ bản về sinh vật gây hại cây trồng;
- Phân loại được các nhóm triệu chứng theo bệnh hại và côn trùng gây hại;
- Trình bày được các phương pháp sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón an toàn hiệu quả và bảo vệ môi trường;
- Trình bày được phương pháp điều tra, dự tính dự báo dịch hại cây trồng;

- Phân tích được các nguyên tắc về quản lý dịch hại tổng hợp và đưa ra các biện pháp phòng trừ có hiệu quả;

- Trình bày được các phương pháp khuyến nông, bảo vệ môi trường và hướng dẫn về sản xuất bền vững;

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về quản trị sản xuất trong nông nghiệp, kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng;

- Trình bày được các phương pháp bố trí thí nghiệm, khảo nghiệm phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và giống cây trồng;

- Trình bày được những nội dung cơ bản của các loại văn bản quy định nhà nước liên quan đến bảo vệ thực vật và kiểm dịch thực vật;

- Trình bày được các kiến thức liên quan đến phân tích, giám định dịch hại trong phòng thí nghiệm và đảm bảo an toàn thí nghiệm;

- Trình bày được các kiến thức về kiểm định thuốc và dư lượng thuốc bảo vệ thực vật - phân bón theo tiêu chuẩn quốc gia;

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

+ Kỹ năng

- Nhận biết chính xác các loại dịch hại và đưa ra biện pháp phòng trừ hiệu quả;

- Tổ chức điều tra phát hiện, dự tính dự báo dịch hại trên cây trồng;

- Lập được kế hoạch phòng trừ sinh vật hại cây trồng định kỳ, đột xuất;

- Tổ chức bố trí thí nghiệm và khảo nghiệm phân bón, thuốc bảo vệ thực vật;

- Thực hiện được công tác khuyến nông liên quan đến bảo vệ thực vật;

- Thực hiện sản xuất và kinh doanh và các hoạt động khác liên quan đến lĩnh vực bảo vệ thực vật theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật;

- Quản lý hiệu quả hoạt động kinh doanh thuốc bảo vệ thực đảm bảo an toàn;

- Thực hiện được quy trình phân tích, giám định dịch hại trong phòng thí nghiệm;

- Thực hiện được quy trình kiểm định thuốc bảo vệ thực vật, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật và phân bón;

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

+ Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Có phẩm chất đạo đức tốt và nhận thức đúng đắn về nghề nghiệp, có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc;
- Trung thực và có tính kỷ luật cao, sẵn sàng đảm nhiệm các công việc được giao;
- Có ý thức trách nhiệm công dân, ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp, kỹ năng lao động nghề nghiệp, có khả năng làm việc theo nhóm;
- Có phương pháp làm việc khoa học, sáng tạo và luôn cập nhật thông tin.

+ Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Điều tra sinh vật hại;
- Dự tính, dự báo sinh vật hại;
- Phòng trừ sinh vật hại;
- Khuyến nông bảo vệ thực vật;
- Kinh doanh phân bón và thuốc bảo vệ thực vật;
- Khảo nghiệm phân bón và thuốc bảo vệ thực vật;
- Kiểm dịch thực vật;
- Phân tích, giám định dịch hại;
- Kiểm định phân bón và dư lượng thuốc bảo vệ thực vật.

+ Khả năng học tập, nâng cao trình độ

- Khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp ngành, nghề Bảo vệ thực vật, trình độ cao đẳng có thể tiếp tục phát triển ở các trình độ cao hơn;

- Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành, nghề hoặc trong nhóm ngành, nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

Ngoài ra, ở mỗi mô đun/ môn học và trong từng chương/ bài của từng mô đun/ môn học đều thể hiện rất rõ phân mục tiêu và yêu cầu về kiến thức và kỹ năng cần đạt được sau khi học xong mô đun/ môn học (1.1.01 - Quyết định số 679/QĐ-CDNB ngày 18/8/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành Chương trình đào tạo bậc cao đẳng: Bảo vệ thực vật; Thú y; Kế toán doanh nghiệp; Nuôi trồng thủy sản nước

ngọt; Chế biến thực phẩm; Kỹ thuật xây dựng; Công nghệ Kỹ thuật tài nguyên nước; chương trình bậc trung cấp gồm: Bảo vệ thực vật; Thú y; Kế toán doanh nghiệp; Công nghệ thực phẩm; Chế biến và Bảo quản thủy sản; Cấp thoát nước).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định

Căn cứ Thông tư 03/2017/TT-BLĐT BXH Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; Thông tư số 12/2017/TT-BLĐT BXH ngày 20/4/2017 Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; chương trình đào tạo của nhà trường đều thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô đun, môn học, xác định rõ mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể; quy định khối lượng kiến thức, kỹ năng và thái độ cần đạt được của từng công việc trong mỗi ngành, nghề, thể hiện rõ phương pháp và hình thức đào tạo trong từng môn học, mô đun để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.

Với bậc cao đẳng: Tổng thời gian thực hiện CTĐT nghề Bảo vệ thực vật là 2.430 giờ trong đó lý thuyết 813 giờ chiếm tỉ lệ 33%, thực hành 1.617 giờ chiếm tỉ lệ 67% CTĐT

Trình tự các mô đun, môn học được sắp xếp một cách hợp lý đảm bảo tính liên thông chuyên tiếp, bổ trợ cho nhau giữa các môn học. Cụ thể môn lý thuyết chung được giảng dạy trước, đến các môn cơ sở ngành và chuyên ngành.

Trong CTĐT quy định rõ trình tự thực hiện môn học để đảm bảo lượng kiến thức ở các mô đun, môn học có sự liên kết chuyên tiếp kiến thức, giúp HSSV tiếp nhận và thực hiện một cách tốt nhất phù hợp với mục tiêu giáo dục của nghề được Hiệu trưởng phê duyệt

(1.1.01 - Quyết định số 679/QĐ-CĐNB ngày 18/8/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành Chương trình đào tạo bậc cao đẳng: Bảo vệ thực vật; Thú y; Kế toán doanh nghiệp; Nuôi trồng thủy sản nước ngọt; Chế biến thực phẩm; Kỹ thuật xây dựng; Công nghệ Kỹ thuật tài nguyên nước; chương trình bậc trung cấp gồm: Bảo vệ thực vật; Thú y; Kế toán doanh nghiệp; Công nghệ thực phẩm; Chế biến và Bảo quản thủy sản; Cấp thoát nước; 4.4.01 - Chương trình chi tiết các môn học, mô đun trình độ đào tạo cao đẳng, nghề Bảo vệ thực vật).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong quá trình xây dựng CTĐT, gắn liền với việc xây dựng biên soạn CTĐT là xác định cơ sở vật chất đảm bảo cho quá trình triển khai giảng dạy theo CTĐT như: phòng học lý thuyết, xưởng thực hành, các thiết bị phục vụ cho đào tạo chuyên ngành cần phải có.

Yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên được thể hiện trong từng chương trình chi tiết của mỗi môn học/ mô đun mà cụ thể là phần “IV. Điều kiện thực hiện môn học”. Trong đó có yêu cầu cụ thể về: Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng (số lượng phòng, diện tích, khu vực thực hành,...); Trang thiết bị máy móc (chủng loại, số lượng); Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu; Yêu cầu về giáo viên giảng dạy (trình độ chuyên môn; cán bộ hỗ trợ thực hành, thực tập) (1.1.01 - Quyết định số 679/QĐ-CDNB ngày 18/8/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành Chương trình đào tạo bậc cao đẳng: Bảo vệ thực vật; Thú y; Kế toán doanh nghiệp; Nuôi trồng thủy sản nước ngọt; Chế biến thực phẩm; Kỹ thuật xây dựng; Công nghệ Kỹ thuật tài nguyên nước; chương trình bậc trung cấp gồm: Bảo vệ thực vật; Thú y; Kế toán doanh nghiệp; Công nghệ thực phẩm; Chế biến và Bảo quản thủy sản; Cấp thoát nước).

Nhà trường khảo sát lấy ý kiến của bộ phận giáo viên giảng dạy trong khoa, chuyên gia trong lĩnh vực này để biết được mức độ đáp ứng yêu cầu của cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên đối với CTĐT (1.1.07 - Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2021, 2022, 2023; 1.1.08 - Báo cáo tổng hợp phiếu khảo sát CBVC, HSSV và doanh nghiệp phục vụ tự đánh giá năm 2021, 2022, 2023).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô đun, môn học của chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ thông tư 03/2017/BLĐ-TBXH, trong chương trình chi tiết, mỗi môn học đều có quy định cụ thể số lần kiểm tra định kỳ, kiểm tra kết thúc môn, thời điểm kiểm tra, thời gian kiểm tra; quy định rõ phương pháp kiểm tra kết thúc môn học, mô đun và các yêu cầu kiểm tra đánh giá kết quả học tập sau khi kết thúc môn học/mô đun.

Chương trình đào tạo trường xây dựng đều thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô đun, môn học. Phần này được trình bày ở phần “**V. Nội dung và phương pháp, đánh giá**” trong chương trình chi tiết từng môn học/ mô đun.

Phần “nội dung” để xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô đun, môn học, cụ thể sẽ có yêu cầu về kiến thức, kỹ năng; năng lực tự chủ và trách nhiệm.

Phần “phương pháp” để thể hiện phương pháp đánh giá kết quả học tập theo yêu cầu của môn học, trong đó có quy định về thang điểm cho các bài kiểm tra kiến thức, thực

hành, hình thức kiểm tra kết thúc môn (1.1.01 - Quyết định số 679/QĐ-CDNB ngày 18/8/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành Chương trình đào tạo bậc cao đẳng: Bảo vệ thực vật; Thú y; Kế toán doanh nghiệp; Nuôi trồng thủy sản nước ngọt; Chế biến thực phẩm; Kỹ thuật xây dựng; Công nghệ Kỹ thuật tài nguyên nước; chương trình bậc trung cấp gồm: Bảo vệ thực vật; Thú y; Kế toán doanh nghiệp; Công nghệ thực phẩm; Chế biến và Bảo quản thủy sản; Cấp thoát nước).

Đối với nghề Bảo vệ thực vật, được quy định chi tiết đối với từng mô đun, môn học. Các môn học lý thuyết thì kiểm tra định kỳ sau 15 tiết học và kết thúc môn sau khi kết thúc môn học.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo nghề Bảo vệ thực vật trình độ cao đẳng có học phần thực tập nghề nghiệp và thực tập cuối khoá. Đây là những học phần bắt buộc để giúp cho người học rèn luyện tay nghề và tiếp xúc được với các với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.

Trường có thực hiện việc đánh giá, cập nhật và điều chỉnh chương trình đào tạo theo chu kỳ 03 năm/lần. Nhà trường tổ chức đánh giá lại chương trình đào tạo đã ban hành để cập nhật, bổ sung, điều chỉnh nội dung chương trình đào tạo nhằm đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động, trong đó chú trọng việc cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ trong lĩnh vực ngành, nghề đào tạo. Chương trình đào tạo nghề Bảo vệ thực vật trình độ cao đẳng được xây dựng vào năm 2017, đến năm 2020 chương trình được điều chỉnh lại và có cập nhật một số nội dung cho phù hợp với thời điểm hiện tại (1.1.01 - Quyết định số 679/QĐ-CDNB ngày 18/8/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành Chương trình đào tạo bậc cao đẳng: Bảo vệ thực vật; Thú y; Kế toán doanh nghiệp; Nuôi trồng thủy sản nước ngọt; Chế biến thực phẩm; Kỹ thuật xây dựng; Công nghệ Kỹ thuật tài nguyên nước; chương trình bậc trung cấp gồm: Bảo vệ thực vật; Thú y; Kế toán doanh nghiệp; Công nghệ thực phẩm; Chế biến và Bảo quản thủy sản; Cấp thoát nước)

Quá trình chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo, trên cơ sở đề xuất của giảng viên chuyên môn của các khoa, các thành viên của ban chủ nhiệm biên soạn chương trình, thành viên của hội đồng thẩm định chương trình. Trường đã cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành nghề đào tạo, phương pháp giảng dạy cho tất cả các nghề trường đang đào tạo (4.7.01 - Thông tin về những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến được cập nhật trong chương trình đào tạo Chương trình chi tiết các môn học, mô đun trình độ đào tạo cao đẳng, nghề Bảo vệ thực vật).

Trường thực hiện lấy ý kiến khảo sát doanh nghiệp hàng năm trước khi chỉnh sửa chương trình đào tạo. Doanh nghiệp tham gia trong hội đồng thẩm định chương trình đào tạo cũng có phiếu góp ý thiết thực về nội dung cần cập nhật của chương trình để bám sát yêu cầu của thị trường lao động.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Mô tả, phân tích, nhận định

Theo thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ Lao động thương binh Xã hội, Thông tư số 27/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/9/2017 về việc quy định về việc đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp. Trường đã tiến hành xây dựng hướng dẫn thực hiện dựa trên nội dung thông tư hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2.7.01 - *Quyết định số 738/QĐ-CDNB ngày 08/8/2018 của Hiệu trưởng về hướng dẫn đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp được cụ thể hóa từ nội dung của Thông tư số 27/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội*).

Theo Quyết định 18/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học. Nhà trường đã thực hiện ký hợp tác với Trường Đại học Nông lâm Bắc Giang, Đại học Thái Nguyên để tổ chức đào tạo liên thông lên đại học cho HSSV tốt nghiệp của trường các ngành Bảo vệ thực vật, Thú y, Quản lý đất đai (4.8.01 – *Văn bản thỏa thuận hoặc chấp thuận của cơ sở giáo dục đại học với trường trong việc đào tạo liên thông, hợp đồng liên kết đào tạo; 4.8.02 - CTĐT liên thông đại học Nông Lâm Bắc Giang, Đại học Thái Nguyên lưu tại phòng Đào tạo&KH-CN; 4.8.03 - Thông báo tuyển sinh liên thông đại học; 4.8.04 - Quy định về công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng đã tích lũy của người học được miễn trừ khi học chương trình đào tạo liên thông đã được cơ sở giáo dục đại học ban hành*).

Các văn bản công nhận chương trình đào tạo của Trường đủ điều kiện để tham gia đào tạo liên thông lên trình độ cao hơn (4.8.05 - *Công văn số 1126/CV-ĐHNL - ĐTVHVL của trường Đại học Nông Lâm – Đại học Thái Nguyên ngày 25/8/2019 chấp thuận chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề Thú y, Chăn nuôi thú y, Bảo vệ thực vật và Quản lý đất đai của trường và công nhận kết quả học tập trình độ cao đẳng, miễn học và miễn thi các học phần đã học trong chương trình cao đẳng; 4.8.06 – Công văn số 245/ĐHNLBG-ĐT của trường Đại học Nông Lâm Bắc Giang ngày 16/3/2020 chấp thuận chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề Thú y, chăn nuôi thú y, Bảo vệ thực vật và Quản lý đất đai của trường và công nhận kết quả học tập trình độ cao đẳng, miễn học và miễn thi các học phần đã học trong chương trình cao đẳng*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định

Nghề Bảo vệ thực vật trình độ cao đẳng Trường đang đào tạo được Tổng cục GDNN cấp phép từ năm 2017 và có ban hành chương trình đào tạo và chương trình chi tiết kèm theo (1.1.01 - *Quyết định số 679/QĐ-CDNB ngày 18/8/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành Chương trình đào tạo bậc cao đẳng: Bảo vệ thực vật; Thú y; Kế toán doanh nghiệp; Nuôi trồng thủy sản nước ngọt; Chế biến thực phẩm; Kỹ thuật xây dựng; Công nghệ Kỹ thuật tài nguyên nước; chương trình bậc trung cấp gồm: Bảo vệ thực vật; Thú y; Kế toán doanh nghiệp; Công nghệ thực phẩm; Chế biến và Bảo quản thủy sản; Cấp thoát nước*).

Để đảm bảo trang bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cho các mô đun/ môn học theo chương trình đào tạo, trên cơ sở đề xuất của các khoa chuyên môn Trường thành lập hội đồng lựa chọn giáo trình, hội đồng tổ chức xem xét thẩm định và trình hiệu trưởng phê duyệt danh sách giáo trình cho từng mô-đun, môn học của các chương trình đang đào tạo, trong đó nêu rõ tên giáo trình, năm biên soạn, đơn vị ban hành. Trong đó, giáo trình cho 6 môn chung Nhà trường quyết định áp dụng giáo trình dùng chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo Công văn số 147/TCGDNN-DTCQ ngày 22 tháng 01 năm 2020 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp (4.9.01 - *Quyết định số 245/QĐ-CDNB ngày 04 tháng 01 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc thành lập HĐ lựa chọn giáo trình; 4.9.02 - Quyết định số 307/QĐ-CDNB ngày 03 tháng 5 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc phê duyệt danh mục giáo trình đưa giáo trình vào sử dụng trong giảng dạy và danh sách giáo trình ban hành kèm theo*).

Đối với ngành Bảo vệ thực vật trình độ cao đẳng, theo chương trình đào tạo có 21 mô đun/ môn học, hiện tại Nhà trường có 90 giáo trình để phục vụ cho việc giảng dạy. Giáo trình sử dụng cho chương trình đào tạo được thống kê thành danh sách trong đó nêu rõ tên giáo trình; năm biên soạn; đơn vị ban hành (4.9.03 - *Quyết định số 897/QĐ-CDNB ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc ban hành danh sách giáo trình sử dụng cho từng môn học/ mô đun; 4.9.04 - Quyết định số 811/QĐ-CDNB ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc phê duyệt giáo trình dùng trong giảng dạy và danh sách giáo trình ban hành kèm theo*).

Ngoài những giáo trình được lựa chọn sử dụng, những năm qua Nhà trường cũng bắt đầu tiến hành cho soạn giáo trình dùng riêng cho Trường với mục đích đảm bảo tốt nhất việc đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo. Giáo trình được biên soạn hay lựa chọn đều thực hiện các bước đúng theo quy định (4.9.05 – *Danh sách giáo trình, tập bài*

giảng của các môn học/ mô đun của chương trình đào tạo; Hồ sơ biên soạn giáo trình Khoa Trồng trọt-BVTV).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định

Căn cứ theo Thông tư 03/2017/TT-BLĐTĐ ngày 01/03/2017 của Bộ LĐTĐ&XH, trên cơ sở đề xuất của các khoa chuyên môn Trường thành lập hội đồng lựa chọn giáo trình, hội đồng tổ chức xem xét thẩm định và trình hiệu trưởng phê duyệt danh sách giáo trình (4.9.01- Quyết định số 245/QĐ-CDNB ngày 04 tháng 01 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc thành lập HĐ lựa chọn giáo trình; 4.9.02 - Quyết định số 307/QĐ-CDNB ngày 03 tháng 5 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc phê duyệt danh mục giáo trình đưa giáo trình vào sử dụng trong giảng dạy và danh sách giáo trình ban hành kèm theo).

Năm 2021 đến năm 2023, Trường đã biên soạn, thẩm định và ban hành 7 giáo trình dùng riêng cho nghề Bảo vệ thực vật của Nhà trường.

TT	Tên giáo trình	Năm biên soạn
1	Phương pháp thí nghiệm	2021
2	Thuốc Bảo vệ thực vật	2022
3	Quản lý dịch hại trên cây lương thực	2022
4	Quản lý dịch hại trên cây rau	2022
5	Quản lý dịch hại trên cây ăn quả	2022
6	Quản lý dịch hại trên cây công nghiệp	2022
7	Quản lý cỏ dại và động vật hại cây trồng	2023

(4.10.01 - Quyết định số 629/QĐ-CDNB ngày 12/8/2021 của Hiệu trưởng về ban hành sử dụng giáo trình; 4.10.02 - Quyết định số 602/QĐ-CDNB ngày 20/6/2022 của Hiệu trưởng về ban hành sử dụng giáo trình; 4.10.03 - Quyết định số 518/QĐ-CDNB ngày 12/6/2023 của Hiệu trưởng về ban hành sử dụng giáo trình).

Đối với 6 môn học chung, Nhà trường đã ra Quyết định ban hành lựa chọn giáo trình 6 môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng kèm theo công văn số 147/TCGDNN-DTCQ ngày 22 tháng 01 năm 2020 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp để áp dụng cho Nhà trường (4.10.04 - Quyết định số 805/QĐ-CDNB ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc thành lập HĐ lựa chọn giáo trình, tài liệu tham khảo; 4.10.05 - Quyết định số 897/QĐ-CDNB

ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc ban hành danh sách giáo trình sử dụng cho từng môn học/ mô đun Quyết định phê duyệt và cho phép đưa giáo trình vào sử dụng).

Như vậy, 100% giáo trình đào tạo của ngành Bảo vệ thực vật trình độ cao đẳng được trường xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

Mô tả, phân tích, nhận định

Năm 2019, trường đã lựa chọn và phê duyệt giáo trình đưa vào giảng dạy các nghề trường đang đào tạo trong đó có nghề Bảo vệ thực vật trình độ cao đẳng (4.9.01 - Quyết định số 245/QĐ-CDNB ngày 04 tháng 01 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc thành lập HĐ lựa chọn giáo trình; 4.9.02 - Quyết định số 307/QĐ-CDNB ngày 03 tháng 5 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc phê duyệt danh mục giáo trình đưa giáo trình vào sử dụng trong giảng dạy và danh sách giáo trình ban hành kèm theo; 4.9.04 - Quyết định số 811/QĐ-CDNB ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc phê duyệt giáo trình dùng trong giảng dạy và danh sách giáo trình ban hành kèm theo).

Từ năm 2021 đến 2023, trường đã xây dựng Kế hoạch biên soạn giáo trình, Thành lập ban xây dựng, Hội đồng thẩm định theo Thông tư 03/2017/TT-BLĐT BXH ngày 01/03/2017 của Bộ LĐTB&XH và đã ra quyết định ban hành giáo trình cho 7 MĐ/MH ngành Cao đẳng Bảo vệ thực vật.

Giáo trình được lựa chọn và xây dựng đảm bảo 100% được cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo trên cơ sở tham khảo ý kiến của các nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật và các chuyên gia. Các yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo sẽ được thường xuyên điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn.

Các giáo trình và bài giảng được sử dụng tại Trường đều được lựa chọn và biên soạn theo đúng quy trình và hướng dẫn, được thẩm định đầy đủ. Nội dung giáo trình cụ thể hóa các yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng, thái độ quy định trong chương trình khung, chương trình môn học/ mô đun; đáp ứng yêu cầu về phương pháp giáo dục nghề nghiệp và có định hướng cơ bản về phương pháp giảng dạy, kiểm tra và đánh giá. Năm học 2020-2021, 2021 – 2022, 2022 – 2023 các giáo trình được tổ chức thẩm định theo đúng hồ sơ

nhà trường quy định (4.11.01 – Biên bản họp thẩm định giáo trình lưu tại Phòng Đào tạo & KHCN).

Thông qua khảo sát ý kiến của cán bộ giáo viên và HSSV về giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo cho thấy hầu hết người được khảo sát trả lời đồng ý với nội dung trên (2.3.07 - Phiếu khảo sát HSSV 2021, 2022, 2023; 1.1.07 - Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2021, 2022, 2023; 1.1.08 - Báo cáo tổng hợp phiếu khảo sát CBVC, HSSV và doanh nghiệp năm 2021, 2022, 2023).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Mô tả, phân tích, nhận định

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/4/2017 của Bộ Trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Căn cứ theo hướng dẫn về biên soạn, lựa chọn giáo trình sử dụng theo Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình, tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, trong quá trình biên soạn, thẩm định hay lựa chọn giáo trình đều có sự tham gia của các doanh nghiệp. Thông qua những góp ý của đơn vị sử dụng lao động là các doanh nghiệp có mặt trong các hội đồng thẩm định giáo trình sẽ giúp cho nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Hội nghị nghiệm thu giáo trình giảng dạy, có biên bản thẩm định, phản biện, đánh giá, nghiệm thu, trong đó có nhận xét về mức độ cụ thể hóa các yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun và ưu tiên có cho phương pháp dạy học tích cực (4.12.01 – Hồ sơ nghiệm thu giáo trình Trường biên soạn; 4.12.02 – Bản in các giáo trình, tập bài giảng của các môn học/ mô đun của chương trình đào tạo Bảo vệ thực vật).

Thông qua khảo sát ý kiến của cán bộ giáo viên và HSSV về giáo trình đào tạo đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ cho thấy hầu hết người được khảo sát trả lời đồng ý với nội dung trên (2.3.07 - Phiếu khảo sát HSSV 2021, 2022, 2023; 1.1.07 - Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2021, 2022, 2023; 1.1.08 - Báo cáo tổng hợp phiếu khảo sát CBVC, HSSV và doanh nghiệp năm 2021, 2022, 2023).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 4: 2 điểm

2.2.5. Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện

Đánh giá tổng quát

Mở đầu

Khoa Trồng trọt và Bảo vệ thực vật được xây dựng và quy hoạch hợp lý dựa trên mặt bằng tổng thể của trường. Khoa có đầy đủ hệ thống các phòng học lý thuyết, xưởng thực hành, ruộng, vườn cây thực nghiệm, nhà lưới và hệ thống các công trình phụ trợ đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu của giáo viên và học sinh.

Khoa Trồng trọt và Bảo vệ thực vật là Khoa có truyền thống lâu đời trong lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực cho lĩnh vực Bảo vệ thực vật của một số tỉnh thành tại khu vực miền Tây Nam Bộ. Chính vì vậy, Nhà trường rất chú trọng đầu tư về cơ sở vật chất ngày một đa dạng về chủng loại và đầy đủ về số lượng nhằm đáp ứng mục tiêu đào tạo của nghề đã đề ra trong chương trình đào tạo.

Trang thiết bị đào tạo được nâng cao và được đầu tư từ các nguồn vốn ODA và các nguồn vốn từ chương trình mục tiêu quốc gia. Năm 2023, sau đợt thanh kiểm tra về thiết bị phục vụ đào tạo, kết quả thanh tra kết luận nghề Bảo vệ thực vật thiết bị dụng cụ đào tạo đáp ứng được 100% so với Danh mục thiết bị tối thiểu hiện hành do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

Những điểm mạnh

Thiết bị phục vụ đào tạo nghề Bảo vệ thực vật đáp ứng trên 100% so với danh mục thiết bị tối thiểu hiện hành.

Có đủ các khối công trình phục vụ cho các hoạt động của khoa; Hệ thống hạ tầng kỹ thuật bảo đảm đáp ứng nhu cầu hoạt động dạy nghề.

Việc quản lý và khai thác thiết bị phục vụ giảng dạy, thực hành thực tập, nghiên cứu khoa học đi vào nề nếp và phát huy hiệu quả.

Những tồn tại

Số lượng giáo trình, sách, tài liệu tham khảo chưa đảm bảo và việc số hóa các tài liệu tham khảo vẫn chưa đảm bảo 100% tài liệu được số hóa.

Kế hoạch nâng cao chất lượng

Khai thác triệt để các thiết bị máy móc phục vụ học tập và nghiên cứu.

Hoàn thiện việc số hóa 100% tất cả giáo trình, sách, tài liệu tham khảo.

Điểm đánh giá tiêu chí 5

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 5	16
Tiêu chuẩn 1	2

Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2

Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định

Trường có bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng do Công ty tư vấn xây dựng và phát triển nông nghiệp 1 thiết kế được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt tại Quyết định số 3939/QĐ-BNN-XD ngày 05/10/2015, đầy đủ các hạng mục công trình theo quy hoạch và tiêu chuẩn xây dựng, có đầy đủ hồ xây dựng, hồ sơ hoàn công theo quy định (5.1.01- *Quyết định số 3939/QĐ-BNN-KH ngày 05/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt dự án quy hoạch mặt bằng tổng thể Trường cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ; 5.1.02 - Quyết định số 1818/QĐ-BNN-XDCB ngày 04/05/2001 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán công trình cải tạo XD trường; 5.1.03 - Báo cáo cơ sở vật chất năm 2020; 2021, 2022; 5.1.04 - Thống kê số liệu diện tích và các hạng mục, công trình xây dựng*).

Trường có hệ thống phòng học lý thuyết, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa với tổng diện tích đáp ứng được quy mô đào tạo của Nhà trường. Hiện Trường có 02 khu giảng đường với 25 phòng học lý thuyết với tổng diện tích 12.340,8 m², diện tích các phòng từ 67,84 m² đến 123,4 m² trở lên. Khu phòng học lý thuyết được bố trí trong tòa nhà giảng đường A1, A3 thông thoáng. Các phòng học đều được trang bị đầy đủ các trang thiết bị cần thiết như hệ thống chiếu sáng, quạt điện, bảng đen, máy chiếu phục vụ giảng dạy, học tập. Trên mỗi tầng đều có hành lang rộng, thoáng, có các khu vệ sinh riêng biệt. Trước và sau khối nhà phòng học có khuôn viên rộng, có cây xanh, vườn hoa, đảm bảo yên tĩnh cho quá trình học tập.

Số liệu HS của Trường biến đổi nhiều từ năm học 2020-2021 đến nay, tổng số học sinh, sinh viên của Trường là:

Bảng tổng hợp HSSV/giảng viên

	Số HSSV	Số giảng viên	Tỷ lệ HSSV/GV
2020-2021	1.440	90	16

2021-2022	1.895	92	20,6
2022-2023	1.310	90	14,5

Lấy số liệu học sinh, sinh viên trung bình trong các năm là 1.548 học sinh, sinh viên, căn cứ theo qui định tại Quyết định số 3621/QĐ-BKHCN ngày 28/12/2012 của Bộ Khoa học Công nghệ về việc công bố tiêu chuẩn quốc gia (Tiêu chuẩn Quốc Gia TCVN 9210:2012 “Trường Dạy nghề - Tiêu chuẩn thiết kế”:

Phòng học lý thuyết: Tính số lớp lý thuyết: $1.548/35 = 44,2$ lớp làm tròn là 45 lớp. Số phòng học lý thuyết cần đáp ứng của Trường sẽ là: $44 \text{ lớp}/2 \text{ ca/ngày} \times 0,3$ (30% lý thuyết) = 6,6 phòng (làm tròn là 7 phòng < 25) đảm bảo chuẩn về số lượng phòng.

Diện tích phòng học lý thuyết theo quy định là $1,5\text{m}^2/\text{chỗ học} \times 35 \text{ HSSV/phòng}$. Diện tích lớp học sẽ là $35 \times 1,5 \text{ m}^2 = 52,5 \text{ m}^2$; Diện tích phòng học lý thuyết thực tế của Trường với 120 phòng diện tích từ $67,84\text{m}^2/\text{phòng}$ đến $123,4\text{m}^2/\text{phòng}$ vì vậy đảm bảo chuẩn về diện tích.

Các phòng thí nghiệm, thực hành của Khoa có 09 phòng, bao gồm Phòng 216, 217, 219, phòng Kỹ thuật cơ sở, Phòng côn trùng và sinh vật hại khác, Phòng bệnh cây và vi sinh vật, Phòng sinh lý - sinh hóa, Phòng đất phân bón và bảo vệ thực vật, Phòng sơ chế và bảo quản nông sản. Khu ruộng vườn thực tập bố trí thành khu vực riêng là Khu trại thực nghiệm. Trong đó Khoa Trồng trọt và Bảo vệ thực vật có các khu vực riêng như: Khu ruộng thí nghiệm (4.408 m^2), khu vườn cây ăn quả (1.930 m^2), nhà lưới (2.016 m^2),

Số lớp học thực hành là: $1.548/18 = 86$ (lớp). Số phòng thực hành cần có: $86 \text{ lớp}/2 \text{ ca} \times 0,7$ (70%) = 30 phòng (< 56 phòng). Hệ thống xưởng thực hành với tổng diện tích là: $8.031,52\text{m}^2$. Theo quy định với phòng thực hành lớn (xưởng thực hành) có thể tổ chức nhiều nhóm thực tập nhưng phải đảm bảo diện tích $4\div 6 \text{ m}^2/\text{chỗ thực hành}$ (Tiêu chuẩn Quốc Gia TCVN 9210:2012 “Trường Dạy nghề - Tiêu chuẩn thiết kế”), thì số phòng thực hành của Nhà trường theo quy đổi sẽ là: $8.031,5/4/18 = 111,55$ phòng thực hành, làm tròn là 112 phòng > 30 phòng theo yêu cầu, vì vậy đảm bảo chuẩn về số lượng phòng thực hành.

Hội trường có diện tích (1.694 m^2) với sức chứa 600 chỗ ngồi: theo Thông tư số 38/2018/TT-BLĐT BXH ngày 28/12/2018 quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp: Hội trường của Trường dạy nghề phải bảo đảm phục vụ được các cuộc hội họp, hoạt động văn hóa, xem phim và học chính trị tập trung. Với hội trường trên 100 chỗ ngồi thì diện tích tối đa là $0,8 \text{ m}^2/1 \text{ chỗ}$ ngồi, như vậy, diện tích trên 1 chỗ ngồi được tính như sau $1.694 \text{ m}^2/600 = 2,82\text{m}^2/\text{chỗ}$.

Như vậy, căn cứ theo Nghị định 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp; theo quy định đối với trường trung cấp nghề, trường cao đẳng nghề tại Quyết định số 3621/QĐ-BKHCN ngày 28/12/2012 của Bộ Khoa học Công nghệ về việc công bố tiêu chuẩn quốc gia (Tiêu chuẩn Quốc Gia TCVN 9210:2012 “Trường Dạy nghề - Tiêu chuẩn thiết kế”; theo Thông

tư số 38/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2018 quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, Nhà trường đảm bảo số lượng và diện tích phòng học lý thuyết, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành.

Thiết bị đào tạo tại các phòng học lý thuyết được trang bị đầy đủ, có hệ thống thông gió, điện, quạt, bàn ghế, thiết bị, đảm bảo điều kiện thoáng mát, có nhiều phòng học được trang bị máy chiếu, ti vi, máy điều hòa đảm bảo phục vụ tốt việc học tập và giảng dạy. Thiết bị đào tạo tại các xưởng thực hành được trang bị đáp ứng yêu cầu công nghệ và nhu cầu đào tạo theo từng ngành của Nhà trường, các thiết bị đều có quy định việc thực hiện quy trình vận hành thiết bị, máy móc (5.1.05- *Danh mục thiết bị tại các phòng thực hành, thí nghiệm*; 5.1.06- *Hồ sơ quản lý thiết bị, dụng cụ*; 5.1.07- *Quyết định số 955/QĐ-CDNB ngày 9/2/2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc Ban hành Quy trình bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản trong trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ*).

Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của người học; cán bộ quản lý, nhà giáo về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động của Trường (1.1.07 - *Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2021, 2022, 2023*; 2.3.07- *Phiếu khảo sát HSSV năm 2021, 2022, 2023*; 1.1.08 - *Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC, HSSV và doanh nghiệp phục vụ công tác tự đánh giá năm 2021, 2022, 2023*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định

Việc đầu tư thiết bị đặc biệt là các ngành/ nghề đào tạo trọng điểm như nghề Bảo vệ thực vật luôn được sự quan tâm của lãnh đạo và tập thể đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên Nhà trường. Trong năm 2020 Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ được Bộ Nông nghiệp & PTNT hỗ trợ cho mua sắm thiết bị từ nguồn vốn dự án “Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp” và thiết bị cho đào tạo các nghề nông nghiệp năm 2020; đã trang bị cho tất cả các ngành nghề mà Nhà trường đào tạo. Ngoài ra, thiết bị phục vụ đào tạo nghề Bảo vệ thực vật được đầu tư mua sắm bổ sung hàng năm thông qua “Chương trình mục tiêu quốc gia”.

Đến nay đối chiếu Danh mục tối thiểu để cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động/bổ sung giáo dục nghề nghiệp và Danh mục thiết bị tối thiểu cho ngành Bảo vệ thực vật do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, Trường đảm bảo trang thiết bị phục vụ chương trình đào tạo Bảo vệ thực vật có đầy đủ chủng loại đáp ứng cho yêu cầu hoạt động thực hành, thực tập (5.2.01 - *Danh mục trang thiết bị của trường theo ngành Bảo vệ thực*

vật; 5.2.02- *Bảng tổng hợp so sánh DMTB của Trường với DMTB tối thiểu do Bộ LĐTBXH ban hành*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định

Nhận thức được tầm quan trọng của trang thiết bị máy móc đến việc luyện tập hình thành kỹ năng nghề nghiệp cho HSSV, Nhà trường đã ưu tiên đầu tư cho các nghề trọng điểm quốc gia trong đó có nghề Bảo vệ thực vật. Số lượng thiết bị, máy móc đều phù hợp quy mô đào tạo. HSSV học lý thuyết theo lớp, học thực hành theo nhóm đảm bảo số lượng từ 15 - 18 HSSV/1 nhóm. Các xưởng thực hành có đủ thiết bị đảm bảo 1 – 5 HSSV /thiết bị chính. Các thiết bị, dụng cụ thực hành đều đảm bảo cho việc thực hành của người học phù hợp với ngành nghề đào tạo và phương pháp tổ chức lớp học hiện tại trong trường.

Ngoài ra, nhà trường phối hợp cùng doanh nghiệp xây dựng kế hoạch đưa HSSV đi thực tập kết hợp đào tạo tại các doanh nghiệp để HSSV tiếp cận thực tế sản xuất. Như vậy với qui mô gần 100 HSSV/năm, nghề Bảo vệ thực vật đảm bảo đủ số lượng trang thiết bị máy móc phục vụ đào tạo (5.2.01 - *Danh mục trang thiết bị của Trường theo ngành Bảo vệ thực vật; 5.2.02 - Bảng tổng hợp so sánh DMTB của Trường với DMTB tối thiểu do Bộ LĐ-TBXH ban hành; 5.3.01 - Sổ quản lý TSCĐ năm 2021, 2022, 2023; 2.4.02 – Kế hoạch đưa HSSV đi thực tập nghề Bảo vệ thực vật trong năm học năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 – 2023*).

Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát, thu thập ý kiến đánh giá từ người học, từ giảng viên... về trang thiết bị phục vụ đào tạo. Báo cáo kết quả khảo sát cho thấy trang thiết bị đào tạo nghề Bảo vệ thực vật hoàn toàn đáp ứng yêu cầu đào tạo (1.1.07 - *Phiếu khảo sát CBQL nhà giáo và người lao động năm 2021, 2022, 2023; 2.3.07- Phiếu khảo sát HSSV năm 2021, 2022, 2023; 1.1.08 - Báo cáo kết quả khảo sát CBVC, HSSV và doanh nghiệp năm 2021, 2022, 2023*)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định

Thiết bị phục vụ đào tạo ngành Bảo vệ thực vật khi lắp đặt, bố trí luôn tuân thủ khuyến nghị của nhà sản xuất ghi trong hồ sơ máy, tuân thủ các quy định an toàn và vệ sinh công nghiệp. Các thiết bị nặng như máy bằm cỏ, máy xới đất,... bố trí bảo đảm các

yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật công nghiệp, thẩm mỹ nghề nghiệp và môi trường sư phạm theo đúng công năng sử dụng, dễ tiếp cận để vận chuyển, bảo dưỡng và vẫn đủ không gian cho hướng dẫn thực hành. Đối với các thiết bị nhỏ, nhẹ được lắp đặt trên các giá có bánh xe thuận tiện cho việc di chuyển trong quá trình thực hành, không bị va chạm vào các thiết bị khác.

Thực tế tại các xưởng thực hành cho thấy tùy thuộc công năng vận hành, các thiết bị được bố trí theo dãy hoặc hàng (đối với các thiết bị có kích thước lớn). Giữa các hàng, dãy có lối đi rộng rãi từ 1,5 đến 2m, bàn học lý thuyết bố trí ở vị trí riêng trong xưởng thuận tiện cho việc dạy tích hợp (5.4.01 - Bản vẽ số 03, 04; 5.4.02 - Sơ đồ bố trí các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo tại phòng thí nghiệm).

Trong các phòng thực hành, khu vực thực tập đều có Nội quy qui định về công tác an toàn, vệ sinh công nghiệp, phòng cháy chữa cháy để đảm bảo an toàn trong quá trình thực tập. Đối với các thiết bị có yêu cầu về an toàn trong vận hành như các thiết bị: Buồng cấy vi sinh, nồi hấp tuyệt trùng, tủ sấy, kính hiển vi quang học, kính hiển vi soi nổi, ... đều có hướng dẫn quy trình vận hành kèm theo gắn kèm với thiết bị ở vị trí dễ quan sát (5.4.03 - Quyết định số 1283/QĐ-CDNB ngày 12/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc Ban hành Nội quy phòng thí nghiệm; 5.4.04 - Quyết định số 1282/QĐ-CDNB ngày 12/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc Ban hành Nội quy phòng máy vi tính).

Thiết bị thực hành được quản lý chặt chẽ bởi cán bộ chuyên trách các khoa, do đó đảm bảo được an toàn và vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường trong quá trình lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng trang thiết bị; dụng cụ trong xưởng thực hành được sắp xếp trong các tủ đựng dụng cụ ngăn nắp, gọn gàng.

Công tác vệ sinh môi trường, vệ sinh công nghiệp, thu gom rác thải đảm bảo yêu cầu. Sau mỗi buổi thực hành, HSSV được hướng dẫn thu dọn dụng cụ, vệ sinh thiết bị đúng quy định trong Nội quy phòng thực hành, khu vực thực tập. Việc thu gom rác thải sinh hoạt được tập trung vào các thùng rác bố trí hợp lý ở từng khu vực xưởng để Ủy ban nhân dân xã Tân Mỹ Chánh, thành phố Mỹ Tho về thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải theo Hợp đồng đã ký kết (5.4.05 - Hợp đồng dịch vụ vận chuyển và xử lý rác sinh hoạt).

Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo về xưởng trường, thiết bị, dụng cụ đào tạo (1.1.07 - Phiếu khảo sát CBQL nhà giáo và người lao động năm 2021, 2022, 2023; 2.3.07- Phiếu khảo sát HSSV năm 2021, 2022, 2023; 1.1.08 - Báo cáo kết quả khảo sát CBVC, HSSV và doanh nghiệp năm 2021, 2022, 2023).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định

Nhà trường có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.

Trường cũng đã ban hành quy định mua sắm và cấp phát vật tư tại Điều 17 của quy định về hoạt động và Điều 9 của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ của Trường ban hành tại Quyết định số 60/QĐ-CĐNB ngày 16/01/2020 và Quyết định số 238/QĐ-CĐNB ngày 15/4/2020.

Việc cấp vật tư thực tập, Trường thực hiện theo đúng các quy định, quy trình đã ban hành. Hiện tại Trường giao việc quản lý cấp phát vật tư, thiết bị cho từng khoa chuyên môn, vật tư được mua về đưa vào kho của các khoa chuyên môn. Giáo viên và Khoa chuyên môn căn cứ kế hoạch, tiến độ đào tạo lập dự trù vật tư cho các mô đun/môn học trước khi giảng dạy để chuyển đến phòng Cơ sở vật chất, phòng Tài chính kế toán cho ý kiến, đề trình cho lãnh đạo Trường duyệt và chuyển về các khoa chuyên môn tổ chức mua sắm. Vật tư được bàn giao cho Khoa theo dõi, quản lý cấp phát, sử dụng trong quá trình giảng dạy thực hành. Dựa vào kế hoạch năm học, các khoa lập dự trù vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu cho môn đun/môn học (5.5.01 - *Kế hoạch mua vật tư thực hành thực tập*).

Khoa chuyên môn có trách nhiệm trực tiếp giữ gìn bảo quản, cấp phát vật tư đúng quy định. Việc cấp phát, sử dụng vật tư đào tạo được quản lý thông qua giáo viên giảng dạy trực tiếp. Trong các phòng thực hành đều có các tủ sắt đựng dụng cụ và bảo quản vật tư thực tập. Sau khi nhận vật tư, các khoa lưu giữ, quản lý trong các tủ. vật tư được sắp xếp gọn gàng để bàn giao cho giáo viên giảng dạy theo kế hoạch (5.5.02 - *Ảnh chụp tủ đựng vật tư tại các xưởng thực hành*).

Phòng Cơ sở vật chất và phòng Tài chính kế toán có trách nhiệm thu hồi sản phẩm sau khi thực hành. Các trường hợp phát sinh và điều chỉnh phải được Ban giám hiệu duyệt.

Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, học sinh, sinh viên về xưởng trường, thiết bị, dụng cụ đào tạo. Hầu hết đều đánh giá vật tư thực tập đáp ứng nhu cầu học tập của môn học/mô đun.

Các phòng máy tính, phòng thí nghiệm quản lý theo ngành, lĩnh vực, được kiểm tra thường xuyên, nếu có hư hỏng được đề nghị sửa chữa, thay thế kịp thời không để ảnh hưởng đến công tác dạy và học.

Trang thiết bị của các phòng thí nghiệm có cán bộ quản lý, bảo trì theo quy định, sắp xếp gọn gàng theo từng khu vực, từng ngành.

Việc quản lý, cấp phát vật tư được thực hiện đúng theo định mức quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và yêu cầu của chương trình đào tạo, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định

Thư viện Trường có tổng diện tích là: 459,5 m², bao gồm 2 phòng đọc (222,25 m²/2 phòng), 2 phòng Internet (72,25 m²/2 phòng), 2 phòng lưu trữ (156 m²/2 phòng) (5.6.01 - *Thống kê diện tích, cơ sở vật chất thư viện*).

Như đã phân tích ở Tiêu chuẩn 5.5, số học sinh, sinh viên trung bình trong ba năm qua là 1.548 học sinh, sinh viên. Căn cứ Thông tư số 38/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 28/12/2018 Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp với lưu lượng học sinh, sinh viên thời điểm cao nhất là 1.548 học sinh, sinh viên, số nhà giáo đang giảng dạy là 102 thì diện tích thư viện cần phải có là: $1.548 \times 0,15 \times 1,8 + 102 \times 0,2 \times 2,0 = 274,8 \text{ m}^2 < 459,5 \text{ m}^2$. Đối chiếu với quy định trong Thông tư số 38/2018/TT-BLĐTĐBXH, Thư viện trường đảm bảo diện tích tối thiểu theo quy định.

Trường cũng đã ban hành Nội quy Thư viện bao gồm 12 nội dung quy định. Nội quy sử dụng thư viện ghi thời gian mở cửa thư viện là theo giờ hành chính vào các ngày trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6, sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30, chiều từ 12 giờ 30 đến 16 giờ 30 phút (5.6.02 - *Nội quy hoạt động của thư viện*).

Trường hiện đang thực hiện đào tạo 26 nghề trình độ cao đẳng, 29 nghề trình độ trung cấp (hiện nay 23 nghề có học sinh, sinh viên theo học: trình độ cao đẳng 9 nghề, trình độ trung cấp 14 nghề) theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp và Giấy chứng nhận bổ sung đăng ký hoạt động GDNN và hiện tại Thư viện trường có đầy đủ 55 bộ chương trình đào tạo các ngành, nghề mà trường đang đào tạo được cấp phép (5.6.03 – *Danh sách chương trình đào tạo tại thư viện*).

Theo số liệu thống kê, tại Thư viện Trường có 3.379 đầu sách các loại với số bản in 25.622 bản in, sách trong thư viện số có 1.112 đầu sách. Số giáo trình các môn học/mô đun nghề đào tạo trường phê duyệt là 1.493 giáo trình.

Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường được đánh giá là phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học thông qua việc lấy ý kiến khảo sát CBVC và HSSV trong trường (2.3.03 - *Phiếu khảo sát HSSV 2021, 2022, 2023*; 1.1.07 - *Phiếu khảo sát CBQL nhà giáo và người lao động năm 2021, 2022, 2023*; 1.1.08 - *Báo cáo kết quả khảo sát CBVC, HSSV và doanh nghiệp năm 2021, 2022, 2023*).

Trong quá trình sử dụng nếu có xảy ra hư hỏng hay đánh mất sách, thủ thư tiến hành lập biên bản và hướng dẫn bạn đọc đền sách theo quy định của trường.

Hàng tuần, Phòng Đào tạo và KHCN cho nhân viên kiểm tra tình hình mỗi một và âm mốc tại thư viện để có biện pháp xử lý kịp thời nếu có biến cố xảy ra.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.

Mô tả, phân tích, nhận định

Trường có phòng đọc điện tử kết hợp với phòng đọc được bố trí 10 máy tính có kết nối mạng internet để bạn đọc tra cứu, truy cập thông tin và quản lý tài liệu thư viện (5.6.01- Thống kê điện tích, cơ sở vật chất thư viện).

Trường có Thư viện điện tử trên website của Trường, trong đó được cập nhật, tích hợp các giáo trình nội bộ của trường (5.7.01- Hình ảnh giao diện website Trường có mục thư viện). Đối chiếu minh chứng Danh mục giáo trình của Trường được số hóa trong thư viện điện tử (4.9.03 - Quyết định số 897/QĐ-CDNB ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc ban hành danh sách giáo trình sử dụng cho từng môn học/ mô đun).

Kết quả khảo sát lấy ý kiến nhà giáo về thư viện

Năm	Số phiếu khảo sát	Thư viện đáp ứng yêu cầu tra cứu của nhà giáo và người học; Thư viện có máy tính phục vụ tra cứu		
		Đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Không ý kiến (%)
2021	127	90.5	9.5	0
2022	114	93	0	7
2023	69	84.06	2.9	13.04

Kết quả khảo sát lấy ý kiến người học về thư viện

Năm	Số phiếu khảo sát	Thư viện đáp ứng yêu cầu tra cứu của người học		
		Đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Không ý kiến (%)
2021	415	98.8	1.2	0
2022	551	94.4	0	5.6
2023	142	80.2	4.4	15.4

(1.1.07 - Phiếu khảo sát CBQL nhà giáo và người lao động năm 2021, 2022, 2023; 2.3.07- Phiếu khảo sát HSSV năm 2021, 2022, 2023; 1.1.08 - Báo cáo kết quả khảo sát CBVC, HSSV và doanh nghiệp năm 2021, 2022, 2023).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.

Mô tả, phân tích, nhận định

Nhằm tạo thuận lợi cho việc tiếp cận công nghệ cũng như gia tăng sự thu hút của bài giảng từ đó giúp HSSV có thêm hứng thú khi tham gia các giờ học ngành BVTV, Nhà trường luôn khuyến khích giáo viên sử dụng công nghệ thông tin, kỹ thuật số thông qua các phần mềm ảo trong giảng dạy đưa vào trong công tác truyền đạt kiến thức, kỹ năng cho HSSV. Đối với ngành BVTV, việc ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ thuật số vào trong sản xuất đã và đang phát triển mạnh mẽ. Chính vì vậy, Khoa Trồng trọt và BVTV đã nghiên cứu và ứng dụng một số phần mềm vào bài giảng các môn học chuyên môn, chẳng hạn như: phần mềm tra cứu thuốc BVTV quốc gia của Cục BVTV cho phép người sử dụng truy cập trực tiếp vào cơ sở dữ liệu của Cục BVTV với những thông tin mới nhất và đầy đủ nhất về thuốc BVTV hiện có trên thị trường, danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng tại Việt Nam trên từng loại cây trồng; phần mềm thống kê mô tả; phần mềm kết nối máy tính với kính hiển vi soi nổi,... (5.8.01 - *Danh sách phần mềm được ứng dụng trong giảng dạy ở trong Khoa*).

Qua việc sử dụng các phần mềm trong giảng dạy giúp HSSV dễ dàng hơn trong việc tiếp thu kiến thức và kỹ năng trong quá trình học.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 5: 2 điểm

2.2.6. Tiêu chí 6 - Dịch vụ cho người học

Đánh giá tổng quát

Mở đầu

Học sinh sinh viên là một trong những nhân tố quan trọng hàng đầu trong Nhà trường. Với phương châm ***“Lấy người học làm trung tâm”***, ngoài chất lượng giảng dạy, Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ luôn đảm bảo mọi người học có được thông tin đầy đủ về nghề đào tạo, khóa đào tạo, các dịch vụ khác như ăn, ở, chăm sóc sức khỏe, vui chơi giải trí và các quy định khác của trường ngay từ khi nhập học.

Việc định hướng nghề nghiệp cho người học nắm rõ mục tiêu đào tạo, chương trình học của từng ngành, chuyên ngành và những thông tin cần thiết về Nhà trường cũng là vấn đề quan trọng và coi đây là nhiệm vụ trọng tâm. Vì vậy, hàng năm Nhà trường đều tổ chức nhiều hoạt động cho người học để đáp ứng mục tiêu đề ra như: tổ chức các buổi sinh hoạt đầu khóa phổ biến về thông tin, nội quy, quy chế, cách thức tổ chức đào tạo của Nhà trường; tổ chức các buổi tư vấn định hướng nghề nghiệp cho HSSV mới nhập học; tổ chức các buổi tư vấn việc làm cho HSSV năm cuối; tổ chức các cuộc thi tay nghề, thi tìm hiểu pháp luật,... và các hoạt động đoàn thể như văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia tình nguyện vì cộng đồng,... Những hoạt động này không những cung cấp những kiến thức, thông tin

cần thiết mà còn trang bị cho HSSV những kỹ năng sống, tạo sân chơi lành mạnh để cho người học có cơ hội và điều kiện phát triển toàn diện bản thân.

Những điểm mạnh

Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác HSSV; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.

Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.

Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

Nhà trường thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.

Những tồn tại

Cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị, sân bãi phục vụ cho hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao còn hạn chế và chất lượng chưa cao nên ảnh hưởng đến các hoạt động văn hóa văn nghệ - thể dục thể thao trong nội bộ trường, cũng như những hoạt động phối hợp với các cơ sở khác.

Kế hoạch nâng cao chất lượng

Tập trung đầu tư để tăng cường cơ sở vật chất, xây dựng khu giảng đường, khu tập luyện thể thao và các khu bổ trợ khác một cách đầy đủ, đồng bộ.

Tổ chức quản lý để tạo môi trường xanh - sạch - đẹp nâng cao sức khỏe cho người học.

Nâng cao chất lượng phục vụ ở căn tin của Nhà trường đảm bảo đủ điều kiện về an toàn vệ sinh thực phẩm.

Đa dạng hoá các hình thức hoạt động ngày càng phong phú thiết thực và có chiều sâu góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, thu hút hơn nữa sự quan tâm ủng hộ của CBVC và HSSV.

Điểm đánh giá tiêu chí 6

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 6	8
Tiêu chuẩn 1	2

Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2

Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.

Mô tả, phân tích, nhận định

Thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định được Trường cung cấp đầy đủ cho HSSV bằng nhiều hình thức linh hoạt (thông tin trong thông báo tuyển sinh, thông qua tuần lễ sinh hoạt công dân đầu khoá, thông qua các buổi sinh hoạt lớp, đăng tải trên trang web của Trường):

Trong các thông báo tuyển sinh: Trường đã cung cấp một số thông tin về chương trình học, một số chế độ chính sách, ưu đãi cho người học (6.1.01 - *Thông báo tuyển sinh 2021, 2022, 2023*).

Khi HSSV nhập học, Trường tổ chức tuần lễ sinh hoạt công dân đầu khoá: Trường lập kế hoạch và thời khóa biểu sinh hoạt đầu khoá cho học sinh mới nhập học (6.1.02- *Kế hoạch sinh hoạt đầu khoá và Thời khóa biểu sinh hoạt chính trị đầu khóa năm học 2020 - 2021, 2021 - 2022, 2022 - 2023*).

Trong tuần lễ sinh hoạt đầu khoá, Phòng Công tác HSSV sinh hoạt về các vấn đề liên quan đến người học như: chế độ chính sách, xét miễn giảm học phí, xét thi đua khen thưởng, cấp phát bổng, vay vốn, hoãn nghĩa vụ quân sự, đánh giá kết quả rèn luyện, nội quy ký túc xá,...; Phòng Đào tạo & KHCN sinh hoạt về các nội dung như: quy chế đào tạo, cách thức tổ chức đào tạo, cách đánh giá kết quả học tập, cách đăng ký học lại, xét tiến độ học tập, xét điều kiện dự thi tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp... ; Phòng Tài chính -Kế toán cung cấp các thông tin về học phí, lệ phí, bảo hiểm y tế,... ; Phòng Cơ sở vật chất sinh hoạt về nội quy sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị tại phòng học, thực hành, khu trại thực nghiệm, các công trình khác trong khuôn viên Trường; Phòng Kiểm định và BĐCL sinh hoạt về các vấn đề liên quan đến thi kết thúc môn học/ mô đun, thi lại, thi học lại, quy chế tổ chức thi, cách thức đăng ký thi cải thiện, phúc khảo bài thi; Các Khoa chuyên môn sinh hoạt về chương trình đào tạo, mục tiêu đào tạo, cách thức tổ chức thực hành, thực tập, định hướng trong học tập cho các tân học sinh, sinh viên. Hồ sơ sinh hoạt đầu khoá được lưu giữ tại Phòng Công tác HSSV và được ghi nhận trong sổ tay học sinh sinh viên (6.1.03 – *Sổ tay Học sinh sinh viên*)

Ngoài ra, các thông tin trên được giáo viên chủ nhiệm các lớp cung cấp đến học sinh sinh viên trong các buổi sinh hoạt lớp hàng tuần (6.1.04 – *Biên bản sinh hoạt lớp năm*

học 2020 - 2021, 2021 - 2022, 2022 – 2023), được đăng tải trên trang web của Trường (6.1.05 – Website trường: www.nbac.edu).

Trường đã tiến hành khảo sát HSSV (2.3.07- *Phiếu khảo sát HSSV năm 2021, 2022, 2023*; 1.1.08 - *Báo cáo kết quả khảo sát CBVC, HSSV và doanh nghiệp năm 2021, 2022, 2023*):

- Thời gian Khảo sát: tháng 8 – tháng 11 hàng năm
- Nội dung phiếu khảo sát: *Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, CTĐT; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện ĐBCL dạy và học*
- Đối tượng tham gia: HSSV đang học tại trường
- Số lượng: 2021 (727 HS); 2022 (551 HS); 2023 (67 SV ngành BVTV)
- Kết quả khảo sát: 100% HSSV được khảo sát trả lời Đồng ý

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 6: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.

Mô tả, phân tích, nhận định

Như đã phân tích ở tiêu chuẩn 1 của tiêu chí này các chế độ chính sách của Nhà nước, của Trường đã được Trường phổ biến đầy đủ đến từng HSSV. HSSV được Nhà trường hướng dẫn các văn bản, cách làm hồ sơ, thủ tục để được hưởng các chế độ, chính sách ưu đãi hiện hành theo quy định của Nhà nước. Tất cả những nội dung trên được tổng hợp trong sổ tay HSSV và được giáo viên chủ nhiệm nhắc nhở hàng tuần thông qua sinh hoạt lớp (6.1.03 - *Sổ tay HSSV*; 6.1.04 – *Biên bản sinh hoạt lớp năm học 2020 - 2021, 2021 - 2022, 2022 – 2023*).

Danh sách HSSV hưởng chế độ chính sách, miễn giảm học phí theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐT BXH ngày 30 tháng 03 năm 2016 được Nhà trường xét theo từng học kỳ và thông báo đến cho các em HSSV được biết, được lưu tại phòng Công tác HSSV cụ thể như sau:

- Miễn giảm học phí đối với con thương binh, bệnh binh, liệt sỹ (6.2.01 – *Bộ Quyết định miễn học phí cho HSSV năm học 2020-2021*; 6.2.02 – *Bộ Quyết định miễn học phí cho HSSV năm học 2021-2022*; 6.2.03 – *Bộ Quyết định miễn học phí cho HS năm học 2022-2023*).
- Miễn giảm học phí đối với HSSV ngành nặng nhọc, độc hại (6.2.04 – *Bộ Quyết định Giảm học phí cho HSSV ngành nặng nhọc độc hại trình độ TC-CD năm học 2020 - 2021*; 6.2.05 – *Bộ Quyết định Giảm học phí cho SV ngành nặng nhọc độc hại trình độ CD*

năm học 2021-2022; 6.2.06 – Bộ Quyết định Giảm học phí cho HSSV ngành nặng nhọc độc hại trình độ TC-CD năm học 2022-2023).

Tất cả những chính sách, số liệu về thực hiện chế độ chính sách, miễn giảm học phí cho người học được tổng kết và báo cáo hằng năm trong báo cáo tổng kết công tác hàng năm của Phòng CTHSSV và phòng TCKT (6.2.07 – Báo cáo tổng kết công tác năm 2020, 2021, 2022 của Phòng CTHSSV và phòng TCKT).

Thống kê cho thấy kết quả thụ hưởng của HSSV theo chế độ của nhà nước:

Năm	Chế độ của nhà nước HSSV được thụ hưởng	CS.Chính/Phân hiệu	Số HSSV được thụ hưởng	Tổng số tiền
2020	Miễn giảm học phí	- Cơ sở chính	970	2.418.111.200đ
		- Phân hiệu	923	2.664.501.000đ
2021	Miễn giảm học phí	- Cơ sở chính	676	1.931.180.700đ
		- Phân hiệu	841	2.858.600.000đ
2022	Miễn giảm học phí	- Cơ sở chính	1010	4.884.212.000đ
		- Phân hiệu	124	892.200.000đ

Trường có các chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện, cụ thể như sau:

Nhằm khuyến khích, động viên phong trào thi đua học tập, rèn luyện vì ngày mai lập nghiệp của Trường, Trường đã ban hành quy định về quản lý, sử dụng quỹ Khuyến học cho HSSV nghèo vượt khó. Quỹ Khuyến học cho HSSV được thành lập dựa trên nguồn tài trợ, đóng góp từ các doanh nghiệp, các cơ quan ban ngành, các cựu HSSV của Nhà trường đã thành đạt trong cuộc sống, các cô giáo, thầy giáo, các cán bộ, viên chức đã và đang công tác tại trường (6.2.08 - Quyết định 1096/QĐ-CDNB ngày 10/10/2016 quy định về quản lý và sử dụng quỹ khuyến học). Quỹ Khuyến học được trao vào đầu mỗi năm học cho HSSV có điều kiện khó khăn đã cố gắng vươn lên đạt thành tích cao hoặc những HSSV có kết quả xuất sắc trong học tập và rèn luyện (6.2.09 - Quyết định cấp học bổng cho HSSV từ Quỹ khuyến học năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 - 2023).

Về các chế độ chính sách của Nhà nước, Trường ban hành Sổ tay HSSV, trong đó chương I có quy định miễn giảm học học phí, chương III có quy định về học bổng khuyến khích học tập, chương IV có quy định về học bổng chính sách...(6.1.03 - Sổ tay Học sinh sinh viên).

Trường có Quy trình xét thi đua khen thưởng HSSV; Quy trình xét bổng khuyến khích học tập (6.2.10 - Quy trình xét thi đua khen thưởng HSSV; 6.2.11 - Quy trình xét bổng khuyến khích học tập).

Vào đầu mỗi học kỳ của năm học, Trường tổ chức xét các danh hiệu thi đua cho HSSV toàn trường căn cứ vào các văn bản quy định của Nhà nước và quy chế HSSV của Trường: Khen thưởng thi đua học kỳ (6.2.12 - Bộ Quyết định khen thưởng HSSV năm học 2021-2022; 2021-2022, 2022 - 2023).

Về học bổng khuyến khích, Trường căn cứ thông tư số 53/1998/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐT BXH, ngày 25/08/1998 về việc hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập, quyết định số 28/VBHN-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ Giáo dục - Đào tạo về “Học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh - sinh viên trong trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở Giáo dục Đại học và trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân”, Nghị định 84/2020/NĐ-CP, ngày 17/7/2020 Quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục (6.2.13 – Bộ Quyết định cấp học bổng Khuyến khích học tập cho HSSV năm học 2020 – 2021; 2021 – 2022, 2022 - 2023).

Thống kê cho thấy kết quả thụ hưởng của HSSV theo chế độ chính sách khen thưởng, khuyến khích

Năm	Chế độ chính sách khen thưởng, khuyến khích	Số HSSV được thụ hưởng	Tổng số tiền
2020	- Học bổng KKHT	172 lượt HSSV	136.289.600đ
	- Học bổng khuyến học Nhà trường	26 HSSV	50.000.000đ
	- Khen thưởng HSSV đạt DH Giỏi, XS; TT Lớp TT,XS theo học kỳ	174 lượt HSSV 13 TT Lớp	17.550.000đ 4.100.000đ
	- Khen thưởng HSSV TN loại Giỏi, XS	19 HSSV	4.600.000đ
2021	- Học bổng KKHT	54 lượt HSSV	236.112.000đ
	- Khen thưởng HSSV đạt DH Giỏi, XS; TT Lớp TT,XS theo học kỳ	69 lượt HSSV	7.040.000đ
	- Khen thưởng HSSV TN loại Giỏi, XS	1 TT Lớp 4 HSSV	300.000đ 1.600.000đ
2022	- Học bổng KKHT	18 lượt HSSV	72.217.000đ
	- Khen thưởng HSSV đạt DH Giỏi, XS; TT Lớp TT,XS theo học kỳ	99 lượt HSSV 9 TT Lớp	10.000.000đ 1.900.000đ
	- Khen thưởng HSSV TN loại Giỏi, XS	28 HSSV	9.200.000đ

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 6: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định

Trường coi trọng công tác tư vấn và giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

Năm 2016, Trường quyết định đổi tên Trung tâm Hỗ trợ HSSV và Quan hệ doanh nghiệp thành Trung tâm Giới thiệu việc làm và Quan hệ doanh nghiệp (6.3.01 - *Quyết định số 393/QĐ-CDNB ngày 25/5/2016 về việc thành lập Trung tâm Giới thiệu việc làm và Quan hệ doanh nghiệp*). Trung tâm có nhiệm vụ liên hệ với doanh nghiệp để tìm cơ hội việc làm; cung cấp thông tin về tuyển dụng và thị trường lao động, tư vấn và giới thiệu cho HSSV sau khi tốt nghiệp (6.3.02 – *Đề án hoạt động Trung tâm*).

Hằng năm, Trung tâm lấy thông tin liên lạc của HSSV tốt nghiệp ra trường để liên lạc tư vấn việc làm mỗi khi có nhu cầu tuyển lao động từ phía doanh nghiệp. Công tác tư vấn giới thiệu việc làm được Trung tâm chú trọng thực hiện thông qua nhiều hình thức đa dạng. Với mối quan hệ lâu dài, khăng khít với nhiều doanh nghiệp, Trung tâm đã nhận và triển khai rất nhiều thông báo tuyển dụng của các công ty, doanh nghiệp đến HSSV có nhu cầu tìm việc. Ngoài việc giới thiệu việc làm cho HSSV, hằng năm, Trung tâm còn tổ chức các buổi tọa đàm định hướng nghề nghiệp cho HSSV chuẩn bị tốt nghiệp ra trường, để các em không bỡ ngỡ khi lựa chọn một vị trí việc làm phù hợp với trình độ chuyên môn và năng khiếu của bản thân (6.3.03 – *Kế hoạch tổ chức Tọa đàm định hướng nghề nghiệp cho HSSV năm 2021, 2022, 2023*).

Hằng năm, Trung tâm Hỗ trợ HSSV và Quan hệ doanh nghiệp của Nhà trường phối hợp với các công ty, doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng lao động tổ chức các buổi tư vấn việc làm và phỏng vấn tuyển dụng trực tiếp cho HSSV tốt nghiệp ra trường (6.3.04 – *Kế hoạch số 758/KH-CDNB, ngày 27/10/2021 tổ chức buổi giới thiệu việc làm và phỏng vấn tuyển dụng cho HSSV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp ra trường năm 2021*; 6.3.05 – *Kế hoạch số 553/KH-CDNB, ngày 09/6/2022 tổ chức buổi giới thiệu việc làm và phỏng vấn tuyển dụng cho HSSV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp ra trường năm 2022*; 6.3.06 – *Kế hoạch số 314/KH-CDNB, ngày 17/4/2023 tổ chức Hội chợ việc làm năm 2023*). Qua các buổi phỏng vấn, HSSV được giao lưu trực tiếp với nhà tuyển dụng, được tìm hiểu và giải đáp thắc mắc về doanh nghiệp, được lãnh đạo các công ty, doanh nghiệp truyền cho những kinh nghiệm quý báu, phục vụ cho quá trình công tác sau này. Thống kê trong 3 năm từ năm 2021 đến năm 2023, Trung tâm đã giới thiệu việc làm cho 387 HSSV sau tốt nghiệp (6.3.07 - *Báo cáo tổng kết tình hình việc làm HSSV sau tốt nghiệp 2020, 2021, 2022*).

Từ năm 2021 đến tháng 6 năm 2023, Trung tâm đã tổ chức 5 buổi giới thiệu việc làm cho HSSV tại Trường với sự tham gia của nhiều doanh nghiệp (6.3.08 – *Danh sách các doanh nghiệp tham gia buổi tư vấn và tuyển dụng năm 2021, 2022, 2023*) và triển khai hơn 222 thông báo tuyển dụng của công ty/doanh nghiệp đến HSSV (6.3.09 – *Thống kê các thông báo tuyển dụng của các doanh nghiệp Trung tâm đã triển khai đến HSSV trong năm 2021, 2022, 2023*). Theo số liệu thống kê đến tháng 6 năm 2023, 100% HSSV tốt nghiệp trong năm được tham dự buổi tư vấn và tuyển dụng với các công ty/ doanh nghiệp

(6.3.10 - Danh sách HSSV tham gia buổi Tư vấn và tuyển dụng trực tiếp năm 2020, 2021, 2022, 2023).

Hàng năm, Trung tâm đều tổ chức 1 buổi định hướng nghề nghiệp cho HSSV khoá mới để HSSV hiểu rõ hơn về ngành nghề đang học. Tại buổi tọa đàm, Trung tâm có mời những diễn giả là đại diện lãnh đạo các doanh nghiệp lớn trong nhiều lĩnh vực để chia sẻ về thực tế nghề nghiệp với HSSV. Từ đó giúp các em có thể hình dung được nghề nghiệp mình theo học, xác định được mục tiêu học tập và định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp. (6.3.11 – Kế hoạch tổ chức Tọa đàm định hướng nghề nghiệp cho HSSV năm 2021, 2022, 2023).

Hoạt động giới thiệu việc làm thực hiện qua việc triển khai thông báo tuyển dụng của các doanh nghiệp đến HSSV, thông qua website của Trường, bảng tin...

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 6: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.

Mô tả, phân tích, nhận định

Trường có cơ sở vật chất đảm bảo cho các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao của HSSV:

- Hội trường diện tích 1.040 m², có sân khấu đảm bảo cho các hoạt động văn nghệ của Trường.
- Hai sân bóng đá mini nhân tạo ngoài trời với diện tích 834 m²
- Sân thể thao và cầu lông ngoài trời 1.400 m²
- Ngoài ra trong năm 2022, Trường đã đưa vào sử dụng Nhà thi đấu đa năng với diện tích 1.039 m² cho hoạt động văn nghệ và các môn thể thao như bóng chuyền hơi, cầu lông, bóng rổ, bóng bàn...

HSSV toàn Trường là lực lượng chủ yếu tham gia các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao do BCH Đoàn trường tổ chức:

- Hội diễn Văn nghệ Chào mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 hàng năm (6.4.01 - Kế hoạch Tổ chức Hội diễn Văn nghệ Chào mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 năm 2021, 2022, 2023).

- Giải bóng đá cấp trường Chào mừng Tân HSSV hàng năm (6.4.02 - Kế hoạch Giải Bóng đá cấp trường năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 – 2022 - 2023).

HSSV Trường được tham gia các hoạt động xã hội do BCH Đoàn trường phối hợp với đoàn cấp trên tổ chức:

- Chiến dịch “Thanh niên tình nguyện hè” hàng năm; Phong trào “Hiến máu nhân đạo”; Phong trào “đền ơn đáp nghĩa”: Tổ chức thăm, tặng quà cho các gia đình chính sách nhân dịp Tết Nguyên đán; Kỷ niệm 131 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh 19/5; Kỷ niệm 110 năm ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước 5/6; Tham gia Hội thi Olympic toàn

quốc các môn Khoa học Mác-Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh “Ánh sáng soi đường” lần IV năm học 2020-2021; Tổ chức chương trình Hành trình về địa chỉ đỏ cách mạng năm học 2020 – 2021; Tổ chức thực hiện hoạt động kỷ niệm ngày Thương binh liệt sĩ năm 2021 (6.4.03 - *Quyết định V/v Thành lập Đội hình Thanh niên tình nguyện Hè năm 2021, 2022, 2023*); (6.4.04 - *Kế hoạch Tổ chức Hiến máu tình nguyện năm 2021, 2022, 2023*); (6.4.05 - *Kế hoạch thăm, tặng quà gia đình chính sách và giao lưu Đoàn biên phòng Hải đội 2*); (6.4.06 - *Kế hoạch tổ chức Kỷ niệm 131 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh 19/5*); (6.4.07 - *Kế hoạch tổ chức Kỷ niệm 110 ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước*); (6.4.08 - *Kế hoạch Phát động Sinh viên tham gia Hội thi Olympic toàn quốc các môn Khoa học Mác-Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh “Ánh sáng soi đường” lần IV năm học 2020-2021, 2022 - 2023*); (6.4.09- *Kế hoạch tổ chức Tổ chức chương trình Hành trình về địa chỉ đỏ cách mạng năm học 2020 - 2021*); (6.4.10 - *Kế hoạch tổ chức thực hiện hoạt động kỷ niệm ngày Thương binh liệt sĩ năm 2021*).

HSSV còn được tham gia nhiều hoạt động khác: Triển khai phong trào Sinh viên 5 tốt; Triển khai phong trào Học sinh 3 rèn luyện; tổ chức “Hội thi Tìm hiểu kiến thức nghề khối Học sinh sinh viên năm học 2020-2021; Tổ chức Hội thi Tìm hiểu Pháp luật năm 2020 hưởng ứng ngày Pháp luật Việt Nam (9/11); Tổ chức Diễn đàn hỗ trợ phương pháp học tập, nghiên cứu khoa học và chia sẻ cách đọc sách hiệu quả năm học 2020-2021; Tổ chức hội thi Tìm hiểu luật Giao thông đường bộ, kỹ năng lái xe mô tô an toàn và chạy thử xe mới cho đoàn viên năm 2021 (6.4.11 – *Quyết định công nhận “Sinh viên 5 tốt” năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023*; 6.4.12 - *Quyết định công nhận danh hiệu “Học sinh 3 rèn luyện” năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023*; 6.4.13 - *Kế hoạch phối hợp tổ chức “Hội thi Tìm hiểu kiến thức nghề khối Học sinh sinh viên năm học 2020-2021*; 6.4.14- *Kế hoạch tổ chức Hội thi Tìm hiểu Pháp luật năm 2020 hưởng ứng ngày Pháp luật Việt Nam (9/11)*; 6.4.15- *Kế hoạch tổ chức Diễn đàn hỗ trợ phương pháp học tập, nghiên cứu khoa học và chia sẻ cách đọc sách hiệu quả năm học 2020-2021*; 6.4.16- *Kế hoạch tổ chức hội thi Tìm hiểu luật Giao thông đường bộ, kỹ năng lái xe mô tô an toàn và chạy thử xe mới cho đoàn viên năm 2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 6: 2 điểm

2.2.7. Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng

Đánh giá tổng quát

Mở đầu

Nhà trường luôn chú trọng công tác giám sát, đánh giá chất lượng đào tạo. Ngay từ khi được nâng cấp thành trường Cao đẳng, Nhà trường đã thành lập đơn vị chuyên trách phụ trách công tác đảm bảo chất lượng đó là Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng (năm 2019 Phòng đổi tên thành Kiểm định và Bảo đảm chất lượng). Phòng có chức năng thực hiện và giám sát việc đánh giá kết quả học tập của người học; tham mưu cho Ban Giám hiệu những vấn đề liên quan đến đảm bảo chất lượng đào tạo của Nhà trường.

Những năm qua, Nhà trường đã thực hiện được một số công tác về đảm bảo chất lượng như: Hoàn thành tự đánh giá trường cao đẳng theo các tiêu chí đánh giá của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; tổ chức lấy ý kiến về khóa đào tạo dành cho HSSV tốt

nghiệp ra trường; tổ chức lấy ý kiến phản hồi về HSSV tốt nghiệp ra trường từ các nhà tuyển dụng; tổ chức điều tra tình hình việc làm của HSSV sau khi ra trường... Hằng năm, Trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá.

Từ những nhận thức đúng đắn của Nhà trường trong việc chú trọng chất lượng đã tạo nên thương hiệu của trường trong thời gian qua. Chính vì vậy, hầu hết người học sau khi tốt nghiệp đều có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 3 hoặc 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.

Những điểm mạnh

Từ mối quan hệ tốt đẹp và bền chặt với các doanh nghiệp, việc khảo sát tình hình HSSV sau tốt nghiệp đáp ứng yêu cầu nhà tuyển dụng được thực hiện thuận lợi. Qua khảo sát cho thấy HSSV Nhà trường đào tạo khi ra trường, phục vụ các doanh nghiệp đều đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp.

Tình hình khảo sát việc làm được tiến hành định kỳ 3 lần trong năm đầu sau khi HSSV tốt nghiệp.

Hằng năm, Nhà trường đều tiến hành tự đánh giá căn cứ vào tiêu chí đánh giá và hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Từ đó hằng năm Nhà trường đều tiến hành rà soát, tự đánh giá lại các hoạt động của Nhà trường sau một năm thực hiện các biện pháp cải tiến chất lượng đề ra.

Những tồn tại

Nhà trường chưa lập kế hoạch chung cũng như đề ra các biện pháp thực hiện cụ thể cho toàn trường trong việc thực hiện cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo dựa trên cơ sở kết quả tự đánh giá.

Nhà trường chưa triển khai công tác tự đánh giá chương trình đào tạo.

Kế hoạch nâng cao chất lượng

Trên cơ sở đã có một số cán bộ viên chức được tập huấn về công tác đảm bảo chất lượng:

- Tiếp tục nghiên cứu các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về công tác kiểm định chất lượng.
- Triển khai tập huấn, hướng dẫn cho các đơn vị trực thuộc trường về công tác đảm bảo chất lượng.

Lập kế hoạch giám sát thường xuyên các hoạt động của Nhà trường, kịp thời phát hiện và có kế hoạch khắc phục những vấn đề chưa đáp ứng yêu cầu, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Tiếp tục giữ mối quan hệ tốt đẹp với các đơn vị sử dụng lao động nhằm khảo sát mức độ đáp ứng của HSSV tốt nghiệp trong thực hiện công việc tại công ty/ doanh nghiệp.

Tiếp tục duy trì liên lạc với HSSV tốt nghiệp ra trường nhằm khảo sát tình hình việc làm sau tốt nghiệp.

Điểm đánh giá tiêu chí 7

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 7	16
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2

Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Mô tả, phân tích, nhận định

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, hàng năm trường lập kế hoạch thu thập ý kiến của đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp làm việc tại doanh nghiệp. Hình thức khảo sát được thực hiện thông qua phiếu khảo sát do cán bộ nhà trường gửi đến Email của doanh nghiệp hoặc qua phần mềm google form. Phiếu khảo sát được kết cấu gồm 9 nội dung:

1. Loại hình doanh nghiệp.
2. Hoạt động của doanh nghiệp.
3. Ngành đào tạo để tuyển dụng vào doanh nghiệp.
4. Vị trí làm việc của học sinh, sinh viên tốt nghiệp được tuyển dụng vào doanh nghiệp.
5. Kiến thức, kỹ năng, năng lực nghiệp vụ.
6. Kỹ năng mềm.
7. Phẩm chất cá nhân.

8. Sau khi được tuyển dụng học sinh, sinh viên cần được bổ trợ thêm kiến thức, kỹ năng để đáp ứng yêu cầu công việc tại doanh nghiệp,

9. Giải pháp nào sẽ giúp nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu sử dụng của doanh nghiệp.

Bao gồm: 4 câu hỏi thu thập thông tin về loại hình hoạt động, ngành nghề và vị trí việc làm của học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp; 3 câu hỏi tiếp theo đánh giá của doanh nghiệp đối với các kiến thức, kỹ năng, thái độ của học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp; 2 câu còn lại đánh giá kỹ năng nghề và chất lượng đào tạo của Nhà trường đối với hoạt động đào tạo gắn kết với doanh nghiệp. Năm 2021 trường khảo sát 30 doanh nghiệp (phản hồi 11 doanh nghiệp), năm 2022 khảo sát 30 doanh nghiệp (phản hồi 13 doanh nghiệp), năm 2023 khảo sát 20 doanh nghiệp (phản hồi 11 doanh nghiệp). Đánh giá của doanh nghiệp được chia làm 5 mức từ 1 đến 5 tương đương với hoàn toàn không hài lòng, không hài lòng, phân vân, hài lòng, rất hài lòng. Trong cả 3 năm khảo sát không có doanh nghiệp nào đánh giá cựu học sinh, sinh viên ở trường ở mức 1.

(7.1.01- Phiếu khảo sát đơn vị sử dụng lao động năm 2021, 2022, 2023; 7.1.02- Kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của CBVC, HSSV và đơn vị sử dụng lao động năm 2021, 2022, 2023; 1.1.08- Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC, HSSV và doanh nghiệp năm 2021, 2022, 2023; 7.1.03- Danh sách doanh nghiệp phản hồi ý kiến năm 2021, 2022, 2023).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định

Vấn đề việc làm của HSSV được các cấp lãnh đạo Nhà trường hết sức quan tâm. Vì vậy, ngay thời điểm trước khi thi tốt nghiệp, Nhà trường đã phối hợp với đơn vị sử dụng lao động tổ chức những buổi tư vấn việc làm, tuyển dụng cho HSSV. Một mặt, do nhu cầu của thị trường lao động một số ngành Trường đào tạo thuộc lĩnh vực chăn nuôi thú y, bảo vệ thực vật, kế toán doanh nghiệp, thủy lợi tổng hợp, công nghệ thực phẩm,...rất lớn nên đa số HSSV sau khi tốt nghiệp ra trường đều có việc làm đúng chuyên ngành đào tạo.

Hằng năm, Nhà trường đều thực hiện khảo sát lần theo dấu vết HSSV để theo dõi và nắm bắt được tình hình HSSV sau khi tốt nghiệp ra trường để từ đó định hướng điều chỉnh CTĐT cho phù hợp và điều tra tình hình việc làm của HSSV (7.2.01 - *Quyết định công nhận tốt nghiệp 2021, 2022, 2023; 7.2.02 - Danh sách người đã tốt nghiệp 2021, 2022, 2023*).

Căn cứ vào danh sách HSSV tốt nghiệp, Nhà trường tiến hành thu thập thông tin liên lạc để làm cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác điều tra lần vết để thống kê tình hình

việc làm của HSSV sau khi tốt nghiệp (7.2.03 - *Thông tin liên lạc của HSSV tốt nghiệp năm 2021, 2022, 2023*).

Qua những thông tin liên lạc thu được, Nhà trường định kỳ điều tra tình hình việc làm thông qua hình thức: điều tra trực tiếp thông qua phiếu khảo sát, gửi email và gọi điện thoại trực tiếp (7.2.04 - *Mẫu phiếu khảo sát việc làm HSSV*; 7.2.05 - *Danh sách HSSV được điều tra tình hình việc làm 2021, 2022, 2023*). Ngoài ra, thông qua mối quan hệ với các doanh nghiệp, Nhà trường cũng lấy được một số thông tin về HSSV tốt nghiệp ra trường có việc làm phù hợp chuyên ngành.

Công tác điều tra việc làm HSSV được Nhà trường giao cho Trung tâm Giới thiệu việc làm và Quan hệ doanh nghiệp thực hiện. Hàng năm, Trung tâm đều có dữ liệu và tổng hợp số liệu báo cáo Nhà trường và các cơ quan cấp trên khi có yêu cầu (7.2.06 - *Báo cáo điều tra việc làm của HSSV sau tốt nghiệp năm 2020, 2021, 2022*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.

Mô tả, phân tích, nhận định

Nhằm thu thập ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm và các hoạt động khác của trường, hàng năm trường xây dựng kế hoạch và tiến hành khảo sát nội bộ (7.1.02 – *Kế hoạch khảo sát ý kiến CBVC, HSSV và doanh nghiệp phục vụ tự đánh giá năm 2021, 2022, 2023*).

Phiếu khảo sát được xây dựng gồm 4 nhóm câu hỏi trong đó vấn đề đang đề cập đến thuộc nhóm 1 (tổ chức và quản lý) với 6 câu hỏi; nhóm 2 (hoạt động đào tạo) với 11 câu hỏi; nhóm 3 (công tác tổ chức cán bộ) với 7 câu hỏi; nhóm 4 (cơ sở vật chất của Trường) với 11 câu hỏi. Với 3 mức đánh giá từ thấp đến cao: Có; Không; Không ý kiến (1.1.07 – *Phiếu khảo sát ý kiến CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2021, 2022, 2023*).

Trường đã tổ chức khảo sát ý kiến của cán bộ quản lý, giảng viên, viên chức, người lao động theo các nội dung trong phiếu khảo sát với hình thức gửi phiếu khảo sát cho cán bộ, nhân viên. Cụ thể: Năm 2021 trường khảo sát 127/132 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên chiếm tỷ lệ 96,21%; Năm 2022 trường khảo sát 118/133 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên chiếm tỷ lệ 88,72%; Năm 2023 trường khảo sát 62/63 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên phục vụ nghề Bảo vệ thực vật chiếm tỷ lệ 98.4%.

Qua nội dung trong các Báo cáo kết quả khảo sát cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động năm 2021, 2022, 2023 cho thấy trong 3 năm qua cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động hài lòng và cho rằng các chính sách liên quan đến

dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động phù hợp với thực tế của nhà trường. Cụ thể, có trên 90% cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên nhà trường đồng ý với các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm của trường (1.1.08- Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC, HSSV và doanh nghiệp phục vụ công tác tự đánh giá năm 2021, 2022, 2023).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.

Mô tả, phân tích, nhận định

Nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng phục vụ người học nhà trường luôn quan tâm đến ý kiến phản hồi của người học. Trường có kế hoạch thu thập các ý kiến đánh giá của học sinh, sinh viên về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; cũng như chất lượng dịch vụ và giảng dạy của nhà trường (7.1.02 - Kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của CBVC, HSSV và đơn vị sử dụng lao động năm 2021, 2022, 2023).

Hàng năm, Trường tiến hành lấy ý kiến người học bằng hình thức phiếu hỏi. Các nội dung lấy ý kiến được thực hiện bằng phương thức thông qua phiếu khảo sát gửi đến các lớp học sinh, sinh viên. Phiếu khảo sát gồm có với 24 câu hỏi, trong đó có 15 câu hỏi về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và có 9 câu hỏi về việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường. Việc đánh giá chia làm 3 mức từ 1 đến 3 tương ứng với mức đánh giá: Có; Không; Không ý kiến (2.3.07 - Phiếu khảo sát HSSV năm 2021, 2022, 2023).

Thống kê kết quả phản hồi cụ thể: Cụ thể: Năm 2020-2021: Trường tổ chức thu thập ý kiến cho $727/1.231 = 59,1\%$ người học; Năm 2021-2022: Trường tổ chức thu thập ý kiến cho $551/1.212 = 45,5\%$ người học; Năm 2022-2023: Trường tổ chức thu thập ý kiến cho $67/96 = 69,97\%$ người học ngành bảo vệ thực vật trình độ cao đẳng (1.1.08- Báo cáo kết quả lấy ý kiến CBVC, HSSV và doanh nghiệp phục vụ công tác tự đánh giá năm 2021, 2022, 2023). Tỷ lệ được hỏi ý kiến đều chiếm trên 30% người học. Với kết quả khảo sát trên cho thấy hầu hết các câu hỏi phần đánh giá ở mức 1 “Có” hoàn toàn đồng ý chiếm trên 90% và mức 3 “Không ý kiến” chỉ chiếm gần khoảng 10%. Ở mức 2 “không” không có ý kiến.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định

Công tác tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo được nhà Trường thực hiện đúng theo hướng dẫn của Bộ LĐ-TB&XH. Năm 2020, khóa cao đẳng Bảo vệ thực vật đầu tiên đào tạo theo chương trình giáo dục nghề nghiệp tốt nghiệp ra trường. Năm 2021, Nhà trường lần đầu tiên tiến hành tự đánh giá chương trình đào tạo nghề Bảo vệ thực vật bậc cao đẳng theo đúng quy định về quy trình và điều kiện tự đánh giá một chương trình đào tạo (7.5.01- *Quyết định 666/ QĐ-CDNB ngày 8/9/2021 thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo cao đẳng nghề Bảo vệ thực vật*; 7.5.02 - *Kế hoạch số 810/KH-CDNB ngày 10/11/2021 tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo cao đẳng Bảo vệ thực vật và Thù y trình độ cao đẳng*; 7.5.03 - *Bảng phân công nhiệm vụ các phòng khoa và cá nhân phụ trách*).

Kết quả đánh giá năm 2021 cho chương trình đào tạo Bảo vệ thực vật trình độ cao đẳng đạt 96/100 điểm. Tuy nhiên, kết luận tự đánh giá trong năm đó là chưa đạt vì vướng vào điểm liệt theo quy định của Bộ LĐTBXH (7.5.04 – *Quyết định ban hành báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo cao đẳng BVTV năm 2021*).

Năm 2022, Nhà trường tiến hành cải tiến những nội dung chưa đạt yêu cầu để phục vụ cho việc đánh giá lại nên tạm ngưng tự đánh giá (7.5.05 - *Kế hoạch số 250/KH-CDNB ngày 30/3/2022*).

Sang năm 2023, Nhà trường tiến hành tự đánh giá lại chương trình đào tạo nghề Bảo vệ thực vật trình độ cao đẳng (7.5.06 - *Quyết định thành lập Hội đồng TĐG chương trình đào tạo BVTV trình độ cao đẳng năm 2023*; 7.5.07 - *Kế hoạch TĐG chương trình đào tạo BVTV và Thù y trình độ cao đẳng năm 2023*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).

Mô tả, phân tích, nhận định

Kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của Trường năm 2021 đã chỉ ra được những điểm mạnh, những tồn tại, hạn chế để từ đó Đảng ủy, Ban Giám hiệu Trường có các chỉ đạo khắc phục những điểm còn tồn tại, hạn chế thông qua triển khai nhiệm vụ hàng năm (1.1.06- *Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025*; 7.6.01- *Kế hoạch hoạt động; Nghị quyết; Biên bản họp của Hội đồng trường năm 2021, 2022, 2023*; 2.6.05- *Biên bản họp giao ban trong năm 2021, 2022, 2023*).

Trường có xây dựng kế hoạch và biện pháp cụ thể khắc phục tồn tại, hạn chế trên cơ sở kết quả tự đánh giá để cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo (7.5.05 - *Kế hoạch số 250/KH-CDNB ngày 30/3/2022*).

Nội dung kế hoạch gồm có:

- Những tồn tại, hạn chế đã xác định trong tự đánh giá trong năm.
- Biện pháp cải thiện, nâng cao chất lượng và phân công nhiệm vụ, trong đó nêu rõ nội dung cần cải thiện, đơn vị phụ trách, đơn vị phối hợp, thời gian hoàn thành trong năm.

Kết quả năm 2021 cho thấy có 2 tiêu chuẩn Trường tự đánh giá không đạt đó là: *Tiêu chuẩn 5.6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo và Tiêu chuẩn 5.8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy (7.5.04 - Quyết định ban hành báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo cao đẳng BVTV năm 2021).*

Năm 2022, căn cứ vào kế hoạch cải tiến đã ban hành, Trường đã đầu tư cải thiện thư viện Trường, bổ sung thêm giáo trình và các tài liệu tham khảo tuy nhiên, đến nay vẫn chưa trang bị đủ 5 bản in cho mỗi loại giáo trình. Về kết quả cải thiện tiêu chuẩn 5.8, Khoa Trồng trọt-BVTV đã nghiên cứu và đưa vào ứng dụng một số phần mềm mô phỏng trong bài giảng như: phần mềm tra cứu thuốc BVTV quốc gia của Cục BVTV cho phép người sử dụng truy cập trực tiếp vào cơ sở dữ liệu của Cục BVTV với những thông tin mới nhất và đầy đủ nhất về thuốc BVTV hiện có trên thị trường, danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng tại Việt Nam trên từng loại cây trồng; phần mềm thông kê mô tả; phần mềm kết nối máy tính với kính hiển vi soi nổi,...

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định

Vấn đề việc làm của HSSV được các cấp lãnh đạo Nhà trường hết sức quan tâm. Vì vậy, ngay thời điểm trước khi thi tốt nghiệp, Nhà trường đã phối hợp với đơn vị sử dụng lao động tổ chức những buổi tư vấn việc làm, tuyển dụng cho HSSV (7.7.01 – *Kế hoạch tổ chức buổi giới thiệu việc làm và phỏng vấn tuyển dụng cho HSSV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp ra trường năm 2021, 2022, 2023*). Do nhu cầu của thị trường lao động ngành Bảo vệ thực vật trường đào tạo là rất lớn nên đa số HSSV sau khi tốt nghiệp ra trường đều có việc làm đúng chuyên ngành đào tạo.

Hàng năm, căn cứ vào danh sách HSSV tốt nghiệp, Nhà trường định kỳ điều tra tình hình việc làm thông qua hình thức gửi email và gọi điện thoại trực tiếp sau 3 tháng, 6 tháng và 12 tháng sau tốt nghiệp (7.7.02 - *Danh sách HSSV tốt nghiệp được lấy ý kiến khảo sát*). Ngoài ra, thông qua mối quan hệ với các doanh nghiệp, Nhà trường cũng lấy được một số thông tin về HSSV tốt nghiệp ra trường có việc làm phù hợp chuyên ngành.

Qua những thông tin thu thập được, Nhà trường khẳng định rằng trên 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp (7.7.03 - Báo cáo tình hình việc làm sau tốt nghiệp năm 2020, 2021, 2022).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.

Mô tả, phân tích, nhận định

Hàng năm, Trung tâm Giới thiệu việc làm và Quan hệ doanh nghiệp xây dựng kế hoạch khảo sát điều tra đơn vị sử dụng lao động về mức độ hài lòng đối với HSSV trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ sau khi tốt nghiệp làm tại đơn vị, để biết được mức độ phù hợp của chương trình đào tạo với thực tế làm việc trong công ty, doanh nghiệp (7.1.02 - Kế hoạch khảo sát ý kiến CBVC, HSSV và doanh nghiệp phục vụ tự đánh giá năm 2021, 2022, 2023).

Qua kết quả khảo sát hàng năm cho thấy đa số doanh nghiệp được hỏi ý kiến cho biết khá hài lòng với kiến thức, kỹ năng, phẩm chất cá nhân làm việc của học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp trong đó kiến thức chuyên môn được đánh giá trên 80% hài lòng. Tuy nhiên ở một số nội dung khảo sát về kỹ năng mềm của HSSV, có chưa tới 70% ý kiến đánh giá hài lòng. Do vậy nên chú trọng đào tạo kỹ năng mềm cho học sinh, sinh viên. Việc đánh giá của các doanh nghiệp đối với học sinh, sinh viên của trường được cải thiện đáng kể qua từng năm (7.1.01 - Phiếu khảo sát đơn vị sử dụng lao động năm 2021, 2022, 2023; 7.1.03 - Danh sách đơn vị sử dụng lao động tham gia lấy ý kiến; 1.1.08 - Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát CBVC, HSSV và doanh nghiệp phục vụ tự đánh giá năm 2021, 2022, 2023).

Kết quả khảo sát qua các năm cho thấy trên 80% đơn vị sử dụng lao động hài lòng với sản phẩm đào tạo của Nhà trường (số doanh nghiệp chọn mức không hài lòng cao nhất năm 2021: 18,2%, 2022: 16,7% và 2023: 16,7%).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 7: 2 điểm

PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Về cơ sở vật chất

Tiếp tục đầu tư xây dựng và bổ sung cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ giảng dạy đồng bộ, hiện đại, đáp ứng tiêu chuẩn của ngành và chuẩn quốc tế.

Cuối năm 2021 sang năm 2022, tiếp nhận gói thiết bị mới được đầu tư từ nguồn vốn mục tiêu quốc gia cho các ngành nghề đào tạo trong trường. Trong đó, có nghề Bảo vệ thực vật, bố trí, sắp xếp các trang thiết bị vào các phòng thí nghiệm mới xây dựng.

Thực hiện nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.

2. Về nguồn nhân lực

Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đủ về số lượng và có chất lượng, có phẩm chất đạo đức, có lương tâm nghề nghiệp. Hiện nay, số nhà giáo có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia tham gia giảng dạy thực hành và tích hợp nghề Bảo vệ thực vật là 12/12 người. Phần đầu trong năm 2024 sẽ cử nhà giáo tham gia thực tập tại doanh nghiệp đúng theo quy định.

3. Về khoa học và công nghệ

Hiện tại, công tác nghiên cứu khoa học của giáo viên và sinh viên khoa chưa nhiều. Nhà trường cần phối hợp với các tổ chức giáo dục nghề nghiệp tạo điều kiện cho giáo viên và sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi các thiết bị tự làm.

Nghiên cứu và đưa vào áp dụng các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.

4. Về chương trình, giáo trình

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chương trình, giáo trình, đáp ứng được nhu cầu của HSSV và phát triển của xã hội.

Tăng cường bổ sung sách, tài liệu tham khảo chuyên ngành để HSSV có thể tiếp cận được với kiến thức và cộng với trong nước và quốc tế.

5. Về công tác học sinh sinh viên

Tạo môi trường học tập, rèn luyện để sinh viên tích cực trong học tập và sáng tạo tiếp cận với nghiên cứu khoa học. HSSV phải phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần và trình độ để tự tin tham gia các cuộc thi cho sinh viên trong nước và quốc tế. Nâng cao vị thế đào tạo nghề Bảo vệ thực vật của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ.

6. Về công tác giám sát, đánh giá chất lượng

Lập kế hoạch giám sát thường xuyên các hoạt động của Nhà trường, kịp thời phát hiện và có kế hoạch khắc phục những vấn đề chưa đáp ứng yêu cầu, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Tiếp tục giữ mối quan hệ tốt đẹp với các đơn vị sử dụng lao động do Nhà trường đào tạo ra nhằm khảo sát mức độ đáp ứng của HSSV tốt nghiệp trong việc thực hiện công việc tại công ty/ doanh nghiệp.

Tiếp tục giữ liên lạc với cựu HSSV để thu thập thông tin về việc làm sau tốt nghiệp.

PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Tổng cục giáo dục nghề nghiệp

- Trang bị cho các trường về cơ sở vật chất, thiết bị có trình độ công nghệ phù hợp với chương trình đào tạo và theo kịp với trình độ sản xuất của doanh nghiệp.

- Tạo điều kiện cho trường mở rộng liên kết đào tạo trong nước và quốc tế để có điều kiện cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.

2. Đối với cơ sở

- Hỗ trợ hơn nữa cho CBGV nâng cao trình độ nghiệp vụ, sư phạm, tin học và ngoại ngữ bằng các chính sách phù hợp.

- Tăng cường công tác đào tạo đội ngũ giảng viên trẻ.

- Có nhiều chính sách, biện pháp hơn nữa khuyến khích cán bộ, giáo viên tham gia nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả trong quá trình dạy và học. *ThS*

HIỆU TRƯỞNG



ThS. Nguyễn Tiến Huyền